CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB
Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 24 7304 5688 Website: www.mbs.com.vn

Số: 09/BC-MBS-HĐQT *Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2025*

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024, PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

(Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025)

Kính thưa: **Quý cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS)**

Thực hiện công tác quản lý và chỉ đạo hoạt động kinh doanh của Công ty theo quy định tại Điều lệ và Luật Doanh nghiệp, hôm nay, HĐQT xin trân trọng báo cáo với Đại hội về kết quả hoạt động HĐQT năm 2024, phương hướng hoạt động năm 2025 như sau:

PHẦN 1: BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG HĐQT NĂM 2024

I. BỐI CẢNH CHUNG:

1. Kinh tế vĩ mô năm 2024

Năm 2024 kinh tế thế giới tiếp tục quá trình phục hồi chậm và không đồng đều, tăng trưởng GDP của Mỹ đạt mức 2,8%, cao hơn so với các dự báo từ đầu năm. Trong khi đó Trung Quốc vẫn chịu áp lực từ khủng hoảng thị trường bất động sản và suy giảm tiêu dùng. Mặc dù bất ổn địa chính trị ở khu vực Trung Đông và Đông Âu chưa thể kết thúc, song nguy cơ đứt gãy chuỗi cung ứng đã giảm, dòng chảy Thương mại toàn cầu diễn biến tích cực. Đặc biệt, việc lạm phát đã được kiểm soát ở nhiều nước trên thế giới đã tạo điều kiện cho các NHTW bước vào chu kỳ nới lỏng tiền tệ nhằm thúc đẩy nền kinh tế.

Trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động phức tạp, nền kinh tế Việt Nam trong năm 2024 đã vươn lên mạnh mẽ với mức tăng trưởng duy trì xu hướng cải thiện qua các quý. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2024 đạt 7.09%, cao thứ 2 trong khu vực ASEAN và vượt mục tiêu 6.5%. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tăng 14,3% so với năm 2023, cán cân thương mại hàng hóa thặng dư gần 25 tỉ USD. Việt Nam thu hút 38 tỷ USD vốn đầu tư nước ngoài đăng ký mới, giảm 3% song FDI giải ngân đạt mức kỷ lục, tăng 9%, cao nhất từ trước đến nay. Lạm phát ổn định ở mức 3.6%, góp phần đảm bảo các mục tiêu vĩ mô và hỗ trợ tăng trưởng. Tuy nhiên, tỷ giá là vấn đề đáng chú ý khi tiền đồng mất giá 4,6% năm 2024 trong bối cảnh đồng USD duy trì sức mạnh.

2. Thị trường chứng khoán năm 2024

Thị trường chứng khoán Việt Nam khép lại năm 2024 ở ngưỡng 1,266.78 điểm, tăng 12.1% so với năm 2023. Đây cũng là năm thứ 2 liên tiếp, thị trường có mức tăng trưởng 2 con số. Mức tăng này là một kết quả tích cực khi đặt trong bối cảnh khối ngoại rút ròng kỷ lục và dòng vốn quốc tế quay về thị trường Mỹ. Phần lớn mức tăng của thị trường diễn ra trong quý 1, và đi ngang trong biên độ 1.200 – 1.300 điểm trong 3 quý còn lại của năm . Vốn hóa thị trường đạt 7,2 triệu tỷ đồng, tăng 21,2% so với cuối năm 2023, tương đương 70,4% GDP năm 2023. Thanh

khoản bình quân toàn thị trường năm 2024 đạt 21,1 nghìn tỷ đồng, tăng 19.9% so với năm 2023, tuy nhiên thanh khoản giảm dần trong nửa sau 2024 cùng với sự giảm điểm của Vnindex.

Năm 2024 đánh dấu các nỗ lực của cơ quan quản lý trong quá trình hướng tới nâng hạng thị trường, trong đó, phải kể đến việc ban hành Thông tư 68/2024/TT-BTC quy định về việc ký quỹ trước của nhà đầu tư tổ chức nước ngoài khi giao dịch và yêu cầu công bố thông tin trên TTCK. Tính đến cuối năm Việt Nam có 9,2 triệu tài khoản chứng khoán chiếm 9.3% dân số, vượt mục tiêu 5% được đề ra trước đây.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2024

1. Hoạt động của HĐQT năm 2024:

1.1. Hội đồng quản trị

1.1.1. Thành viên HĐQT

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028 của MBS hiện nay bao gồm các ông bà sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Lê Viết Hải	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Phan Phương Anh	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3	Bà Nguyễn Minh Hằng	Thành viên HĐQT
4	Ông Phạm Xuân Thanh	Thành viên HĐQT
5	Ông Phạm Thế Anh	Thành viên HĐQT độc lập

1.1.2. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT năm 2024

HĐQT thường xuyên tổ chức các phiên họp để giải quyết kịp thời các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT. Trong năm 2024, HĐQT đã thông qua 81 nghị quyết để triển khai các quyết định của ĐHĐCĐ cũng như thực hiện các nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT, các nghị quyết này được Công ty công bố tại mục 5 Phần II Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2024 lập ngày 17/01/2025. Các cuộc họp HĐQT đều đảm bảo đúng thủ tục theo quy định của Điều lệ và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT MBS.

1.1.3. Hoạt động của từng thành viên HĐQT

- **Chủ tịch HĐQT: Ông Lê Viết Hải**

- Lãnh đạo, quản trị toàn diện mọi hoạt động của MBS và các hoạt động thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT. Ông Lê Viết Hải trực tiếp chỉ đạo các lĩnh vực công tác sau đây: Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch Hội đồng Đầu tư, Chủ tịch Ủy ban Nhân sự và Lương thưởng, Chủ tịch Hội đồng Thi đua khen thưởng cấp HĐQT; Là Chủ tọa và quyết định chương trình/nội dung các cuộc họp HĐQT, Ủy ban nhân sự và lương thưởng, Hội đồng Đầu tư, Hội đồng Thi đua khen thưởng cấp HĐQT và các cuộc họp khác của MBS do Chủ tịch HĐQT quyết định.

- Chỉ đạo, quản lý chung hoạt động của MBS theo định hướng của HĐQT. Quyết định các chương trình, kế hoạch hoạt động, kế hoạch công tác của HĐQT.
- Chỉ đạo, định hướng, quyết định về các vấn đề liên quan đến công tác quản lý cổ đông, cổ phần/cổ phiếu, quan hệ nhà đầu tư.
- Chỉ đạo, giám sát, kiểm tra việc thực hiện của Ban điều hành đối với các Nghị quyết, chỉ đạo của HĐQT.
- Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện của Ban điều hành đối với các Nghị quyết, chỉ đạo của HĐQT và các nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật, quy định nội bộ.

➢ **Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc: Ông Phan Phương Anh**

- Ngoài trách nhiệm chung của thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản nội bộ khác, ông Phan Phương Anh còn chịu trách nhiệm đối với các vấn đề sau:
- Là Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm điều hành và quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo quy định pháp luật, quy định nội bộ.
- Thành viên của: Ủy ban Nhân sự và Lương thưởng, Ủy ban Quản lý rủi ro, Hội đồng Đầu tư, Hội đồng Thi đua khen thưởng cấp HĐQT.
- Đề xuất các định hướng, chính sách/chủ trương, mục tiêu và tổ chức triển khai trong hoạt động kinh doanh, kiểm soát rủi ro của MBS từng thời kỳ và tổ chức triển khai thực hiện.
- Tổ chức triển khai các Quyết định, Nghị quyết, chỉ đạo của ĐHCĐ, HĐQT nhanh chóng, kịp thời, đầy đủ, đảm bảo hiệu quả, quyền lợi của MBS. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm, các phương án đầu tư đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua. Chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của công ty trước HĐQT và ĐHĐCĐ.
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc và người đại diện pháp luật theo đúng quy định pháp luật và nội bộ.
- Thực hiện các công việc khác theo phân công của Chủ tịch HĐQT

➢ **Thành viên HĐQT: Bà Nguyễn Minh Hằng**

- Ngoài trách nhiệm chung của thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản nội bộ khác, bà Nguyễn Minh Hằng còn chịu trách nhiệm đối với các vấn đề sau:
- Chủ tịch Ủy ban quản lý rủi ro; là Chủ tọa các cuộc họp Ủy ban quản lý rủi ro.
- Thành viên của Ủy ban Nhân sự và Lương thưởng, Hội đồng Thi đua khen thưởng cấp HĐQT.
- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện của Ban điều hành đối với các Nghị quyết, chỉ đạo của HĐQT có liên quan đến các mảng hoạt động trọng yếu của công ty, bao gồm: QTRR và Tuân thủ, vận hành.
- Thực hiện các công việc khác do Chủ tịch HĐQT phân công.

➢ **Thành viên HĐQT: Ông Phạm Xuân Thanh**

- Ngoài trách nhiệm chung của thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản nội bộ khác, ông Phạm Xuân Thanh còn chịu trách nhiệm đối với các vấn đề sau:
- Thành viên của: Ủy ban Nhân sự và Lương thưởng, Ủy ban quản lý rủi ro, Hội đồng đầu tư, Hội đồng Thi đua khen thưởng cấp HĐQT.
- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện của Ban điều hành đối với các Nghị quyết, chỉ đạo của HĐQT có liên quan đến các mảng hoạt động trọng yếu của công ty, gồm: IB (bao gồm cả việc thúc đẩy hoạt động bán chéo IB giữa MB và MBS), Nguồn vốn và quan hệ với các định chế tài chính, kinh doanh trái phiếu, Đầu tư.
- Thực hiện các công việc khác theo phân công của Chủ tịch HĐQT.

➢ **Thành viên HĐQT độc lập: Ông Phạm Thế Anh**

- Ngoài trách nhiệm chung của thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản nội bộ khác, Ông Phạm Thế Anh còn chịu trách nhiệm đối với các vấn đề sau:
- Thành viên: Hội đồng Thi đua khen thưởng cấp HĐQT.
- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện của Ban điều hành đối với các Nghị quyết, chỉ đạo của HĐQT có liên quan đến các mảng hoạt động trọng yếu của công ty, bao gồm: Môi giới SSG, Nghiên cứu, Nhân sự.
- Thực hiện các công việc khác do Chủ tịch HĐQT phân công.

1.2. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT

Công ty có một thành viên HĐQT độc lập. Thành viên HĐQT độc lập thường xuyên ra quyết định độc lập về các vấn đề của Công ty và thực hiện giám sát khách quan phù hợp đối với các hoạt động của Ban điều hành.

Theo đánh giá của Thành viên HĐQT độc lập, HĐQT và các ủy ban thuộc HĐQT đã thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ theo đúng thẩm quyền và quy định của Điều lệ, quy định nội bộ và quy định của pháp luật có liên quan. HĐQT đảm bảo hoạt động của Công ty an toàn, hiệu quả, tuân thủ Điều lệ, pháp luật và các quy định nội bộ khác, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

Thành viên HĐQT độc lập tham gia đầy đủ các cuộc họp, cho ý kiến biểu quyết về các vấn đề đưa ra và các kiến nghị để phát triển hoạt động quản trị của Công ty.

1.3. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc HĐQT

Trong năm 2024, Uỷ ban quản lý rủi ro đã thực hiện tốt chức năng tham mưu cho HĐQT về hệ thống quản lý rủi ro và tuân thủ của MBS, đánh giá hiệu quả hệ thống quản lý rủi ro và tuân thủ của MBS, hỗ trợ HĐQT thực hiện giám sát cấp cao về hệ thống kiểm soát nội bộ. Hoạt động của uỷ ban quản lý rủi ro đã ghi nhận nhiều đóng góp tích cực, đưa ra nhiều ý kiến phản biện hữu ích để hỗ trợ cho hoạt động quản lý rủi ro của Công ty, đẩy mạnh hoạt động phát triển bền vững, an toàn, hiệu quả.

Hoạt động của Uỷ ban nhân sự và lương thưởng trong năm 2024 cũng phát huy hiệu quả chức năng tham mưu, giúp việc, hỗ trợ HĐQT thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT liên

quan đến quản trị nhân sự, xây dựng chính sách đãi ngộ, nhằm phát triển đội ngũ nhân sự thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT và xây dựng cơ chế lương thưởng chung cho toàn hệ thống MBS phù hợp với thông lệ thị trường và thực trạng tài chính của Công ty năm sau tốt hơn năm trước.

Bên cạnh đó, trong năm 2024 Hội đồng đầu tư thực hiện tham mưu cho HĐQT đối với các vấn đề liên quan đến đầu tư tự doanh của Công ty theo hạn mức được phân cấp theo quy định của MBS từng thời kỳ.

1.4. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT

Tổng Thù lao của HĐQT, BKS năm 2024 được sử dụng nằm trong hạn mức đã được ĐHĐCĐ phê duyệt (1.2% lợi nhuận sau thuế thực đạt năm 2024). Tổng thù lao năm 2024 được áp dụng đối với các thành viên HĐQT, BKS chuyên trách và không chuyên trách. Thành viên HĐQT có kiêm nhiệm thêm vị trí Tổng Giám đốc được nhận tiền lương phù hợp quy định hiện hành.

1.5. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác

HĐQT chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT cụ thể như: Rà soát và thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2024; chuẩn bị kế hoạch kinh doanh năm 2025 trình ĐHĐCĐ thường niên; tiếp tục cập nhật và nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin phục vụ các sản phẩm kinh doanh mới của Công ty và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng; rà soát hệ thống, bảo đảm an toàn, chủ động phòng ngừa rủi ro; thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông; chỉ đạo triển khai thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, sử dụng nguồn vốn huy động từ đợt phát hành trong năm phù hợp với nghị quyết của ĐHĐCĐ và các nhiệm vụ khác để phát triển kinh doanh gắn liền với an toàn hoạt động.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều lệ, HĐQT giao quyền cho Tổng giám đốc và người điều hành khác quyết định các công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, đồng thời thường xuyên báo cáo kết quả thực hiện các quyết định, kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động do HĐQT và ĐHĐCĐ giao cho.

Theo đó, thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát bằng báo cáo định kỳ hàng tháng, quý về kết quả kinh doanh và tình hình hoạt động của công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá Ban Tổng giám đốc và người điều hành khác đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT đồng thời thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông. Ban Tổng giám đốc và người điều hành khác đã chú trọng nâng cao công tác quản lý, quản trị rủi ro và kiểm soát rủi ro. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh cán bộ quản lý của Công ty theo đúng trình tự, thẩm quyền và đúng quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành. Các hoạt động đoàn thể, phát triển văn hóa doanh nghiệp được tăng cường, dần dần tạo được môi trường đoàn kết gắn bó tại công ty.

Nhìn chung, hoạt động giám sát được tiến hành chặt chẽ theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Theo đánh giá của HĐQT, tất cả các thành viên Ban Tổng giám đốc và người điều hành khác đã hoàn thành tốt chức trách của mình, thực hiện hiệu quả và hợp lý các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT giao.

1.6. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch

Các giao dịch này đã được Công ty công bố trong Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2024 lập ngày 17/01/2025. Nội dung giao dịch chủ yếu về cung cấp dịch vụ chứng khoán, giao dịch mua bán chứng khoán, môi giới chứng khoán, các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán của MBS, phù hợp quy định pháp luật. Các giao dịch đã được công bố và chấp thuận đầy đủ theo quy định tại Điều lệ Công ty.

1.7. Báo cáo kết quả phát hành trái phiếu MBS năm 2024

Năm 2024, MBS đã phát hành thành công hai đợt phát hành trái phiếu riêng lẻ, không chuyển đổi, không tài sản bảo đảm:

- Trên cơ sở Nghị quyết số 33/NQ-MBS-HĐQT ngày 12/04/2024 đã được HĐQT phê duyệt về việc Phát hành trái phiếu riêng lẻ lần 1 năm 2024 với quy mô tối đa 410 tỷ, công ty đã triển khai các trình tự thủ tục chào bán và phát hành riêng lẻ trái phiếu MBS từ ngày 16/4/2024 đến ngày 15/05/2024. Trái phiếu được phát hành thành công với tổng giá trị là 355,7 tỷ đồng (86,8%), lãi suất kỳ đầu tiên 6,8%/năm, thu hút 31 nhà đầu tư cá nhân tham gia đầu tư.
- Trên cơ sở Nghị quyết số 39/NQ-MBS-HĐQT ngày 15/05/2024 đã được HĐQT phê duyệt về việc Phát hành trái phiếu riêng lẻ lần 2 năm 2024 với quy mô tối đa 300 tỷ, công ty đã triển khai chào bán và phát hành riêng lẻ trái phiếu MBS từ ngày 20/05/2024 đến ngày 22/05/2024.

  Trong đợt phát hành này, bên cạnh nhà đầu tư cá nhân, Công ty đã mở rộng đối tượng tham gia là nhà đầu tư tổ chức. Trái phiếu phát hành thành công 300 tỷ đồng (100%) với lãi suất kỳ đầu tiên là 6,9%/năm.

Hai đợt phát hành trái phiếu riêng lẻ thành công với tổng giá trị 655,7 tỷ đồng đã chứng minh trái phiếu MBS nhận được quan tâm lớn của khách hàng bao gồm cá nhân, tổ chức. Trái phiếu MBS là sản phẩm đầu tư an toàn, hiệu quả, khẳng định vị trí của MBS trên thị trường tài chính.

Nguồn vốn thu được từ hoạt động trên không chỉ góp phần đáp ứng nhu cầu kinh doanh của Công ty mà còn góp phần cơ cấu lại nguồn vốn theo hướng ổn định, bền vững, gia tăng kỳ hạn dài, giảm sự phụ thuộc vào nguồn vay TCTD.

1.8. Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu riêng lẻ theo Phương án phát hành đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua

Theo Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ năm 2024 được thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-MBS-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2024, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã thông qua phương án phát hành tối đa 28.733.000 cổ phiếu riêng lẻ. Căn cứ kết quả thực tế

chào bán riêng lẻ, trong năm 2024, Công ty đã chào bán thành công 25.733.000 cổ phiếu. Hội đồng quản trị xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 kết quả thực hiện đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ như trên và kết thúc phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ năm 2024.

1.9. Báo cáo các nội dung đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 chưa được thực hiện

Trong năm 2024, do mặt bằng lãi suất trên thị trường có nhiều biến động tăng nên MBS chỉ thực hiện 02 lần phát hành trái phiếu riêng lẻ để đáp ứng kịp thời nhu cầu kinh doanh, mà chưa phát hành trái phiếu ra công chúng theo khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 01/NQ-MBS-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2024. Do vậy, HĐQT xin ý kiến ĐHĐCĐ cho tiếp tục thực hiện phương án chào bán và niêm yết trái phiếu tại cuộc họp ĐHĐCĐ này để đáp ứng nhu cầu vốn hoạt động năm 2025 (chi tiết theo Tờ trình đính kèm).

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty trong năm 2024

Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán có nhiều biến động, HĐQT, Ban Điều hành cùng toàn thể CBNV MBS đã nỗ lực và đạt được một số kết quả khả quan trong năm 2024, cụ thể:

Kết quả kinh doanh tăng trưởng tích cực

- Doanh thu đạt 3,131 tỷ đồng, tăng 71% so với cùng kỳ năm 2023, và hoàn thành 112% KH cả năm 2024.
- Lợi nhuận trước thuế 930.6 tỷ đồng, tăng 30% so với cùng kỳ năm 2023, và hoàn thành 100% KH cả năm 2024, đạt mức cao nhất trong lịch sử.
- Thị phần HSX tăng từ mức 4.69% Qúy 3 lên 5.16% trong Qúy 4/2024, vươn lên vị trí thứ 6; thị phần HSX cả năm 2024 đạt 4.89% trong TOP7. MBS hiện đang quản lý 570 nghìn tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư, với giá trị tài sản ròng bình quân của khách hàng đạt trên 45.000 tỷ đồng.
- Vốn chủ sở hữu cuối kỳ đạt 6,909 tỷ đồng, tăng 37% so với cùng kỳ, và hoàn thành 121% KH cả năm 2024; Tổng tài sản đạt ~ 22.1 nghìn tỷ, tăng 44% so với năm 2023.
- Năng suất lao động tăng 26% so với thực hiện năm 2023; Kiểm soát tốt tỷ lệ CIR.
- Kiểm soát chặt chẽ danh mục chứng khoán cho vay và đầu tư với tỷ lệ nợ xấu = 0, điều chỉnh kịp thời trong điều kiện thị trường biến động mạnh đảm bảo an toàn cho Công ty.
- Triển khai một số sản phẩm, tính năng mới: Tối ưu và số hóa tư vấn Dolphin - Triển khai nâng cấp AI Advisor, …
- Ký kết thỏa thuận hợp tác giữa MBS với Dragon Captial Việt Nam trong việc: Cung cấp chính sách ưu đãi về giá cả và dịch vụ để thúc đẩy giao dịch; Hợp tác nghiên cứu và phân tích đầu tư, chia sẻ báo cáo nghiên cứu và cơ hội đầu tư, cùng hỗ trợ tái cấu trúc các công ty; Cải thiện chất lượng chăm sóc khách hàng tổ chức, phát triển thị trường và sản phẩm dịch vụ phù hợp với nhu cầu khách hàng, áp dụng công nghệ tiên tiến; Hợp tác trong lĩnh vực ngân hàng đầu tư, cung cấp dịch vụ tư vấn phát hành, niêm yết, và bảo lãnh phát hành trái phiếu;

Hợp tác phân phối chứng chỉ quỹ của DCVFM trên nền tảng MBS, khai thác lợi thế của cả hai bên.

- Duy trì tốt mối quan hệ với các tổ chức tín dụng trong nước và nước ngoài đảm bảo nguồn vốn cho kinh doanh.

Kiên định với định hướng kinh doanh dài hạn

Công ty tiếp tục theo định hướng Tầm nhìn: Trở thành Công ty chứng khoán có nền tảng giao dịch và chất lượng tư vấn tốt nhất Việt Nam; Mục tiêu nằm trong Top 3 thị trường chứng khoán Việt Nam về hiệu quả hoạt động và Top 5 thị trường chứng khoán Việt Nam về thị phần môi giới.

Thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ

MBS đã hoàn thành việc triển khai giải pháp SOC (Trung tâm điều hành an ninh mạng), ISO, Chuyển dịch hạ tầng; hoàn thành việc nâng cấp và golive hệ thống giao dịch lõi chứng khoán cơ sở - new core; hoàn thành phần mềm quản trị thông tin và tương tác trực tuyến Iportal. Triển khai số hóa hoạt động vận hành: hoàn thành dự án luân chuyển chứng từ, số hóa dịch vụ CSKH. Triển khai việc chuyển đổi dữ liệu sang đối tác mới Finn Pro; Golive luồng lead & event với MB giúp đánh giá hiệu quả việc phát triển tệp khách hàng tiềm năng của MB tại MBS; Phối hợp với MB để lên kế hoạch xây dựng Data Platform; Thực hiện phát triển báo cáo giám sát bất thường QTRR.

Tư vấn hiệu quả, quản lý tài sản của nhà đầu tư an toàn, minh bạch

Đội ngũ chuyên gia tư vấn của MBS luôn bám sát thị trường, dự báo đúng xu hướng, khuyến nghị các cơ hội đầu tư sinh lời nhưng vẫn đảm bảo an toàn và chống thất thoát tài sản cho nhà đầu tư. MBS thường xuyên tổ chức các Hội thảo tư vấn về kinh tế và thị trường chứng khoán như MBS talks, các chương trình tư vấn trực tuyến (livestreams)… và nhận được sự phản hồi tích cực từ cơ quan quản lý, các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân. MBS thường xuyên cung cấp các bài viết và trả lời phỏng vấn trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm quảng bá và phát triển thương hiệu MBS.

Tập trung phát triển nguồn lực

MBS thu hút mạnh mẽ nguồn lực cán bộ giỏi, kiện toàn được bộ máy nhân sự chủ chốt, thường xuyên rà soát chất lượng nhân sự cùng với việc tổ chức các chương trình đào tạo nhằm đảm bảo đội ngũ cán bộ nhân viên tốt cả về năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm với công việc.

Ngoài ra, Ban lãnh đạo MBS thường xuyên quan tâm đến việc củng cố và phát triển văn hóa doanh nghiệp, truyền thông nội bộ, thực hiện tốt công tác Đảng, công tác chính trị, phát triển các tổ chức quần chúng, thanh niên, quan tâm đến đời sống tinh thần và vật chất của CBNV, xây dựng tình cảm gắn bó đoàn kết của CBNV với Công ty.

Chủ động quản trị rủi ro an toàn hiệu quả, không phát sinh nợ xấu trong nhiều năm liên tiếp

Trong năm 2024, mặc dù nhiều lúc thị trường sụt giảm mạnh bởi các yếu tố khách quan phức tạp nhưng việc tuân thủ mô hình quản trị rủi ro theo 3 tuyến phòng thủ và khẩu vị rủi ro chặt chẽ đã giúp MBS tiếp tục duy trì tỷ lệ nợ xấu bằng 0% trong khi hoạt động dịch vụ tài chính vẫn tăng trưởng mạnh. Đồng thời, hệ thống quản trị rủi ro trên mọi khía cạnh của Công ty tiếp tục phát huy hiệu quả, đảm bảo an toàn cho doanh nghiệp hoạt động.

Nâng cao uy tín và Thương hiệu

MBS đã được các cơ quan chức năng, khách hàng nhìn nhận, đánh giá và tin tưởng vào những nỗ lực cũng như sự chuyển mình đầy tích cực. Hình ảnh của MBS thường xuyên xuất hiện các phương tiện thông tin đại chúng, các Bản tin tài chính VTV, các bài viết của MBS có mặt rất nhiều trên các báo đầu tư và thị trường chứng khoán. Trong năm 2024, MBS đã vinh dự nhận được một số giải thưởng, có thể kể đến như:

- Giải thưởng Sao Khuê dành cho MBS Mobile App.
- Giải thưởng Đơn vị môi giới Đơn vị Môi giới chứng khoán số tốt nhất Việt Nam năm 2024 (Best Digital Broker in Vietnam 2024) do Tổ chức Alpha Southeast Asia bình chọn.
- Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán cơ sở năm 2024.
- Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh năm 2024.

Một số tồn tại cần phải khắc phục:

Bên cạnh những kết quả đạt được, Hội đồng quản trị đánh giá Công ty vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục, cụ thể như sau:

- Thị phần môi giới của Công ty trong năm 2024 chưa đạt mục tiêu đề ra, tỷ lệ KH active thấp.
- Hoạt động CNTT vẫn còn phát sinh lỗi nhỏ làm ảnh hưởng tới giao dịch của KH. Cần tiếp tục đầu tư tăng năng lực hệ thống để nâng cao trải nghiệm khách hàng, giảm các lỗi làm gián đoạn dịch vụ, khai thác được tệp khách hàng số nhiều tiềm năng từ MB.

PHẦN 2: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2025

1. Dự báo kinh tế vĩ mô và TTCK năm 2025

Kinh tế vĩ mô năm 2025

Năm 2025, nhiều dự báo của các tổ chức kinh tế thế giới công bố gần đây cho thấy sự lạc quan hơn so với dự báo năm 2024. Tuy nhiên, trật tự thế giới đang thay đổi khi Tổng thống Donald Trump một lần nữa quay lại Nhà Trắng với các chính sách bảo hộ thương mại quyết liệt hơn, nhiều khả năng sẽ tác động tiêu cực đến một số đối tác có thặng dư Thương mại lớn với Mỹ, trong đó có Việt Nam.

Ở trong nước, năm 2025 thực sự mang lại cảm nhận là một năm đánh dấu cho sự khởi đầu của kỷ nguyên mới đối với Việt Nam. Các nỗ lực cải cách thể chế, tinh gọn bộ máy đang được triển khai quyết liệt nhằm chuẩn bị cho một chu kỳ phát triển mạnh mẽ, nâng cao vị thế cạnh tranh chiến lược trong chuỗi giá trị toàn cầu. Năm 2025 là năm bứt phá về đích của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 và cũng là tiền đề hướng đến tăng trưởng kinh tế 2 chữ số trong giai đoạn 2026-2030. Tháng 2, Chính phủ đã đặt ra nhiều mục tiêu thách thức trong đó GDP tăng trưởng trên 8%, đạt quy mô xấp xỉ 500 tỷ USD, trong đó sản xuất tăng trên 9,7%, dịch vụ tăng

trên 8,1%. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội khoảng 174 tỷ USD trở lên, xấp xỉ 33,5% GDP; trong đó đầu tư công khoảng 36 tỷ USD, đầu tư tư nhân khoảng 96 tỷ USD, FDI khoảng 28 tỷ USD. Mục tiêu tăng trưởng tín dụng cũng được nâng lên mức trên 16%, CPI ở mức 4 – 4,5%.

Các thách thức của nền kinh tế trong năm nay bao gồm: Thứ nhất, chính sách điều hành dưới nhiệm kỳ thứ hai của Tổng thống Mỹ Trump về vấn đề thuế quan và hợp tác Thương mại đang khó dự báo, nhiều khả năng sẽ làm suy giảm đà tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam. Thứ hai, áp lực tỷ giá vẫn đang hiện hữu do đồng USD vẫn duy trì sức mạnh; vì vậy, NHNN sẽ phải cần cân đối giữa rủi ro tỷ giá trong ngắn hạn và mục tiêu tăng trưởng dài hạn, qua đó lãi suất khó giảm, thậm chí có xu hướng tăng lên trong năm 2025.

Thị trường chứng khoán năm 2025

Kinh tế vĩ mô vững chắc, chính sách hỗ trợ tích cực, các nút thắt pháp lý được tháo gỡ, môi trường lãi suất thuận lợi kết hợp với yếu tố tăng trưởng lợi nhuận hoạt động kinh doanh sẽ là nền tảng vững chắc cho một chu kỳ tăng trưởng tích cực của TTCK trong năm tới. Các yếu tố hỗ trợ thị trường bao gồm: (1) Tăng trưởng lợi nhuận của các DN niêm yết ước đạt 18% - 19% giai đoạn 2025 – 2026, đóng góp bởi sự ổn định của ngành ngân hàng, bán lẻ, cũng như từ phục hồi từ đáy của ngành bất động sản, xây dựng; (2) Việt Nam đang tiến gần hơn đến cơ hội được tham gia vào nhóm các TTCK mới nổi của FTSE và cả MSCI; (3) Kỳ vọng chu kỳ nới lỏng của Mỹ sẽ kích hoạt dòng vốn đầu tư nước ngoài quay trở lại các TTCK mới nổi, trong đó có Việt Nam. Trên cơ sở đó, chúng tôi kỳ vọng chỉ số Vn-Index sẽ đạt ngưỡng 1.400 – 1.420 điểm trong năm 2025 trong kịch bản cơ sở, dựa trên mức tăng trưởng 18% lợi nhuận của DN niêm yết và định giá theo hệ số P/E ở mức 12-13 lần.

Tuy vậy, thị trường cũng có thể phải đối mặt với một số rủi ro trong năm 2025 như: Chính sách điều hành khó dự đoán của thời kỳ Trump 2.0 có thể tác động đến triển vọng kinh tế thế giới và Việt Nam, có thể làm chậm lại quá trình cắt giảm lãi suất của FED khiến lãi suất ở mức cao trong thời gian lâu hơn, áp lực tỷ giá trong bối cảnh đồng VND yếu.

2. Kế hoạch hoạt động của HĐQT trong năm 2025

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị thống nhất tập trung thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- **Về chiến lược:**
  - Tiếp tục tìm kiếm đối tác chiến lược để tăng cường nguồn lực vốn và kinh nghiệm chuyển đổi số.
- **Về tổ chức – quản trị**: Nâng cao chất lượng bộ máy quản trị điều hành của HĐQT – BĐH, tăng cường vai trò của HĐQT và BKS, phát huy vai trò của các Ủy ban và cơ quan hỗ trợ cho HĐQT.
- **Về định hướng kinh doanh:**

Năm 2025, với phương châm hành động: "**Tăng tốc - Bền vững – Hiệu quả"**, toàn thể BLĐ và CBNV MBS quyết tâm nỗ lực hành động để đạt được những mục tiêu lớn như sau:

- Doanh thu đạt 3.370 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 1.300 tỷ đồng, ROE tối thiểu 14.3%.
- Tăng trưởng nhanh thị phần môi giới, mục tiêu thị phần môi giới đạt tối thiểu 6% (phấn đấu 6.5%), trong đó thị phần kinh doanh số tối thiểu 2% (phấn đấu 2.5%).

- Đẩy mạnh mô hình kinh doanh số, tăng tốc thu hút khách hàng, hoàn thành mục tiêu:
  - ✓ Tỷ trọng doanh thu hoạt động môi giới và dịch vụ tài chính trên kênh số đạt tối thiểu 70% tổng doanh thu hoạt động môi giới và dịch vụ tài chính. Trong đó tỷ lệ doanh thu riêng của Khối KDS tối thiểu 25%;
  - ✓ Tỷ lệ khách hàng active tối thiểu 25%, số lượng khách hàng active lũy kế tối thiểu 200.000 khách hàng.
- Phát huy vai trò triển khai các nghiệp vụ của Công ty chứng khoán trong mô hình kinh doanh trái phiếu của Tập đoàn; doanh số tư vấn IB cho các khách hàng MB đạt tối thiểu 20.000 tỷ đồng.

➢ **Về sản phẩm – dịch vụ:** Tiếp tục phát huy thế mạnh của những sản phẩm và dịch vụ hiện có, đồng thời đầu tư nghiên cứu và phát triển các sản phẩm và dịch vụ mới, đặc biệt là sản phẩm trên kênh số để phù hợp với thông lệ quốc tế, yêu cầu luật định và đáp ứng các nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng. Cải cách thủ tục hành chính, chú trọng thiết kế sản phẩm linh hoạt, nhiều tiện ích, có tính dẫn dắt thị trường.

➢ **Về công nghệ:** Phối hợp chặt chẽ và bám sát chiến lược phát triển CNTT Tập đoàn MB; Đầu tư mạnh mẽ các giải pháp CNTT để tiếp tục nâng cao trải nghiệm khách hàng, gia tăng tiện ích cho khách hàng, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh.

➢ **Về Nhân lực:** Tiếp tục thu hút các nguồn nhân lực chất lượng cao từ bên ngoài, đồng thời, đẩy mạnh phát triển nguồn lực nội bộ tại các mảng hoạt động kinh doanh và hỗ trợ trọng yếu; Tiếp tục hoàn thiện cơ chế đãi ngộ theo năng suất lao động.

HĐQT MBS bày tỏ lòng biết ơn chân thành tới UBCKNN, Ngân hàng MB, các công ty thành viên của MB Group, các cơ quan hữu quan, các cơ quan truyền thông, báo chí, các đối tác, các quý vị cổ đông, đặc biệt đội ngũ CBNV đã luôn nỗ lực và gắn bó cùng với MBS trong thời gian qua.

MBS mong muốn tiếp tục nhận được sự chỉ đạo, hỗ trợ của UBCK, MB, Các cơ quan truyền thông báo chí và sự tin tưởng, gắn bó của các cổ đông. Ban lãnh đạo và tập thể cán bộ nhân viên MBS sẽ nỗ lực hết sức để vượt qua mọi thách thức giữ vững đà phát triển bền vững của MBS, sáng tạo và gia tăng giá trị cho cổ đông, cho khách hàng và xã hội.

Cuối cùng, HĐQT MBS xin được gửi tới Quý vị đại biểu và toàn thể Quý vị Cổ đông lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thịnh vượng, chúc Đại hội thành công tốt đẹp./.

Nơi nhận:
- *Các cổ đông;*
- *Thành viên HĐQT; BKS;*
- *Lưu VP HĐQT.*

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Lê Việt Hải

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB
Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 24 7304 5688 Website: www.mbs.com.vn

Số: 10/BC-MBS-BKS *Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2025*

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS)

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 ("Luật Doanh nghiệp 2020");*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 ("Luật Chứng khoán 2019");*
- *Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chứng khoán MB (MBS);*
- *Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS) MBS;*

Trên cơ sở kết quả giám sát hoạt động của Công ty CP Chứng khoán MB, Ban Kiểm soát MBS xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông các nội dung chính như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT.

1. Tổ chức triển khai kế hoạch và hoạt động của Ban kiểm soát

- Trên cơ sở các quy định của Pháp luật, quy định của MBS, Ban Kiểm soát đã tổ chức triển khai và hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2024 với các nội dung chính như sau:
  - Sau ĐHĐCĐ thường niên 2024, BKS đã họp thông qua nhiệm vụ chính của Ban Kiểm soát và phân công nhiệm vụ cho các thành viên BKS.
  - Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ, tổ chức triển khai các chương trình làm việc, tổ chức các cuộc họp định kỳ/đột xuất theo quy định, đảm bảo hoạt động giám sát toàn diện, kịp thời.
  - Thực hiện các nhiệm vụ giám sát theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), gồm: Giám sát thực thi chiến lược; tài chính, hoạt động quản lý rủi ro; hoạt động đầu tư mua bán tài sản và thuê ngoài; hoạt động xử lý thu hồi nợ xấu; hoạt động giao dịch với các bên liên quan và tình hình tuân thủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT.
  - Xây dựng cơ chế báo cáo giám sát đối với HĐQT/Ban điều hành (BĐH) định kỳ theo tháng/quý. Kịp thời kiến nghị HĐQT/BĐH tuân thủ các chỉ tiêu an toàn tài chính và giới hạn đầu tư theo quy định của Pháp luật; khuyến nghị thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực quản trị, điều hành và hiệu quả hoạt động kinh doanh.
  - Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT; cho ý kiến đối với các tờ trình thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT với vai trò độc lập, đưa ra các ý kiến khách quan góp phần giảm thiểu rủi ro trong hoạt động kinh doanh của công ty.
  - Thẩm định báo cáo tài chính định kỳ 6 tháng và 1 năm theo đúng quy định của Pháp luật và quy định nội bộ.

- Thông qua các cuộc họp định kỳ/đột xuất, BKS đã tổng hợp, đánh giá một cách đầy đủ, toàn diện về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty; Kết quả quản trị và điều hành của HĐQT, BĐH và đưa ra các kiến nghị cần thiết.

- Các thành viên trong BKS đã hoàn thành nhiệm vụ được phân công.

2. Chỉ đạo hoạt động kiểm toán nội bộ

- Chỉ đạo tổ chức triển khai và hoàn thành kế hoạch hoạt động kiểm toán nội bộ năm 2024. Đào tạo nâng cao năng lực nguồn nhân sự kiểm toán nội bộ nhằm đáp ứng yêu cầu về kiểm toán theo quy định của Pháp luật và thông lệ quốc tế.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA MBS NĂM 2024

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

Năm 2024 chứng kiến những biến động mạnh mẽ về bối cảnh kinh tế và địa chính trị toàn cầu. Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2024 vẫn ghi nhận mức tăng trưởng đáng khích lệ với 12.1% và thanh khoản cải thiện 20% so với năm 2023. Xu hướng tăng trưởng chính của thị trường trong năm 2024 chủ yếu tập trung vào quý I. Phần còn lại của năm chứng kiến thị trường đi ngang với biên độ dao động khoảng 100 điểm, trong đó ngưỡng kháng cự ở mức 1.300 điểm và ngưỡng hỗ trợ ở mức 1.200 điểm. Kết thúc phiên 31/12/2024, Index đóng cửa mốc 1266,78.

Với những tác động của thị trường, MBS nỗ lực đạt được kết quả kinh doanh năm 2024 như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Kết quả kinh doanh	TH 2023	KH 2024	TH 2024	So sánh kết quả 2024	
					Với cùng kỳ 2023	Với KH 2024
1	Doanh thu	1.826	2.786	3.131	171%	112%
2	Lợi nhuận trước thuế	716	930	931	130%	100%

- Về kết quả kinh doanh, Công ty đạt kết quả hoạt động như sau:
  - Doanh thu đạt 3.131 tỷ đồng hoàn thành 112% so với kế hoạch năm và tương đương 171% với năm 2023.
  - Lợi nhuận trước thuế đạt 931 tỷ đồng hoàn thành 100% so với kế hoạch, tăng so với cùng kỳ và tương ứng 130% so với năm 2023.
- Các chỉ tiêu quản trị chi phí được kiểm soát tốt: Chi phí lương/DT thuần sau rủi ro đạt 23.8%/27% KH giao; CIR cả năm đạt 36.2%/40% KH giao (các chỉ tiêu đều giảm so với cùng kỳ).

2. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty

- Thông qua kết quả giám sát, BKS đánh giá HĐQT, BĐH đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ của công ty, nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ, cụ thể:
  - Xây dựng và phê duyệt kế hoạch năm 2024 của Công ty, BĐH triển khai giao kế hoạch đến từng đơn vị cấp 1.
  - Tổ chức thành công ĐHĐCĐ năm 2024: thông qua phương án chia cổ tức, phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

- Tăng vốn theo Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ phê duyệt, tích cực tìm kiếm và đàm phán với các đối tác chiến lược
- Tích cực triển khai các nhóm giải pháp thúc đẩy thị phần; số hóa hoạt động vận hành, quản trị rủi ro theo đúng kế hoạch, nâng cấp, cải tiến và cập nhật liên tục các tính năng của các hệ thống theo chính sách kinh doanh linh hoạt.
- Tăng cường các giải pháp ổn định, bảo mật hệ thống an toàn thông tin tại công ty với sự hỗ trợ của MB/Viettel, dự án New Core, SOC…

3. Thẩm định báo cáo tài chính, giám sát kết quả tài chính

- BKS MBS đã chỉ đạo Kiểm toán nội bộ thực hiện giám sát và thẩm định BCTC theo đúng quy định pháp luật, quy định nội bộ MB. Sau kết quả thẩm định BCTC, BKS tổ chức làm việc và phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban điều hành về công tác chỉnh sửa các kiến nghị của BKS.

  Thực hiện giám sát công tác kiểm toán độc lập về kiểm toán BCTC năm 2024 của MBS. Kết quả cho thấy, Công ty kiểm toán độc lập KPMG đã thực hiện vai trò độc lập, đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC năm 2024 của MBS. Báo cáo tài chính MBS phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- Qua giám sát BCTC và các chỉ tiêu an toàn, BKS đánh giá MBS tuân thủ quy định về đảm bảo an toàn tài chính theo quy định của Pháp luật và quy định nội bộ.

4. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

Các giao dịch này đã được Công ty công bố trong Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2024 lập ngày 17/01/2025. Nội dung các dịch vụ chủ yếu về cung cấp dịch vụ chứng khoán, giao dịch mua bán chứng khoán, môi giới chứng khoán, giao dịch tiền gửi, các sản phẩm dịch vụ hợp tác trong tập đoàn MB Group. Các giao dịch đã được công bố và chấp thuận đầy đủ theo quy định của Điều lệ công ty.

5. Các nội dung lưu ý

Ngoài các kết quả đạt được nêu trên, BKS lưu ý HĐQT/BĐH các nội dung sau:

- Mặc dù đã nỗ lực tối đa, tuy nhiên do khó khăn chung của thị trường nên Công ty chưa đạt kế hoạch về mục tiêu thị phần.
- MBS cần tăng cường các biện pháp tăng năng lực ổn định hệ thống CNTT, hạn chế lỗi phát sinh, đảm bảo an toàn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

III. Cơ chế phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT/BĐH và các cổ đông

- Cơ chế phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT/ BĐH được thực hiện tốt, cụ thể:
  - HĐQT, BĐH đã phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong hoạt động giám sát, kiểm tra, kiểm soát đảm bảo nguyên tắc tuân thủ quy định của pháp luật, quy định nội bộ MBS, vì lợi ích và phát triển của MBS.

- BKS phối hợp với HĐQT chỉ đạo Phòng Kiểm toán nội bộ hoàn thành các chương trình kiểm toán. Định kỳ tháng/quý BKS đều có báo cáo giám sát; báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của công ty gửi HĐQT, BĐH.
- BKS tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, các Ủy ban thuộc HĐQT và cho ý kiến đối với các tờ trình thuộc thẩm quyền HĐQT, kịp thời đưa ra các ý kiến đóng góp độc lập, khách quan.
- Các ý kiến, kiến nghị của BKS được HĐQT, BĐH ghi nhận, bổ sung và chỉnh sửa hoàn thiện kịp thời, đảm bảo an toàn trong hoạt động kinh doanh.

- Trong năm 2024, cơ chế phối hợp giữa Ban kiểm soát và các cổ đông được thực hiện thông qua cơ chế báo cáo về kết quả giám sát hoạt động kinh doanh, thẩm định báo cáo tài chính định kỳ gửi cổ đông, đảm bảo các quyết định của HĐQT/BĐH là phù hợp với quy định pháp luật và bảo vệ lợi ích cổ đông.

IV. THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên BKS được hưởng thù lao, lương, thưởng và các lợi ích khác gắn với vị trí công việc, mức độ hoàn thành nhiệm vụ và kết quả kinh doanh hàng năm của Công ty. Thù lao và chi phí hoạt động của BKS được thực hiện phù hợp với Điều lệ, quy định nội bộ của MBS về lương/đãi ngộ và quy định pháp luật liên quan. Mức thù lao và ngân sách hoạt động năm 2024 của Ban kiểm soát nằm trong hạn mức do ĐHĐCĐ phê duyệt.

V. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2025

Trên cơ sở quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty, BKS đã họp và thống nhất kế hoạch hoạt động năm 2025 như sau:

1. Định hướng hoạt động của BKS

- Tiếp tục kiện toàn công tác giám sát tại đơn vị theo hướng chuyên nghiệp, phù hợp với thông lệ và định hướng của HĐQT BKS MB, chiến lược Công ty trong giai đoạn mới. Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy định nội bộ liên quan đến hoạt động của Ban Kiểm soát để chỉnh sửa (trong trường hợp cần thiết), đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và định hướng của MB.
- Kiện toàn đội ngũ và năng lực nhân sự kiểm toán nội bộ, đảm bảo nguồn lực triển khai kế hoạch hoạt động và bám sát chiến lược kiểm toán nội bộ.
- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT để tăng tính tự động hóa trong hoạt động kiểm tra, giám sát phù hợp với định hướng chuyển đổi số.

2. Kế hoạch hoạt động năm 2025 của BKS

- Kiện toàn tổ chức và hoạt động kiểm soát, KTNB tại MBS: Kiện toàn tổ chức/nguồn lực KTNB phù hợp với chiến lược KTNB giai đoạn 2022 - 2026.
- Thẩm định báo cáo tài chính định kỳ 6 tháng và 1 năm, thẩm tra quyết toán tài chính hàng năm theo đúng quy định của Pháp luật và quy định nội bộ.
- Thực hiện chức năng giám sát theo đúng quy định Pháp luật, Nghị quyết, điều lệ của ĐHĐCĐ, tập trung vào: giám sát hoạt động quản trị, điều hành trong việc tuân thủ quy định pháp luật, quy định nội bộ, điều lệ và nghị quyết, quyết định của HĐQT MB/HĐQT Công ty, kiến nghị, kết luận của CQQL/BKS MB; giám sát triển khai chiến lược; kế hoạch tài chính, kế hoạch kinh doanh của Công ty, giám sát một số hoạt động, nhận diện có rủi ro cao trọng yếu, bao gồm: hoạt động Môi giới, tư vấn IB, đầu tư trái phiếu, kinh doanh nguồn

vốn, giám sát công tác đầu tư, mua bán tài sản và thuê ngoài; Hoạt động CNTT và chuyển đổi số; giám sát hoạt động giao dịch với các bên liên quan;

- Chỉ đạo và Giám sát cấp cao hoạt động kiểm toán nội bộ tại công ty, cụ thể:
  - Chỉ đạo Cơ quan KTNB triển khai các giải pháp chiến lược kiểm toán nội bộ giai đoạn 2022-2026 theo lộ trình đề ra.
  - Chỉ đạo tổ chức triển khai và hoàn thành kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2025.
  - Thường xuyên đánh giá hoạt động kiểm toán để nâng cao chất lượng kiểm toán nội bộ theo mục tiêu chiến lược đã đặt ra.
- Thực hiện nhiệm vụ khác như: Phối hợp với HĐQT, BĐH trong công tác thanh kiểm tra bên ngoài (nếu có); công tác khắc phục kiến nghị của BKS…

VI. KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị đối với Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban điều hành trình Đại hội. Giao Ban Kiểm soát chủ động triển khai các công việc tại Báo cáo.

2. Kiến nghị đối với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành

- Về chiến lược kinh doanh: Ban điều hành chỉ đạo các đầu mối triển khai sáng kiến chiến lược trọng tâm theo tiến độ đã đề ra; Tập trung giải pháp để thúc đẩy kinh doanh khối số, tăng kết nối tập đoàn để tăng thị phần, dư nợ và doanh thu, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu kinh doanh được duyệt.
- Tiếp tục tìm kiếm đối tác chiến lược để gia tăng nguồn vốn, phát động các chương trình thi đua, thúc đẩy tăng trưởng kinh doanh.
- Bám sát tình hình biến động thị trường để có phương án ứng phó nhanh trong đầu tư, thu nợ kịp thời, an toàn cho Công ty.
- Rà soát quy trình hoạt động, Chính sách Quản lý rủi ro, xây dựng các Công cụ quản lý, giám sát, cảnh báo, nhận diện rủi ro tự động theo hướng số hóa nhằm phát hiện và phòng ngừa sớm rủi ro.
- Tiếp tục triển khai giám sát các dự án Core, SOC sau Golive, tăng cường các biện pháp an ninh bảo mật, ổn định hệ thống CNTT, hạn chế lỗi phát sinh, đảm bảo an toàn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Thay mặt BKS, tôi xin trân trọng cám ơn Quý vị cổ đông, HĐQT, BĐH và các cơ quan, Ban, ngành đã tạo điều kiện thuận lợi cho BKS triển khai nhiệm vụ theo đúng quy định của pháp luật và hoàn thành nhiệm vụ mà Cổ đông giao phó.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công. Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- *Các cổ đông;*
- *HĐQT MBS;*
- *Lưu BKS MBS.*

T/M. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Phạm Thị Hoa

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB
Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 24 7304 5688 Website: www.mbs.com.vn

Số: 01/BC-MBS-BĐH

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS)**

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024

Năm 2024, mặc dù chịu tác động mạnh từ bất ổn tài chính toàn cầu cùng thiệt hại trực tiếp từ các đợt thiên tai và thời tiết cực đoan, kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng và trở thành điểm sáng trong khu vực. Tính chung năm 2024, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 7.09%; lạm phát kiểm soát dưới mức mục tiêu, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân tăng 3.63% và lạm phát cơ bản tăng 2.71% so với cùng kỳ.

Kinh tế vĩ mô trong nước ổn định, tuy nhiên nhà đầu tư nước ngoài có xu hướng bán ròng trong phần lớn thời gian của năm, các yếu tố như xung đột địa chính trị, lãi suất cao kéo dài từ Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) và tăng trưởng chậm của Trung Quốc đã ảnh hưởng đến tâm lý thị trường chứng khoán năm 2024. Kết quả, tại ngày 31/12/2024, chỉ số VN-Index đạt 1,266.78 điểm, tăng 12.1% so với cuối năm 2023, giá trị giao dịch bình quân trên thị trường cổ phiếu đạt 21,008 tỷ/phiên, tăng 19.5% so với bình quân năm 2023 *(Cục thống kê, 2025)*, tuy nhiên thanh khoản giảm dần trong nửa sau của năm với thanh khoản bình quân quý 4/2024 chỉ còn ~15 nghìn tỷ, giảm 9% so với cùng kỳ quý 4/2023 *(Khối nghiên cứu MBS, 2025)*.

Trong bối cảnh đó, Ban lãnh đạo MBS đã linh hoạt trong chỉ đạo hoạt động kinh doanh, quyết liệt triển khai nhiều giải pháp và đưa ra các chính sách cạnh tranh, bám sát với định hướng đã được ĐHĐCĐ phê duyệt và hoàn thành 100% kế hoạch lợi nhuận đặt ra.

1. Kết quả tài chính:

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Nội dung	KH 2024	TH 2024	Tăng/ giảm so với 2023	So với Kế hoạch
1	Tổng Doanh thu	2,786	3,131	Tăng 71%	Vượt 12%
2	Lợi nhuận trước thuế	930	930.6	Tăng 30%	Hoàn thành
3	Tỷ lệ cổ tức	12%	12%		Hoàn thành

Năm 2024, MBS đã ghi nhận mức doanh thu, lợi nhuận cao nhất trong lịch sử hoạt động của công ty, cụ thể:

- Doanh thu đạt 3,131 tỷ, hoàn thành 112% kế hoạch và tăng 71% so với 2023.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 930.6 tỷ, hoàn thành 100% kế hoạch cả năm và tăng 30% so với 2023. Lợi nhuận sau thuế đạt 744 tỷ, tương ứng tăng 27% so với năm trước.
- Tổng tài sản đạt 22,132 tỷ tăng 44% so với cùng kỳ. Với quy mô vốn chủ sở hữu đứng trong TOP 10 các CTCK niêm yết, năm 2024 MBS đứng thứ 03 khi so sánh các chỉ tiêu hiệu quả ROE, ROA với TOP 10 CTCK lớn nhất về thị phần HSX.

2. Về các kết quả khác:

- Trong bối cảnh cạnh tranh về thị phần, dư nợ ngày càng gay gắt, MBS đã tích cực triển khai nhiều giải pháp nhằm thu hút khách hàng và tăng trưởng dư nợ, giữ vững thị phần. Kết quả năm 2024: thị phần HSX của MBS đạt 4.89% duy trì TOP7; thị phần HNX đạt 5.44% duy trì TOP5; thị phần phái sinh của MBS tăng hai bậc so với cùng kỳ đạt vị trí TOP5 và tương ứng đạt 4.27%; thị phần UPCoM tăng một bậc đạt vị trí TOP5 và tương ứng đạt 5.30%. Dư nợ dịch vụ tài chính thời điểm cuối năm 2024 đạt 10,294 tỷ đồng, tăng trưởng 12% so với cùng kỳ 2023.
- Triển khai định hướng chuyển đổi số, năm 2024 MBS tiếp tục đầu tư mạnh cho hệ thống công nghệ thông tin, triển khai nhiều dự án số hóa và thúc đẩy hoạt động kinh doanh số, điển hình:
    - Phát triển các sản phẩm, tính năng tiện ích và gia tăng giá trị cho khách hàng như: phát triển Dolphin AI – trợ lý thông minh tiên tiến kết hợp giữa trí tuệ nhân tạo (AI) và thuật toán học máy (Marchine Learning); công cụ chăm sóc khách hàng số; sản phẩm Liên kết sức mua (tính năng liên kết tài khoản thanh toán MB); đa dạng sản phẩm với Gbond và các ưu đãi phái sinh,….
    - Đầu tư nâng cao năng lực công nghệ thông tin: xây dựng và làm chủ hệ thống core cơ sở, đầu tư tăng năng lực an toàn thông tin trong bối cảnh an ninh mạng diễn biến phức tạp, trong đó bao gồm triển khai mới dự án SOC với sự hỗ trợ và hợp tác của MB và Viettel. Năm 2024, nền tảng giao dịch MBS Mobile App đã có những thời điểm đạt vị trí TOP1 mảng chứng khoán trên đồng thời hệ điều hành Android và IOS.
    - Nâng cao tỷ lệ số hóa vận hành nhằm gia tăng năng suất lao động và kiểm soát các tỷ lệ quản trị chi phí theo yêu cầu ĐHĐCĐ giao.
- Với chiến lược phát triển bền vững, MBS ứng dụng phương pháp quản trị rủi ro chủ động và tiên tiến, giữ vững vai trò tham mưu và giám sát tuân thủ, đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh, theo đó tiếp tục hoàn thành mục tiêu không phát sinh nợ xấu năm thứ 13 liên tiếp mặc dù thị trường chứng khoán năm 2024 biến động mạnh và khó lường.
- Xác định mục tiêu đồng hành và thu hút nhà đầu tư bằng chất lượng dịch vụ, năm 2024 MBS đẩy mạnh công tác nghiên cứu, nhận định thị trường và tư vấn theo hướng số hóa nhằm đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư. Các báo cáo kinh tế vĩ mô, báo cáo ngành chuyên sâu và toàn diện, được trình bày theo ngôn ngữ Tiếng Việt và Tiếng Anh tạo điều kiện thuận lợi để khách hàng có thể tiếp cận và giúp nâng cao uy tín hoạt động nghiên cứu của MBS.
- Nhằm tăng năng lực vốn đáp ứng yêu cầu tăng trưởng, với sự ủng hộ của các cổ đông năm 2024, MBS đã hoàn thành đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu và phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chuyên nghiệp để tăng vốn chủ sở hữu MBS đạt 6,909 tỷ tương đương mức tăng 37% so với 2023 (trong đó Vốn điều lệ đạt 5,728 tỷ). Cũng trong năm 2024, MBS hoàn thành 02 đợt phát hành trái phiếu riêng lẻ với tổng giá trị phát hành 655.7 tỷ đồng.
- Là một thành viên của MBGroup, MBS chủ động và tích cực trong việc triển khai các hoạt động bán chéo với MBBank và các công ty thành viên khác nhằm tối ưu lợi thế Tập đoàn và gia tăng lợi nhuận

- Năm 2024, triển khai định hướng của Bộ tài chính về việc áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính theo chuẩn mực quốc tế (IFRS), MBS tiên phong và chủ động thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính từ chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) sang Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS) cho các kỳ bán niên và cuối năm kể từ BCTC 2023 trở đi.

II: KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025

Kinh tế thế giới năm 2025 dự báo đang dần trở lại quỹ đạo tăng trưởng, xu hướng phục hồi rõ nét hơn tuy nhiên vẫn phải đối mặt với nhiều rủi ro thách thức như xung đột và căng thẳng địa chính trị, chuỗi cung ứng toàn cầu còn yếu, thiếu hụt nguồn cung, lạm phát đang hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao, rủi ro lãi suất tăng và biến động tỷ giá hối đoái và tác động từ những chính sách kinh tế mới của chính quyền Tổng thống Mỹ Donald Trump.

Chính phủ đặt ra mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2025 đạt 8% với động lực từ xuất khẩu, đầu tư công, chuyển đổi công nghệ, phục hồi của hoạt động du lịch và tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4.5 - 5%.

Thị trường chứng khoán 2025 được dự báo có tiềm năng tăng trưởng, mặc dù vẫn có thuận lợi và khó khăn đan xen:

- Thuận lợi: thị trường chứng khoán được dự báo sẽ tiếp tục khởi sắc và có nhiều cơ hội bứt phá nhờ kỳ vọng nâng hạng lên thị trường mới nổi và dòng vốn ngoại sẽ đầu tư ròng vào thị trường sau khi được nâng hạng.
- Thách thức: Nhà đầu tư ngoại tiếp tục rút vốn trong những tháng đầu năm. Cạnh tranh giữa các CTCK ngày càng gay gắt; áp lực từ đáo hạn TPDN tiếp tục tiềm ẩn rủi ro đối với thanh khoản hệ thống và sự phục hồi chậm của thị trường bất động sản ảnh hưởng đến niềm tin chung của thị trường. Để vượt qua những thách thức này, các doanh nghiệp cần có chiến lược linh hoạt, quản trị rủi ro thận trọng và đổi mới trong các sản phẩm dịch vụ.

1. Phương châm hành động năm 2025: "TĂNG TỐC - BỀN VỮNG - HIỆU QUẢ".

Phương châm trong năm 2025 của MBS yêu cầu về tăng tốc chuyển đổi số có chất lượng, ưu tiên hướng đến hoàn thành các mục tiêu chiến lược và phát triển bền vững, với các định hướng hoạt động:

- Tiếp tục đẩy mạnh mô hình kinh doanh số, từ đó cạnh tranh một cách thông minh/ hiệu quả với các công ty cùng ngành và chú trọng nâng cao tiện ích trải nghiệm của khách hàng.
- Tăng trưởng quy mô, tạo sức bật cạnh tranh để phấn đấu đạt > 6% thị phần môi giới trong đó thị phần kênh số phấn đấu 2.5%.
- Hiệp lực tập đoàn để khai thác hỗ trợ tối ưu toàn diện hệ sinh thái, phát huy vai trò triển khai các nghiệp vụ của công ty chứng khoán trong mô hình kinh doanh của tập đoàn.
- Chuẩn hóa dữ liệu hỗ trợ thúc đẩy kinh doanh, nâng cao năng lực quản trị, kiểm soát chi phí chặt chẽ hiệu quả, tối ưu hóa nhân sự, tăng năng suất lao động.

2. Mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2025

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Mục tiêu kinh doanh	TH 2024	KH 2025	% KH 2025 so với 2024
1	Tổng Doanh thu	3,131	3,370	108%
2	Tổng Chi phí	2,201	2,070	94%
3	Lợi nhuận trước thuế	930.6	1,300	140%

3. Các giải pháp để thực hiện kế hoạch năm 2025

➢ **Hoạt động kinh doanh: Thúc đẩy hoạt động kinh doanh lõi**

a. Hoạt động môi giới và dịch vụ tài chính:

- Phát triển khách hàng mới thông qua công cụ số, áp dụng cơ chế phí/lãi suất cạnh tranh, kích thích giao dịch từ nhóm khách hàng hiện hữu; tăng cường đào tạo cho đội ngũ chuyên gia tư vấn và môi giới nhằm nâng cao chất lượng tư vấn; đẩy mạnh khai thác nhóm khách hàng Private/Priority.
- Tăng tốc Kinh doanh số từ đẩy mạnh digital marketing kết hợp marketing đa kênh và phân tích dữ liệu, chân dung khách hàng.
- Xây dựng nền tảng, gia tăng trải nghiệm khách hàng, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng công cụ tư vấn tự động.
- Tối ưu quy trình, ứng dụng số hóa trong quản lý và hỗ trợ bán hàng.

b. Hoạt động dịch vụ ngân hàng đầu tư (IB)

- Tiếp tục triển khai hiệu quả bán chéo Tập đoàn, phù hợp định hướng IB Tập đoàn.
- Lựa chọn ngành/doanh nghiệp có tiềm năng và dòng tiền ổn định.
- Phát triển nền tảng phân phối cổ phiếu/trái phiếu chuyên nghiệp, tự động; nâng cao chất lượng đội ngũ tư vấn; chính sách sản phẩm cạnh tranh, phù hợp với khách hàng mục tiêu.

c. Hoạt động đầu tư

- Mở rộng đầu tư cổ phiếu cơ hội tốt và định giá hấp dẫn.
- Tăng quy mô đầu tư Trái phiếu có tài sản đảm bảo tốt.
- Triển khai phân phối và tạo lập quỹ ETF và nghiên cứu đầu tư định lượng.

d. Hoạt động Nguồn vốn

- Tiếp tục duy trì và mở rộng hạn mức tại các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước, triển khai huy động vốn thông qua phát hành riêng lẻ và/hoặc phát hành trái phiếu ra công chúng phù hợp với tình hình thị trường và nhu cầu vốn của công ty nhằm tối ưu chi phí vốn.
- Tối ưu hoạt động nguồn từ giao dịch trên thị trường vốn, thị trường tiền tệ, thị trường ngoại hối và thị trường hàng hóa thông qua các nghiệp vụ gửi vốn, kinh doanh vốn, ngoại hối, hàng hóa đầu tư tài sản, trái phiếu, giấy tờ có giá nhằm gia tăng lợi nhuận công ty.

➢ **Quản trị vận hành: Nâng cao năng lực quản trị**

- Quản trị rủi ro chủ động và hiệu quả, hỗ trợ hoạt động kinh doanh, rà soát các cơ chế và chính sách phù hợp với mục tiêu tăng trưởng kinh doanh.
- Đẩy mạnh số hóa vận hành hỗ trợ tương tác, gia tăng tiện ích, trải nghiệm của khách hàng; tối ưu hóa các quy trình, sản phẩm nhằm tiết kiệm và sử dụng chi phí hiệu quả.
- Kiểm soát chi phí hoạt động theo định mức kế hoạch.

➢ **Công nghệ thông tin: Tiếp tục ưu tiên đầu tư và phát triển hệ thống CNTT**

- Triển khai xây dựng và làm chủ hệ thống core phái sinh, khai thác tối đa năng lực hệ thống CNTT, vận hành hệ thống đảm bảo an ninh.
- Tăng tốc chuyển đổi số toàn diện, chuẩn hóa dữ liệu khách hàng và phân tích dữ liệu phục vụ kinh doanh
- Kết nối trong Tập đoàn nắm khai thác tối đa nguồn lực hệ sinh thái.

Trên đây là báo cáo của Ban điều hành Công ty CP Chứng khoán MB về tình hình hoạt động kinh doanh 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025.

Thay mặt Ban điều hành tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành tới Bộ Tài chính, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, các Sở giao dịch Chứng khoán, Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quân đội, các công ty thành viên của MB Group, các cơ quan truyền thông, báo chí, các đối tác và đặc biệt các quý vị cổ đông luôn đồng hành và hỗ trợ MBS trong thời gian qua. Cảm ơn đội ngũ CBNV đã luôn sáng tạo, mẫn cán và cống hiến và đồng hành cùng phát triển Công ty.

MBS mong muốn tiếp tục nhận được sự chỉ đạo, hỗ trợ của các cấp lãnh đạo, Ngân hàng MB, các cơ quan truyền thông báo chí và sự tin tưởng, gắn bó của các cổ đông, tập thể CBNV trong thời gian tới.

Kính chúc toàn thể Quý vị đại biểu, Cổ đông, Khách hàng sức khỏe, hạnh phúc, thành công!

Nơi nhận:
- *Các cổ đông;*
- *Lưu VP HĐQT.*

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

PHAN PHƯƠNG ANH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 02/BC-MBS-HĐQT	*Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2025*

BÁO CÁO

Tình hình quản trị công ty
(Năm 2024)

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 7-8 Tòa nhà MB, Số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: +84 247304 5688 Fax: +84 24 37262601
- Vốn điều lệ: **5.728.129.810.000** đồng
- Mã chứng khoán: MBS
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ): Công ty CP Chứng khoán MB đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 28/03/2024. Trên cơ sở các báo cáo, tờ trình và quá trình thảo luận, ĐHĐCĐ đã thông qua các nội dung chính như sau:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-MBS-ĐHĐCĐ	28/03/2024	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024: - Báo cáo tổng kết hoạt động của HĐQT năm 2023, phương hướng hoạt động năm 2024; - Báo cáo của BKS về kết quả hoạt động năm 2023, kế hoạch hoạt động năm 2024; - Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch kinh doanh năm 2024; - Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2023; - Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán và kế hoạch kinh doanh năm 2024. - Tờ trình Thông qua báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán, phương án phân phối lợi nhuận đến năm 2023, kế hoạch năm 2024. - Tờ trình Lựa chọn công ty kiểm toán năm 2024. - Tờ trình Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ năm 2024. - Tờ trình Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2024. - Tờ trình Thông qua việc niêm yết các trái phiếu chào bán ra công chúng theo phương án phát hành được Hội đồng quản trị thông qua trong khoảng thời gian từ ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 cho đến ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

			- Tờ trình Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo năm 2024)

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ *(thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)*	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Lê Viết Hải	Chủ tịch HĐQT	03/06/2020	
2	Ông Phan Phương Anh	Thành viên HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT	26/04/2022 21/04/2023	
3	Bà Nguyễn Minh Hằng	Thành viên HĐQT	03/06/2020	
4	Ông Phạm Xuân Thanh	Thành viên HĐQT	21/04/2023	
5	Ông Phạm Thế Anh	Thành viên HĐQT độc lập	21/04/2023	

2. Các cuộc họp HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Lê Viết Hải	4/4	100%	
2	Ông Phan Phương Anh	4/4	100%	
3	Bà Nguyễn Minh Hằng	4/4	100%	
4	Ông Phạm Xuân Thanh	4/4	100%	
5	Ông Phạm Thế Anh	4/4	100%	

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc:

- Công tác giám sát tuân thủ các chỉ đạo của HĐQT trong năm 2024 tiếp tục được chú trọng thực hiện mạnh mẽ, quyết liệt, đảm bảo tất cả các Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo của HĐQT, Chủ tịch HĐQT được giám sát thực hiện chặt chẽ, thường xuyên và rõ trách nhiệm.
- HĐQT đã tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 đúng theo quy định của pháp luật hiện hành vào ngày 28/03/2024.
- Tại các phiên họp định kỳ, HĐQT công ty đều tiến hành thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của quý và bàn kế hoạch giai đoạn sau do Ban Tổng giám đốc trình bày. Các cuộc họp đều được thảo luận dân chủ, công khai và có trách nhiệm cao.
- Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động kinh doanh theo định hướng chiến lược dài hạn của MBS, đồng thời nâng cao công tác quản lý, quản trị rủi ro và kiểm soát rủi ro.
- Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh cán bộ quản lý của Công ty theo đúng trình tự và đúng quy định của Điều lệ.
- Công tác quản trị công ty của HĐQT được duy trì, củng cố và luôn đổi mới nhằm đáp ứng yêu cầu công việc và thực tiễn kinh doanh. Nhìn chung, hoạt động giám sát được tiến hành chặt chẽ theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Theo đánh giá của HĐQT, tất cả các thành viên Ban Tổng giám đốc đã cố gắng hoàn thành tốt chức trách của mình. Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý chủ chốt đã thực hiện hiệu quả và hợp lý các quyết định của HĐQT.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hiện tại, MBS có các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị gồm: Ủy ban Nhân sự và lương thưởng, Ủy ban Quản lý rủi ro, Hội đồng Đầu tư. Các tiểu ban hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động của từng tiểu ban do HĐQT ban hành và hỗ trợ cho HĐQT trong các mảng hoạt động được phân công.

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo năm 2024):

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-MBS-HĐQT	4/1/2024	Ban hành Mô hình tổ chức MBS	100%
2	02/NQ-MBS-HĐQT	5/1/2024	Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ	100%
3	03/NQ-MBS-HĐQT	8/1/2024	Phê duyệt, thông qua chủ trương thực hiện các Hợp đồng/Giao dịch giữa MBS với các bên liên quan trong năm 2024	100%
4	04/NQ-MBS-HĐQT	11/1/2024	Khen thưởng Tập thể/Cá nhân năm 2023	100%
5	05/NQ-MBS-HĐQT	15/1/2024	Thiết lập hạn mức tín dụng với Ngân hàng First Commercial Bank CN TP Hà Nội	100%
6	06/NQ-MBS-HĐQT	15/1/2024	Thiết lập hạn mức tín dụng tại Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank	100%
7	07/NQ-MBS-HĐQT	24/1/2024	Ban hành Chính sách Quản trị rủi ro MBS 2024	100%
8	08/NQ-MBS-HĐQT	26/1/2024	Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 73.NQ-MBS-HĐQT về việc thông qua kết quả đợt phát hành CP để trả cổ tức năm 2022	100%
9	09/NQ-MBS-HĐQT	30/1/2024	Thay đổi người đại diện quản lý phần vốn góp của MBS tại CTCP Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	100%
10	10/NQ-MBS-HĐQT	19/2/2024	Thiết lập hạn mức tín dụng với Ngân hàng Daegu - Chi nhánh TP.HCM	100%
11	11/NQ-MBS-HĐQT	20/2/2024	Thay đổi địa điểm trụ sở và địa điểm chi nhánh Công ty	100%
12	13/NQ-MBS-HĐQT	15/3/2024	Thiết lập hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	100%
13	14/NQ-MBS-HĐQT	28/2/2024	Thiết lập hạn mức tín dụng tại Ngân hàng KGI, trụ sở Đài Loan	100%
14	15/NQ-MBS-HĐQT	2/4/2024	Thiết lập hạn mức tín dụng với Ngân hàng TNHH Indovina	100%
15	16/NQ-MBS-HĐQT	2/4/2024	Thiết lập hạn mức tín dụng với Ngân hàng Công nghiệp Hàn Quốc – Chi nhánh Hà Nội	100%
16	17/NQ-MBS-HĐQT	4/4/2024	Thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng (phát hành cho cổ đông hiện hữu) năm 2022	100%
17	18/NQ-MBS-HĐQT	5/4/2024	Phát hành chứng quyền có bảo đảm trên cổ phiếu ACB	100%
18	19/NQ-MBS-HĐQT	5/4/2024	Phát hành chứng quyền có bảo đảm trên cổ phiếu FPT	100%
19	20/NQ-MBS-HĐQT	5/4/2024	Phát hành chứng quyền có bảo đảm trên cổ phiếu HPG	100%
20	21/NQ-MBS-HĐQT	5/4/2024	Phát hành chứng quyền có bảo đảm trên cổ phiếu MWG	100%
21	22/NQ-MBS-HĐQT	5/4/2024	Phát hành chứng quyền có bảo đảm trên cổ phiếu SHB	100%
22	23/NQ-MBS-HĐQT	5/4/2024	Phát hành chứng quyền có bảo đảm trên cổ phiếu STB	100%
23	24/NQ-MBS-HĐQT	5/4/2024	Phát hành chứng quyền có bảo đảm trên cổ phiếu TCB	100%
24	25/NQ-MBS-HĐQT	5/4/2024	Phát hành chứng quyền có bảo đảm trên cổ phiếu TPB	100%
25	26/NQ-MBS-HĐQT	5/4/2024	Phát hành chứng quyền có bảo đảm trên cổ phiếu VHM	100%
26	27/NQ-MBS-HĐQT	5/4/2024	Phát hành chứng quyền có bảo đảm trên cổ phiếu VIB	100%
27	28/NQ-MBS-HĐQT	5/4/2024	Phát hành chứng quyền có bảo đảm trên cổ phiếu VPB	100%
28	29/NQ-MBS-HĐQT	5/4/2024	Phát hành chứng quyền có bảo đảm trên cổ phiếu VRE	100%
29	30/NQ-MBS-HĐQT	10/4/2024	Thiết lập hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	100%
30	31/NQ-MBS-HĐQT	10/4/2024	Thiết lập hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	100%
31	32/NQ-MBS-HĐQT	10/4/2024	Thiết lập hạn mức tín dụng với Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	100%
32	33/NQ-MBS-HĐQT	12/4/2024	Phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ lần 1 năm 2024	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
33	34/NQ-MBS-HĐQT	17/4/2024	Thôi giữ chức vụ cán bộ	100%
34	35/NQ-MBS-HĐQT	22/4/2024	Về việc triển khai thực hiện phương án phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ	100%
35	36/NQ-MBS-HĐQT	22/4/2024	Về việc thông qua bộ hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ	100%
36	37/NQ-MBS-HĐQT	18/6/2024	Thiết lập hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	100%
37	38/NQ-MBS-HĐQT	14/5/2024	Về việc triển khai thực hiện phương án phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ	100%
38	39/NQ-MBS-HĐQT	15/5/2024	Phát hành trái phiếu riêng lẻ lần 2 năm 2024	100%
39	40/NQ-MBS-HĐQT	28/5/2024	Nghị quyết về việc sửa đổi nội dung Nghị quyết số 38/NQ-MBS-HĐQT ngày 15/05/2024 triển khai thực hiện phương án phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ	100%
40	41/NQ-MBS-HĐQT	30/5/2024	Thiết lập hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Quốc Dân	100%
41	42/NQ-MBS-HĐQT	30/5/2024	Thiết lập hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Hàng Hải	100%
42	43/NQ-MBS-HĐQT	30/5/2024	Thiết lập hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển	100%
43	44/NQ-MBS-HĐQT	30/5/2024	Thiết lập hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Quốc Tế	100%
44	45/NQ-MBS-HĐQT	30/5/2024	Thiết lập hạn mức tín dụng với Ngân hàng Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga	100%
45	46/NQ-MBS-HĐQT	30/5/2024	Thiết lập hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	100%
46	47/NQ-MBS-HĐQT	17/6/2024	Đăng ký giao dịch cho trái phiếu riêng lẻ lần 2 năm 2024	100%
47	48/QĐ-MBS-CTHĐQT	18/4/2024	Ban hành chính sách Thưởng Hiệu quả kinh doanh tại MBS	
48	49/NQ-MBS-HĐQT	21/6/2024	Thiết lập hạn mức tín dụng Công ty Tài chính TNHH MB – Shinsei	100%
49	50/NQ-MBS-HĐQT	4/6/2024	Thiết lập hạn mức tín dụng với Ngân hàng The Shanghai Commercial and Savings Bank – CN Đồng Nai	100%
50	51/NQ-MBS-HĐQT	28/6/2024	Thực hiện chi trả cổ tức MBS năm 2023	100%
51	53/NQ-MBS-HĐQT	5/7/2024	Quy chế về hệ thống văn bản nội bộ của Công ty CP Chứng khoán MB	100%
52	54/NQ-MBS-HĐQT	12/7/2024	Quyết định khen thưởng của HĐQT	100%
53	55/NQ-MBS-HĐQT	1/8/2024	Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu trong đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng năm 2024	100%
54	59/NQ-MBS-HĐQT	2/8/2024	Bổ nhiệm cán bộ_Đoàn Thanh Xuân - TP QTRR	100%
55	60/NQ-MBS-HĐQT	12/8/2024	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp để tăng vốn điều lệ năm 2024	100%
56	61/NQ-MBS-HĐQT	12/8/2024	Về việc thông qua bộ hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ năm 2024	100%
57	62/NQ-MBS-HĐQT	15/8/2024	Thiết lập hạn mức tín dụng với Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	100%
58	63/NQ-MBS-HĐQT	15/8/2024	Thiết lập hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Á Châu	100%
59	64/NQ-MBS-HĐQT	15/8/2024	Thiết lập hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	100%
60	65/NQ-MBS-HĐQT	15/8/2024	Thiết lập hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	100%
61	66/NQ-MBS-HĐQT	12/9/2024	Thiết lập hạn mức tín dụng với Ngân hàng Cathay United Bank CN Hồ Chí Minh	100%
62	67/NQ-MBS-HĐQT	18/9/2024	Phân phối số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết sau khi cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm năm 2024	100%
63	68/NQ-MBS-HĐQT	19/9/2024	Thiết lập hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
64	69/NQ-MBS-HĐQT	20/9/2024	Thiết lập hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	100%
65	70/NQ-MBS-HĐQT	20/9/2024	Thiết lập hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	100%
66	71/NQ-MBS-HĐQT	24/9/2024	Thông qua kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng năm 2024	100%
67	72/NQ-MBS-HĐQT	30/9/2024	Ban hành Quy chế quản lý kinh doanh liên tục	100%
68	73/NQ-MBS-HĐQT	3/10/2024	Ban hành Điều lệ CTCP Chứng khoán MB	100%
69	74/NQ-MBS-HĐQT	1/7/2024	Ban hành quy chế lương và đãi ngộ	100%
70	75/NQ-MBS-HĐQT	18/10/2024	Thiết lập hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	100%
71	76/NQ-MBS-HĐQT	28/10/2024	Thiết lập hạn mức tín dụng với Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	100%
72	77/NQ-MBS-HĐQT	4/11/2024	Phê duyệt, thông qua chủ trương thực hiện các Hợp đồng/Giao dịch giữa MBS với Ocean Bank	100%
73	78/NQ-MBS-HĐQT	6/11/2024	Thiết lập hạn mức tín dụng với Ngân hàng TNHH Indovina	100%
74	79/NQ-MBS-HĐQT	19/11/2024	Thay đổi địa điểm trụ sở chính và địa điểm chi nhánh Công ty	100%
75	80/NQ-MBS-HĐQT	15/11/2024	Thiết lập hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	100%
76	81/NQ-MBS-HĐQT	2/12/2024	Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tăng vốn điều lệ năm 2024	100%
77	82/NQ-MBS-HĐQT	19/11/2024	Ban hành Quy chế quản lý Dữ liệu MBS	100%
78	83/NQ-MBS-HĐQT	13/12/2024	Ban hành Quy chế Phòng, chống rửa tiền; phòng, chống tài trợ khủng bố	100%
79	84/NQ-MBS-HĐQT	27/12/2024	Thiết lập hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Bảo Việt	100%
80	85/NQ-MBS-HĐQT	27/12/2024	Thiết lập hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Tiên Phong	100%
81	86/NQ-MBS-HĐQT	27/12/2024	Thiết lập hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP An Bình	100%

III. Ban kiểm soát (Báo cáo năm 2024)

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Bà Phạm Thị Hoa	Trưởng BKS	Bầu làm TV BKS từ 10/04/2021	Thạc sỹ
2	Bà Vũ Thị Hương	TV BKS	Bầu làm TV BKS từ 27/04/2017	Đại học
3	Bà Lê Thu Trang	TV BKS	Bầu làm TV BKS từ 21/04/2023	Thạc sỹ

2. Cuộc họp của BKS:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Phạm Thị Hoa	6/6	100%	100%	
2	Bà Vũ Thị Hương	6/6	100%	100%	
3	Bà Lê Thu Trang	6/6	100%	100%	

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và cổ đông:

- Năm 2024, Công tác giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban TGĐ và Cổ đông tiếp tục thực hiện mạnh mẽ và quyết liệt, đúng quy định, cụ thể: Thực hiện các nhiệm vụ giám sát theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, gồm: Giám sát thực thi chiến lược; giám sát tài chính, hoạt động quản

lý rủi ro; giám sát hoạt động đầu tư mua bán tài sản và thuê ngoài; giám sát hoạt động xử lý thu hồi nợ xấu; giám sát hoạt động giao dịch với các bên liên quan; giám sát triển khai hoạt động kinh doanh và tuân thủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT.

- Xây dựng cơ chế báo cáo giám sát đối với HĐQT/Tổng giám đốc định kỳ theo tháng/quý. Kịp thời kiến nghị HĐQT/Tổng giám đốc tuân thủ các chỉ tiêu an toàn tài chính và giới hạn đầu tư theo quy định của Pháp luật; khuyến nghị thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực quản trị, điều hành và hiệu quả hoạt động kinh doanh.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT/Các Ủy ban trực thuộc HĐQT; cho ý kiến đối với các tờ trình thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT với vai trò độc lập, đưa ra các ý kiến khách quan góp phần giảm thiểu rủi ro trong hoạt động kinh doanh của công ty.
- Phối hợp tốt với tuyến bảo vệ thứ 2 trong mô hình 3 tuyến bảo vệ, thực hiện chia sẻ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm soát, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro và quản trị tài chính.
- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2023; báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2024; Quyết toán báo cáo tài chính năm 2023 theo đúng quy định của Pháp luật và quy định nội bộ.
- Chỉ đạo tổ chức triển khai các chương trình kiểm toán nội bộ trong năm 2024 gồm: thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2023, thẩm định BCTC 6 tháng đầu năm 2024, quyết toán Báo cáo tài chính năm 2023; kiểm toán hoạt động chi nhánh Hà Nội, hoạt động phát triển sản phẩm, chính sách phí của hoạt động môi giới, quản lý lực lượng bán và các chương trình rà soát khác theo đề xuất của HĐQT/BKS, ... Đào tạo nâng cao năng lực nguồn nhân sự kiểm toán nội bộ nhằm đáp ứng yêu cầu về kiểm toán theo quy định của Pháp luật và thông lệ quốc tế.
- Tham gia đóng góp ý kiến đối với các tờ trình/Phương án hoạt động kinh doanh trình cấp HĐQT đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và hạn chế rủi ro.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác:

Trong năm 2024, cơ chế phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Ban Tổng giám đốc được cụ thể hóa trong quy chế Quản trị công ty/quy chế tổ chức và hoạt động của BKS và được thực hiện tốt, cụ thể:

- HĐQT, Tổng giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho BKS hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ.
- BKS phối hợp với HĐQT chỉ đạo Kiểm toán nội bộ thực hiện các chương trình kiểm toán, giám sát các hoạt động.
- Định kỳ hàng quý, BKS làm việc với Tổng Giám đốc hoặc thành viên Ban Tổng giám đốc được ủy quyền về: kết quả giám sát, kiểm toán; công tác khắc phục, chỉnh sửa đề xuất của Ban kiểm soát/Kiểm toán nội bộ.
- Định kỳ hàng quý làm việc trực tiếp với các đơn vị tuyến bảo vệ thứ 2 (QTRR/KSTT) nhằm chia sẻ thông tin, nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm soát.
- Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng nhận báo cáo trực tiếp từ các đơn vị, cá nhân liên quan và các báo cáo đột xuất khi phát sinh, thực hiện giám sát và đưa ra các khuyến nghị kịp thời với HĐQT/TGĐ.
- Định kỳ BKS được mời tham dự các cuộc họp HĐQT, các Ủy ban và giao ban Công ty; Các ý kiến, kiến nghị của BKS được HĐQT, TGĐ ghi nhận, bổ sung và chỉnh sửa hoàn thiện kịp thời, góp phần đảm bảo an toàn trong hoạt động kinh doanh.

5. Hoạt động khác của BKS: Không

IV. Ban điều hành

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành
1	Ông Phan Phương Anh		Thạc sỹ	Bổ nhiệm Tổng Giám đốc từ 08/06/2022
2	Bà Phùng Thị Thanh Hà		Thạc sỹ	Giao nhiệm vụ Phó TGĐ từ 05/07/2013

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành
3	Ông Lê Thành Nam		Cử nhân	Giao nhiệm vụ Phó TGĐ từ 08/04/2015
4	Ông Nguyễn Xuân Cường		Thạc sỹ	Giao nhiệm vụ TV BĐH từ 01/06/2022; Giao nhiệm vụ Phó TGĐ từ 15/09/2023 Miễn nhiệm Phó TGĐ từ 17/04/2024
5	Ông Lê Văn Tuấn		Thạc sỹ	Giao nhiệm vụ TV BĐH từ 02/01/2019

V. Kế toán trưởng

Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Nguyễn Văn Học		Thạc sỹ	Giao nhiệm vụ KTT từ 10/10/2017

VI. Đào tạo về quản trị công ty

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty:

Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý khác đã tham gia khóa đào tạo "Quản trị Công ty" do Ủy Ban Chứng khoán tổ chức.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo năm 2024) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty

1. Danh sách về người có liên quan của công ty:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
1	Ngân hàng TMCP Quân đội	MBBA810555		0100283873; Ngày cấp 30/09/1994, thay đổi lần thứ 48 ngày 02/12/2020; Sở KHĐT HN	18 Lê Văn Lương, Cầu Giấy, Hà Nội	05/2000			Công ty mẹ
2	Lê Viết Hải	005C000009	Chủ tịch HĐQT			03/06/2020		Bầu làm TV HĐQT từ 03/06/2020	Chủ tịch HĐQT
3	Phan Phương Anh	005C001144	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty			26/04/2022		Bầu làm TV HĐQT từ 26/04/2022, bổ nhiệm Tổng Giám đốc từ 08/06/2022, Bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT từ 21/04/2023	Phó Chủ tịch HĐQT, TGĐ, Người phụ trách quản trị công ty
4	Nguyễn Minh Hằng	005C000702	Thành viên HĐQT			03/06/2020		Bầu làm TV HĐQT từ 03/06/2020	Thành viên HĐQT

5	Phạm Xuân Thanh		Thành viên HĐQT			21/04/2023		Bầu làm TV HĐQT từ 21/04/2023	Thành viên HĐQT
6	Phạm Thế Anh		Thành viên HĐQT độc lập			21/04/2023		Bầu làm TV HĐQT độc lập từ 21/04/2023	Thành viên HĐQT độc lập
7	Phạm Thị Hoa	005C05 4589	Trưởng Ban kiểm soát			10/04/2021		Bầu làm TV BKS từ 10/04/2021	Trưởng Ban kiểm soát
8	Vũ Thị Hương		Thành viên BKS			27/04/2017		Bầu làm TV BKS từ 27/04/2017	Thành viên BKS
9	Lê Thu Trang	005C23 1902, 105C81 0289	Thành viên BKS			21/04/2023		Bầu làm TV BKS từ 21/04/2023	Thành viên BKS
10	Phùng Thị Thanh Hà	005C02 8700	Phó Tổng Giám đốc, người được ủy quyền công bố thông tin			05/07/2013		Giao nhiệm vụ Phó TGĐ từ 05/07/2013	Phó Tổng Giám đốc, người được ủy quyền công bố thông tin
11	Lê Thành Nam	005C59 5666	Phó Tổng Giám đốc			08/04/2015		Giao nhiệm vụ Phó TGĐ từ 08/04/2015	Phó Tổng Giám đốc
12	Nguyễn Xuân Cường	005C71 1254	Phó Tổng Giám đốc			01/06/2022		Giao nhiệm vụ TV BĐH từ 01/06/2022; Giao nhiệm vụ Phó TGĐ từ 15/09/2023 Miễn nhiệm Phó TGĐ từ 17/04/2024	Phó Tổng Giám đốc
13	Lê Văn Tuấn	005C05 4776	Thành viên Ban điều hành			02/01/2019		Giao nhiệm vụ TV BĐH từ 02/01/2019	Thành viên Ban điều hành
14	Phạm Thị Kim Ngân	005C02 8253	Giám đốc tài chính			17/01/2023		Giao nhiệm vụ Giám đốc tài chính từ 17/01/2023	Giám đốc tài chính
15	Nguyễn Văn Học	005C09 9298	Kế toán trưởng			10/10/2017		Giao nhiệm vụ Kế toán trưởng từ 10/10/2017	Kế toán trưởng
16	Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội			105281799, SKHĐT TP HN Cấp lần đầu 11.09.2002, thay đổi lần 20 ngày 25.12.2018	Tòa nhà MB, Tầng 8, Số 3 Liễu Giai, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội	2002			Công ty con của Ngân hàng TMCP Quân đội
17	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas			Giấy phép 74/GPĐC2/KDBH (MSDN: 0107520795), Bộ Tài chính cấp ngày 28/09/2018	Tầng 15 Tòa nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội.	2016			Công ty con của Ngân hàng TMCP Quân đội
18	Tổng CTCP	005C06 6355		Giấy phép 43/GPĐC32/KDBH	Tầng 5-6 Tòa nhà MB, 21	2007			Công ty con của

	Bảo hiểm Quân Đội (MIC)			(MSDN:0102385623), Bộ tài chính cấp ngày 19/08/2021	Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội.				Ngân hàng TMCP Quân đội
19	Công ty cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB	005C00 6868		Giấy phép 53/UBCK-GP (MSDN:0102041157), UBCKNN cấp ngày 06/11/2009	Tầng 12 Tòa nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội.	2006			Công ty con của Ngân hàng TMCP Quân đội
20	Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn MB Shinsei (MCredit)			Giấy phép 58/GP-NHNN (MSDN:0107349019), NHNN cấp ngày 07/05/2018	Tầng 9, 10, 11, 12 Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội.	2016			Công ty con của Ngân hàng TMCP Quân đội
21	Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại (MBV)			Giấy phép 185/QĐ-UB - (MSDN: 0800006089) UBND Tỉnh Hải Dương cấp ngày 12/03/1994	Số 199, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Bình, Thành phố Hải Dương, Hải Dương	2024			Công ty con của Ngân hàng TMCP Quân đội

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng khối lượng giao dịch	Ghi chú
1	Ngân hàng TMCP Quân đội	Công ty mẹ	0100283873; Ngày cấp 30/09/1994, thay đổi lần thứ 48 ngày 02/12/2020; Sở KHĐT HN	18 Lê Văn Lương, Cầu Giấy, Hà Nội	01/01/2024 đến 31/12/2024	Nghị quyết số 59/2021/MBS/HĐ QT-NQ ngày 10/6/2021	Hội đồng Quản trị chấp thuận thông qua Hợp đồng cung cấp sản phẩm/dịch vụ và hợp tác tập đoàn giữa Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB) với MBS.	1
2	Ngân hàng TMCP Quân đội	Công ty mẹ	0100283873; Ngày cấp 30/09/1994, thay đổi lần thứ 48 ngày 02/12/2020; Sở KHĐT HN	18 Lê Văn Lương, Cầu Giấy, Hà Nội	01/01/2024 đến 31/12/2024	Nghị quyết số 70/2021/MBS/HĐ QT-NQ ngày 19/7/2021	HĐQT phê duyệt, chấp thuận các hợp đồng và giao dịch mua, bán Chứng Chỉ Tiền Gửi do Ngân hàng TMCP Quân Đội phát hành, phương thức thực hiện giao dịch sơ cấp và thứ cấp. - Giao dịch sơ cấp: thực hiện 78 giao dịch mua tổng giá trị ~ 16.620 tỷ đồng - Giao dịch thứ cấp: thực hiện 131 giao dịch với người có liên quan, tổng giá trị ~ 14.499 tỷ đồng.	2
3	Ngân hàng TMCP Quân đội	Công ty mẹ	0100283873; Ngày cấp 30/09/1994, thay đổi lần thứ 48 ngày 02/12/2020; Sở KHĐT HN	18 Lê Văn Lương, Cầu Giấy, Hà Nội	01/01/2024 đến 31/12/2024	Nghị quyết số 90/2021/MBS/HĐ QT-NQ ngày 10/9/2021	HĐQT phê duyệt việc thực hiện giao dịch ngoại tệ, các sản phẩm phái sinh tỷ giá, lãi suất, ký các Hợp đồng giao dịch với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB).	3
4	Ngân hàng TMCP Quân đội	Công ty mẹ	0100283873; Ngày cấp 30/09/1994, thay đổi lần thứ	18 Lê Văn Lương, Cầu Giấy, Hà Nội	01/01/2024 đến 31/12/2024	Nghị quyết số 89/NQ-MBS-HĐQT ngày 08/12/2023	Hội đồng quản trị đồng ý với đề xuất của Ban Điều hành tại Tờ trình số 85/MBS/TTr-BĐH ngày 05/12/2023 về	4

			48 ngày 02/12/2020; Sở KHĐT HN				việc "Triển khai Thỏa thuận hợp tác hỗ trợ phát triển và xử lý thông tin khách hàng tập đoàn" (Thỏa thuận hợp tác).	
5	Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)	Cùng là công ty con của Ngân hàng TMCP Quân đội	0107349019; đăng ký lần đầu vào ngày 10/03/2016, sửa đổi, bổ sung lần thứ 06 ngày 01/03/2021.	Tầng 9, 10, 11, 12 Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội.	01/01/2024 đến 31/12/2024	Nghị quyết số 134/2021/MBS/HĐQT-NQ ngày 13/12/2021	HĐQT phê duyệt việc ký kết các Hợp đồng sau giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán MB với Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei: - Hợp đồng Đại lý đăng ký lưu ký và thanh toán. - Hợp đồng mở Tài khoản và đăng ký sử dụng dịch vụ giao dịch chứng khoán.	5
6	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB	Cùng là công ty con của Ngân hàng TMCP Quân đội	0102041157; đăng ký lần đầu vào ngày 15/11/2007, thay đổi lần thứ 1 ngày 10/06/2022; Sở KHĐT HN	Tầng 12 Tòa nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội.	01/01/2024 đến 31/12/2024	Nghị quyết số 72/2022/MBS/HĐQT-NQ ngày 22/06/2022	HĐQT chấp thuận thông qua Hợp đồng uỷ quyền xác định nhà đầu tư chuyên nghiệp giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán MB với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB	6
7	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB	Cùng là công ty con của Ngân hàng TMCP Quân đội	0102041157; đăng ký lần đầu vào ngày 15/11/2007, thay đổi lần thứ 1 ngày 10/06/2022; Sở KHĐT HN	Tầng 12 Tòa nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội.	01/01/2024 đến 31/12/2024	Nghị quyết số 94/2022/MBS/HĐQT-NQ ngày 02/12/2022	HĐQT chấp thuận thông qua Phương án đầu tư Chứng chỉ quỹ MBBond do Công ty CP Quản lý quỹ đầu tư MB (MBCapital): - Số lượng CCQ MBBond cuối kì (31/12/2023): 6.000.000 CCQ Số lượng CCQ MBBond cuối kì (31/12/2024): 3.930.000 CCQ - Số lượng CCQ đã bán trong kì: 2.070.000 CCQ Tương ứng giá trị đã bán: 30.165.630.000	7
8	Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)	Cùng là công ty con của Ngân hàng TMCP Quân đội	0107349019; đăng ký lần đầu vào ngày 10/03/2016, sửa đổi, bổ sung lần thứ 06 ngày 01/03/2021.	Tầng 9, 10, 11, 12 Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội.	01/01/2024 đến 31/12/2024	Nghị quyết số 49/NQ-MBS-HĐQT ký ngày 21/06/2024	HĐQT phê duyệt việc Thiết lập hạn mức tín dụng tại Công ty Tài chính TNHH MB – Shinsei. - MBS đã thực hiện vay vốn với Mcredit. Dư nợ tại 31/12/2024 là 133 tỷ đồng	8
9	Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại (MBV)	Cùng là công ty con của Ngân hàng TMCP Quân đội	Giấy phép 185/QĐ-UB - (MSDN: 0800006089) UBND Tỉnh Hải Dương cấp ngày 12/03/1994	Số 199, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Bình, Thành phố Hải Dương, Hải Dương	04/11/2024 đến 31/12/2024	Nghị quyết số 77/NQ-MBS-HĐQT ký ngày 04/11/2024	Phê duyệt, thông qua chủ trương thực hiện các Hợp đồng, giao dịch: cung cấp sản phẩm, dịch vụ, mua bán tài sản, hợp tác và các loại hợp đồng, giao dịch liên quan khác giữa MBS với OceanBank (tên cũ của MBV). - MBS chưa phát sinh giao dịch.	

Ghi chú: Số giấy NSH (*): số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức).

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác:

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Không có

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Không có

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác: Không có.

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo năm 2024).

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp			Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ (%)	Ghi chú
				Số CMND/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp				
1	**Ngân hàng TMCP Quân đội**	**MBBA 810555**		**0100283873**	**30/09/1994, thay đổi lần thứ 48 ngày 02/12/2020**	**Sở KHĐT HN**	**18 Lê Văn Lương, Cầu Giấy, Hà Nội**	**437.357.236**	**76,35**	**Ngân hàng mẹ của MBS**
2	**Lê Viết Hải**	**005C00 0009**	**Chủ tịch HĐQT**					**957.667**	**0,17**	**Bầu làm TV HĐQT từ ngày 03/06/2020**
2.1	Lê Công Sòa	005C05 4590								Bố đẻ ông Lê Viết Hải
2.2	Nguyễn Thị Ngọc									Mẹ đẻ ông Lê Viết Hải
2.3	Vũ Hoàng Yến	005C00 6016								Vợ ông Lê Viết Hải
2.4	Lê Nhật Minh									Con trai ông Lê Viết Hải
2.5	Lê Công Duy									Con trai ông Lê Viết Hải
2.6	Lê Thị Hải Yến	005C05 4085								Em gái ông Lê Viết Hải
2.7	Trần Văn Đức	005C05 5048								Em rể ông Lê Viết Hải
2.8	Vũ Đình Trới									Bố vợ ông Lê Viết Hải
2.9	Hoàng Lan Hương									Mẹ vợ ông Lê Viết Hải
2.10	Ngân hàng TMCP Quân đội							437.357.236	76,35	Ông Lê Viết Hải là TV HĐQT
3	**Phan Phương Anh**	**005C00 1144**	**Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ, Người phụ trách quản trị công ty**							**Bầu làm TV HĐQT từ 26/04/2022 và Bổ nhiệm TGĐ, Người phụ trách quản trị công ty**

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp			Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ (%)	Ghi chú
				Số CMND/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp				
										từ 08/06/2022, Bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT từ 21/04/2023
3.1	Phan Duy Sơn									Bố đẻ ông Phan Phương Anh
3.2	Trần Thị Phương	005C110953								Mẹ đẻ ông Phan Phương Anh
3.3	Cao Thị Quỳnh Liên									Vợ ông Phan Phương Anh
3.4	Phan Anh Đức									Con trai ông Phan Phương Anh
3.5	Phan Anh Đắc									Con trai ông Phan Phương Anh
3.6	Cao Xuân Tư									Bố vợ ông Phan Phương Anh
3.7	Vũ Thị Thanh									Mẹ vợ ông Phan Phương Anh
4	**Nguyễn Minh Hằng**	**005C000702**	**TV HĐQT**					**511.201**	**0,09**	**Bầu làm TV HĐQT từ 03/06/2020**
4.1	Nguyễn Văn Lâm									Bố đẻ bà Nguyễn Minh Hằng
4.2	Phan Thị Tỵ									Mẹ đẻ bà Nguyễn Minh Hằng
4.3	Đặng Chí Trung	005C001316								Chồng bà Nguyễn Minh Hằng
4.4	Đặng Minh Châu									Con bà Nguyễn Minh Hằng
4.5	Đặng Chí Hiếu									Con bà Nguyễn Minh Hằng
4.6	Nguyễn Thu Thủy									Em gái bà Nguyễn Minh Hằng
4.7	Lê Nam									Em rể bà Nguyễn Minh Hằng

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp			Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ (%)	Ghi chú
				Số CMND/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp				
4.8	Đặng Quế Vinh									Bố chồng bà Nguyễn Minh Hằng
4.9	Lê Thị Hòa									Mẹ chồng bà Nguyễn Minh Hằng
5	**Phạm Xuân Thanh**		**TV HĐQT**							**Bầu làm TV HĐQT từ ngày 21/04/2023**
5.1	Phạm Văn Hoành									Bố đẻ ông Phạm Xuân Thanh
5.2	Phạm Thị Chích									Mẹ đẻ ông Phạm Xuân Thanh
5.3	Trần Thị Hương Giang									Vợ ông Phạm Xuân Thanh
5.4	Phạm Bảo Chi									Con ông Phạm Xuân Thanh
5.5	Phạm Anh Tú									Con ông Phạm Xuân Thanh
5.6	Phạm Xuân Sơn									Anh trai ông Phạm Xuân Thanh
5.7	Nguyễn Thúy Hằng									Chị dâu ông Phạm Xuân Thanh
5.8	Phạm Thanh Lâm									Anh trai ông Phạm Xuân Thanh
5.9	Đàm Mai Hương									Chị dâu ông Phạm Xuân Thanh
5.10	Đinh Thị Phương Thảo									Mẹ vợ ông Phạm Xuân Thanh
5.11	Trần Ngọc Hiếu									Bố vợ ông Phạm Xuân Thanh
6	**Phạm Thế Anh**		**Thành viên HĐQT độc lập**							**Bầu làm TV HĐQT từ ngày 21/04/2023**
6.1	Phạm Văn Được									Cha đẻ ông Phạm Thế Anh
6.2	Nguyễn Thị Mỹ									Mẹ đẻ ông Phạm Thế Anh
6.3	Phạm Anh Tuấn									Em ruột ông Phạm Thế Anh

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp			Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ (%)	Ghi chú
				Số CMND/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp				
6.4	Phạm Thị Hằng									Chị ruột ông Phạm Thế Anh
6.5	Đặng Minh Hiệp									Anh rể ông Phạm Thế Anh
6.6	Phạm Lan Anh									Con đẻ ông Phạm Thế Anh
6.7	Phạm Bình Minh									Con đẻ ông Phạm Thế Anh
6.8	Phạm Minh Anh									Con đẻ ông Phạm Thế Anh
7	**Phạm Thị Hoa**	**005C05 4589**	**Trưởng BKS**					**178**	**0,00**	**Bầu làm TV BKS từ 10/04/2021**
7.1	Phạm Kim Phương									Cha đẻ bà Phạm Thị Hoa (đã mất ngày 29/5/2024)
7.2	Nguyễn Thị Tìu									Mẹ đẻ bà Phạm Thị Hoa
7.3	Phạm Quốc Thảo	005C05 4615								Em trai bà Phạm Thị Hoa
7.4	Phạm Thị Hường	005C03 0307								Em gái bà Phạm Thị Hoa
7.5	Phạm Đình Tiếu									Em trai bà Phạm Thị Hoa
7.6	Phan Xuân Ngân	005C09 9098								Chồng bà Phạm Thị Hoa
7.7	Phan Xuân Tùng									Con trai bà Phạm Thị Hoa
7.8	Phan Hương Trà									Con gái bà Phạm Thị Hoa
7.9	Lê Thị Thanh Tâm	005C02 8564								Em dâu bà Phạm Thị Hoa
7.10	Hoàng Thị Thanh Thủy	005C02 8848						2	0,00	Em dâu bà Phạm Thị Hoa
7.11	Phạm Văn Phúc									Em rể bà Phạm Thị Hoa
8	**Vũ Thị Hương**	**005C05 3413**	**Thành viên BKS**					**87.908**	**0,02**	**Bầu làm TV BKS từ 27/04/2017**
8.1	Vũ Đức Bồng									Bố đẻ Bà Vũ Thị Hương

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp			Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ (%)	Ghi chú
				Số CMND/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp				
8.2	Phan Thị Soan									Mẹ đẻ Bà Vũ Thị Hương
8.3	Phan Văn Duy									Chồng Bà Vũ Thị Hương
8.4	Phan Vũ Minh Phương									Con gái Bà Vũ Thị Hương
8.5	Phan Vũ Minh Anh									Con gái Bà Vũ Thị Hương
8.6	Vũ Thị Thanh Hải									Chị gái Bà Vũ Thị Hương
8.7	Vũ Thị Hồng									Chị gái Bà Vũ Thị Hương
8.8	Vũ Đức Huy									Em trai Bà Vũ Thị Hương
8.9	Phạm Văn Toại									Anh rể Bà Vũ Thị Hương
8.10	Nguyễn Văn Đạt									Anh rể Bà Vũ Thị Hương
8.11	Phan Văn Bon									Bố chồng bà Vũ Thị Hương
8.12	Trần Thị Vui									Mẹ chồng bà Vũ Thị Hương
9	**Lê Thu Trang**	**005C23 1902, 105C81 0289**	**Thành viên BKS**							**Bầu làm TV BKS từ 21/04/2023**
9.1	Nguyễn Ngọc Thành	005C36 8043								Chồng bà Lê Thu Trang
9.2	Nguyễn Lê Ngọc Linh									Con bà Lê Thu Trang
9.3	Lê Như Ngọc									Bố ruột bà Lê Thu Trang
9.4	Nguyễn Thị Oanh	005C06 3468								Mẹ ruột bà Lê Thu Trang
9.5	Lê Hải Yến	005C02 8860								Chị ruột bà Lê Thu Trang
9.6	Mai Như Thảo									Anh rể bà Lê Thu Trang
9.7	Trần Thủy Triều	005C02 5477								Mẹ chồng bà Lê Thu Trang
10	**Phùng Thị Thanh Hà**	**005C02 8700**	**Phó Tổng Giám đốc, Người**					**11**	**0,00**	**Giao nhiệm vụ PTGĐ từ 05/07/2013**

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp			Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ (%)	Ghi chú
				Số CMND/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp				
			được ủy quyền công bố thông tin							
10.1	Phùng Xuân Trường									Bố đẻ Bà Phùng Thị Thanh Hà
10.2	Trần Thị Lý									Mẹ đẻ Bà Phùng Thị Thanh Hà
10.3	Nguyễn Đình Long									Con trai Bà Phùng Thị Thanh Hà
10.4	Nguyễn Đình Tùng									Con trai Bà Phùng Thị Thanh Hà
10.5	Nguyễn Hà Linh Đan									Con gái Bà Phùng Thị Thanh Hà
10.6	Phùng Thanh Sơn									Anh trai Bà Phùng Thị Thanh Hà
10.7	Trần Thị Hường									Chị dâu Bà Phùng Thị Thanh Hà
10.8	Phùng Thị Thanh Giang									Em gái Bà Phùng Thị Thanh Hà
10.9	Công đoàn cơ sở thành viên Công ty CP Chứng khoán MB	005C788789						231.021	0,04	Bà Phùng Thị Thanh Hà là Chủ tịch
11	**Lê Thành Nam**	**005C595666**	**Phó Tổng Giám đốc**					**233.236**	**0,04**	**Giao nhiệm vụ Phó Tổng Giám đốc từ 08/04/2015**
11.1	Lê Thành Hưng									Bố đẻ Ông Lê Thành Nam
11.2	Nguyễn Thị Nhung									Mẹ đẻ Ông Lê Thành Nam
11.3	Nguyễn Thị Thùy Dương	005C583999								Vợ Ông Lê Thành Nam
11.4	Lê Nguyễn Bình Minh									Con trai Ông Lê Thành Nam
11.5	Lê Nguyễn Anh Quân									Con trai Ông Lê Thành Nam
11.6	Lê Thành Trung									Em trai Ông Lê Thành Nam
11.7	Mùng Thị Hương									Em dâu Ông Lê Thành Nam
11.8	Lê Hạnh									Em trai Ông Lê Thành Nam

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp			Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ (%)	Ghi chú
				Số CMND/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp				
11.9	Trần Thị Anh									Em dâu Ông Lê Thành Nam
11.10	Lê Trung Dũng									Em trai Ông Lê Thành Nam
11.11	Phạm Thị Hương									Em dâu Ông Lê Thành Nam
11.12	Nguyễn Đình Thắng									Bố vợ ông Lê Thành Nam
11.13	Vũ Thị Thân									Mẹ vợ ông Lê Thành Nam
11.14	Công ty cổ phần Thuốc Thú y Cai Lậy									Ông Nam là Thành viên HĐQT
11.15	Công ty cổ phần Dịch vụ-Thương Mại Giấy Việt									Ông Nam là Thành viên HĐQT
11.16	Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước									Ông Nam là Thành viên HĐQT
12	**Nguyễn Xuân Cường**	**005C71 1254**	**Phó Tổng Giám đốc**					**3.700**	**0,00**	**Giao nhiệm vụ TV BĐH từ 01/06/2022 Giao nhiệm vụ Phó TGĐ từ 15/09/2023 Miễn nhiệm Phó TGĐ từ 17/04/2024**
12.1	Nguyễn Xuân Việt									Bố đẻ ông Nguyễn Xuân Cường (đã mất ngày 07/4/2024)
12.2	Phạm Thị Hồng Hạnh	005C35 3695								Vợ ông Nguyễn Xuân Cường
12.3	Nguyễn Xuân Vĩnh Tuấn									Con ông Nguyễn Xuân Cường
12.4	Nguyễn Phạm Gia Nghi									Con ông Nguyễn Xuân Cường
12.5	Nguyễn Xuân Vĩnh Khánh									Con ông Nguyễn Xuân Cường

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp			Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ (%)	Ghi chú
				Số CMND/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp				
12.6	Khuất Thị Hồng									Mẹ vợ ông Nguyễn Xuân Cường
12.7	Nguyễn Thị Thảo Vy									Em ruột ông Nguyễn Xuân Cường
12.8	Nguyễn Kim Quyền									Em rể ông Nguyễn Xuân Cường
13	**Lê Văn Tuấn**	**005C05 4776**	**TV Ban Điều hành**					**487.985**	**0,09**	**Giao nhiệm vụ TV BĐH từ 02/01/2019**
13.1	Hoàng Thị Thùy Dương	005C35 9948								Vợ ông Lê Văn Tuấn
13.2	Lê Hoàng Tuấn Minh									Con ông Lê Văn Tuấn
13.3	Lê Hoàng Minh Anh									Con ông Lê Văn Tuấn
13.4	Lê Văn Liên									Bố đẻ ông Lê Văn Tuấn
13.5	Bùi Thị Bộ									Mẹ đẻ ông Lê Văn Tuấn
13.6	Lê Văn Tân									Anh trai ông Lê Văn Tuấn
13.7	Lê Văn Tấn	005C05 4519								Em trai ông Lê Văn Tuấn
13.8	Nguyễn Thị Thảo									Chị dâu ông Lê Văn Tuấn
13.9	Hoàng Văn Long									Bố vợ ông Lê Văn Tuấn
13.10	Trần Thị Thái									Mẹ vợ ông Lê văn Tuấn
14	**Phạm Thị Kim Ngân**	005C02 8253	**Giám đốc tài chính**							**Giao nhiệm vụ Giám đốc tài chính từ 17/01/2023**
14.1	Hoàng Thanh Tuấn	079C10 1280								Chồng bà Phạm Thị Kim Ngân
14.2	Hoàng Hà Chi									Con bà Phạm Thị Kim Ngân
14.3	Hoàng Hà An									Con bà Phạm Thị Kim Ngân
14.4	Phạm Trường Thọ									Bố đẻ bà Phạm Thị Kim Ngân

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp			Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ (%)	Ghi chú
				Số CMND/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp				
14.5	Bùi Thị Chinh									Mẹ đẻ bà Phạm Thị Kim Ngân
14.6	Phạm Ánh Ngân									Em bà Phạm Thị Kim Ngân
14.7	Hoàng Thị Loan									Em dâu bà Phạm Thị Kim Ngân
14.8	Hoàng Kim Tiến									Bố chồng bà Phạm Thị Kim Ngân
14.9	Phùng Thị Bích Huệ	079C505859								Mẹ chồng bà Phạm Thị Kim Ngân
15	**Nguyễn Văn Học**	**005C099298**	**Kế toán trưởng**							**Giao nhiệm vụ Kế toán trưởng từ ngày 10/10/2017**
15.1	PhạmThị Liễu									Mẹ đẻ ông Nguyễn Văn Học
15.2	Bùi Kim Thoa									Vợ ông Nguyễn Văn Học
15.3	Nguyễn Diệu Linh									Con gái ông Nguyễn Văn Học
15.4	Nguyễn Khánh Hân									Con gái ông Nguyễn Văn Học
15.5	Nguyễn Văn Điệu									Anh trai ông Nguyễn Văn Học
15.6	Nguyễn Xuân Trường									Anh trai ông Nguyễn Văn Học
15.7	Nguyễn Văn Thang									Anh trai ông Nguyễn Văn Học
15.8	Nguyễn Thị Nền									Chị gái ông Nguyễn Văn Học
15.9	Nguyễn Thị Mến									Chị gái ông Nguyễn Văn Học
15.10	Bùi Thị Thanh Huyền									Chị dâu ông Nguyễn Văn Học
15.11	Tô Thị Nơ									Chị dâu ông

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp			Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ (%)	Ghi chú
				Số CMND/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp				
										Nguyễn Văn Học
15.12	Nguyễn Văn Sắc									Anh rể ông Nguyễn Văn Học
15.13	Bùi Thị Toan									Chị dâu ông Nguyễn Văn Học
15.14	Tô Văn Phúc									Anh rể ông Nguyễn Văn Học
15.15	Bùi Dũng									Bố vợ ông Nguyễn Văn Học (đã mất ngày 2/12/2024)
15.16	Nguyễn Thị Lập									Mẹ vợ ông Nguyễn Văn Học
16	**Trần Thị Thanh Huyền**	**005C009546** **026C574561**	**Trưởng Phòng Kiểm toán nội bộ**					**138.123**	**0,02**	**Giao nhiệm vụ Trưởng phòng KTNB từ 17/04/2017**
16.1	Hoàng Thị Yến									Mẹ đẻ bà Trần Thị Thanh Huyền
16.2	Bùi Thanh Thủy	005C020888						26.660	0,00	Chồng bà Trần Thị Thanh Huyền
16.3	Bùi Huyền Nhi									Con gái bà Trần Thị Thanh Huyền
16.4	Bùi Vân Hà									Con gái bà Trần Thị Thanh Huyền
16.5	Trần Thị Thu Hiền	005C217067								Chị gái bà Trần Thị Thanh Huyền
16.6	Đào Văn Hạnh									Anh rể bà Trần Thị Thanh Huyền
16.7	Trần Cao Khang									Em trai bà Trần Thị Thanh Huyền
16.8	Bùi Thị Minh Hằng	005C023211								Em dâu bà Trần Thị Thanh Huyền
16.9	Bùi Văn Vần									Bố chồng bà Trần Thị

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp			Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ (%)	Ghi chú
				Số CMND/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp				
										Thanh Huyền
16.10	Trần Thị Điểm									Mẹ chồng bà Trần Thị Thanh Huyền
17	**Đỗ Thị Thúy Nga**	**005C062334** 026C203971	**Chuyên viên Kiểm toán nội bộ**							**Là CV KTNB từ 27/8/2018**
17.1	Đỗ Đình Tình	122100007090 95								Bố đẻ bà Đỗ Thị Thúy Nga
17.2	Ninh Thị Mơ	005C464561								Mẹ đẻ bà Đỗ Thị Thúy Nga
17.3	Đỗ Khánh Linh	005C464552 000131 1293								Em gái bà Đỗ Thị Thúy Nga
17.4	Luyện Ngọc Hùng	005C464560 000119 9296								Em rể bà Đỗ Thị Thúy Nga
18	**Mai Thị Sen**	**005C200399**	**Chuyên viên cao cấp Kiểm toán nội bộ**							**Là CV KTNB từ 2/1/2019**
18.1	Mai Văn Tân									Bố đẻ bà Mai Thị Sen
18.2	Mỵ Thị Phương									Mẹ đẻ bà Mai Thị Sen
18.3	Mai Văn Dũng	005C481508								Anh trai bà Mai Thị Sen
18.4	Nguyễn Thị Quỳnh									Chị dâu bà Mai Thi Sen
18.5	Mai Thị Nhung	005C208607								Chị gái bà Mai Thị Sen
18.6	Bùi Quang Thái	005C491812								Anh rể bà Mai Thị Sen
18.7	Lê Văn Phú									Chồng bà Mai Thị Sen
18.8	Lê Văn Cử									Bố chồng bà Mai Thị Sen
18.9	Nguyễn Thị Thi									Mẹ chồng bà Mai Thị Sen

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp			Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ (%)	Ghi chú
				Số CMND/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp				
19	**Vũ Thị Thanh Huyền**		**CV Phòng KTNB**							**Là CV KTNB từ 27/07/2021**
19.1	Vũ Đình Khai									Bố đẻ bà Vũ Thị Thanh Huyền
19.2	Lã Thị Quyên									Mẹ đẻ bà Vũ Thị Thanh Huyền
19.3	Nguyễn Thị Phin									Mẹ chồng bà Vũ Thị Thanh Huyền
19.4	Nguyễn Văn Thắng									Chồng bà Vũ Thị Thanh Huyền
19.5	Vũ Thị Xuân									Chị gái bà Vũ Thị Thanh Huyền
19.6	Phạm Quang Lực									Anh rể bà Vũ Thị Thanh Huyền
19.7	Vũ Quốc Huy									Anh trai bà Vũ Thị Thanh Huyền
19.8	Đào Thị Giang									Chị dâu bà Vũ Thị Thanh Huyền

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số CP sở hữu đầu kỳ		Số CP sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Ngân hàng TMCP Quân đội	Ngân hàng mẹ	348.962.212	79,73	437.357.236	76,35	Thực hiện quyền mua chứng khoán trong đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng
2	Lê Viết Hải	Chủ tịch HĐQT	766.134	0,18	957.667	0,17	Thực hiện quyền mua chứng khoán trong đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng
3	Nguyễn Minh Hằng	Thành viên HĐQT	408.961	0,09	511.201	0,09	Thực hiện quyền mua chứng khoán trong đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng
4	Phạm Thị Hoa	Trưởng BKS	143	0,00	178	0,00	Thực hiện quyền mua chứng khoán trong đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng
5	Vũ Thị Hương	Thành viên BKS	70.327	0,02	87.908	0,02	Thực hiện quyền mua chứng khoán trong đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng
6	Lê Thành Nam	Phó TGĐ	186.589	0,04	233.236	0,04	Thực hiện quyền mua chứng khoán trong đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng
7	Nguyễn Xuân Cường	Phó TGĐ	12.264	0,00	3.700	0,00	Bán cổ phiếu; (Ông Cường không còn là người nội bộ của công ty từ ngày 17/04/2024)

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số CP sở hữu đầu kỳ		Số CP sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
8	Lê Văn Tuấn	Thành viên BĐH	457.088	0,10	487.985	0,09	Bán cổ phiếu; Thực hiện quyền mua chứng khoán trong đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng
9	Trần Thị Thanh Huyền	Trưởng phòng KTNB	111.546	0,03	138.123	0,02	Thực hiện quyền mua chứng khoán trong đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng
10	Bùi Thanh Thủy	Chồng bà Trần Thị Thanh Huyền	21.328	0,00	26.660	0,00	Thực hiện quyền mua chứng khoán trong đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng
11	Công đoàn cơ sở Thành viên Công ty CP Chứng khoán MB	Bà Phùng Thị Thanh Hà là Chủ tịch	184.817	0,04	231.021	0,04	Thực hiện quyền mua chứng khoán trong đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không có

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu: VP HĐQT.

CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

LÊ VIẾT HẢI

KPMG

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
Thông tin về Công ty

Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số	116/GP-UBCK	ngày 9 tháng 12 năm 2013
	112/GPĐC-UBCK	ngày 18 tháng 11 năm 2022
	21/GPĐC-UBCK	ngày 4 tháng 4 năm 2024
	75/GPĐC-UBCK	ngày 14 tháng 10 năm 2024
	01/GPĐC-UBCK	ngày 3 tháng 1 năm 2025
	Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là GPHĐKDCK số 01/GPĐC-UBCK ngày 3 tháng 1 năm 2025.	
Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp	0106393583	ngày 24 tháng 1 năm 2025
	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.	
	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 24 tháng 1 năm 2025.	
Hội đồng Quản trị	Ông Lê Viết Hải	Chủ tịch
	Ông Phan Phương Anh	Phó Chủ tịch
	Ông Phạm Thế Anh	Thành viên HĐQT độc lập
	Bà Nguyễn Minh Hằng	Thành viên
	Ông Phạm Xuân Thanh	Thành viên
Ban Kiểm soát	Bà Phạm Thị Hoa	Trưởng Ban
	Bà Vũ Thị Hương	Thành viên
	Bà Lê Thu Trang	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Phan Phương Anh	Tổng Giám đốc
	Bà Phùng Thị Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc *(đến ngày 17/4/2024)*
Người đại diện theo pháp luật	Ông Phan Phương Anh	Tổng Giám đốc
Trụ sở đăng ký	Tầng 7 và 8, Tòa nhà MB Số 21 Cát Linh, Phường Cát Linh Quận Đống Đa Hà Nội, Việt Nam	
Công ty Kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 78 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

- Tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 2 năm 2025

KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ("Công ty"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 2 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 78.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

KPMG Limited, a Vietnamese one member limited liability company and a member firm of the KPMG global organization of independent member firms affiliated with KPMG International Limited, a private English company limited by guarantee. All rights reserved.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 24-02-00202-25-4

Đàm Xuân Lâm	Lê Nhật Vương
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề	Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0861-2023-007-1	Kiểm toán số 3849-2022-007-1
Phó Tổng Giám đốc	

Hà Nội, ngày 18 tháng 2 năm 2025

Mẫu B01 - CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

		Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
	TÀI SẢN				
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)**	**100**		**21.873.571.497.790**	**14.673.785.853.603**
I.	**Tài sản tài chính**	**110**		**21.853.905.561.273**	**14.653.942.454.462**
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	111	6	1.773.543.835.124	571.249.283.464
1.1.	*Tiền*	*111.1*		*1.749.543.835.124*	*441.249.283.464*
1.2.	*Các khoản tương đương tiền*	*111.2*		*24.000.000.000*	*130.000.000.000*
2.	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) ("FVTPL")	112	8(a)	1.973.818.318.843	1.122.927.028.267
3.	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")	113	8(b)	4.994.512.493.078	2.322.623.532.176
4.	Các khoản cho vay	114	8(c)	10.293.729.065.183	9.218.483.030.175
5.	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")	115	8(d)	2.706.379.850.371	1.261.568.020.233
6.	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	8(f)	(98.400.705.976)	(82.554.833.496)
7.	Các khoản phải thu	117	9	231.234.916.889	231.545.521.630
7.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	9	231.234.916.889	231.545.521.630
7.2.1	*Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận, các khoản đầu tư đáo hạn*	*117.3*	*9*	*29.172.766.557*	*18.938.175.105*
7.2.2	*Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận*	*117.4*	*9*	*202.062.150.332*	*212.607.346.525*
8.	Trả trước cho người bán	118	10	8.229.736.516	7.244.255.581
9.	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	119	11	7.852.593.150	8.185.032.933
12.	Các khoản phải thu khác	122	12	4.537.982.300	6.141.214.423
13.	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	13	(41.532.524.205)	(13.469.630.924)
II.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**130**		**19.665.936.517**	**19.843.399.141**
1.	Tạm ứng	131		1.660.202.400	2.470.035.093
2.	Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		566.344.886	416.842.037
3.	Chi phí trả trước ngắn hạn	133	14	2.331.860.009	1.848.992.789
4.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	15(a)	15.090.000.000	15.090.000.000
6.	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	136	26	17.529.222	17.529.222

Mẫu B01 - CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

		Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250)**	**200**		**258.309.153.265**	**651.339.586.365**
I.	**Tài sản tài chính dài hạn**	**210**		**-**	**327.320.000.000**
2.	Các khoản đầu tư	212		-	327.320.000.000
2.1	*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*	*212.1*	8(b)	-	*327.320.000.000*
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**155.678.821.099**	**206.786.906.897**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	16	126.719.606.413	162.412.667.661
	- Nguyên giá	*222*		*313.472.981.714*	*308.812.794.289*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223a*		*(186.753.375.301)*	*(146.400.126.628)*
3.	Tài sản cố định vô hình	227	17	28.959.214.686	44.374.239.236
	- Nguyên giá	*228*		*103.045.231.066*	*105.202.602.066*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*229a*		*(74.086.016.380)*	*(60.828.362.830)*
V.	**Tài sản dài hạn khác**	**250**		**102.630.332.166**	**117.232.679.468**
1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	15(b)	2.514.566.867	1.370.526.750
2.	Chi phí trả trước dài hạn	252	18	59.466.924.868	76.659.574.139
3.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253	19	10.477.959.835	9.051.997.999
4.	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	20	20.000.000.000	20.000.000.000
5.	Tài sản dài hạn khác	255	21	10.170.880.596	10.150.580.580
	TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**22.131.880.651.055**	**15.325.125.439.968**

Mẫu B01 - CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

		Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
C.	**NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)**	**300**		**15.223.341.794.443**	**10.286.928.941.374**
I.	**Nợ phải trả ngắn hạn**	**310**		**14.161.986.237.762**	**9.880.737.830.263**
1.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	22	13.069.703.217.309	9.598.508.546.852
1.1	*Vay ngắn hạn*	*312*		*13.069.703.217.309*	*9.598.508.546.852*
6.	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	23	21.551.998.147	14.556.093.607
8.	Phải trả người bán ngắn hạn	320	24	11.493.708.210	16.250.539.155
9.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	25	683.151.902.000	2.171.002.000
10.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	26	120.310.511.245	76.712.883.674
11.	Phải trả người lao động	323		4.083.140.070	7.284.861.104
12.	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		2.712.107.420	2.815.463.220
13.	Chi phí phải trả ngắn hạn	325	27	165.344.593.730	98.478.625.384
15.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		3.050.871.308	879.612.906
17.	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	28	14.530.406.797	4.828.606.935
19.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		66.053.781.526	58.251.595.426
II.	**Nợ phải trả dài hạn**	**340**		**1.061.355.556.681**	**406.191.111.111**
4.	Trái phiếu phát hành dài hạn	346	29	1.061.355.556.681	406.191.111.111
D	**VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)**	**400**		**6.908.538.856.612**	**5.038.196.498.594**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**		**6.908.538.856.612**	**5.038.196.498.594**
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	30	6.062.944.519.673	4.375.946.418.400
1.1.	*Vốn góp của chủ sở hữu*	*411.1*		*5.728.129.810.000*	*4.376.699.930.000*
a.	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411.1a*		*5.728.129.810.000*	*4.376.699.930.000*
1.2.	*Thặng dư vốn cổ phần*	*411.2*		*335.558.320.000*	-
1.5.	*Cổ phiếu quỹ*	*411.5*		*(743.610.327)*	*(753.511.600)*
5.	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		24.516.764.528	24.516.764.528
6.	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		1.625.982.305	1.625.982.305
7.	Lợi nhuận chưa phân phối	417		819.451.590.106	636.107.333.361
7.1.	*Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện*	*417.1*		*789.317.719.875*	*618.419.678.969*
7.2	*Lợi nhuận chưa thực hiện*	*417.2*		*30.133.870.231*	*17.687.654.392*
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	**440**		**22.131.880.651.055**	**15.325.125.439.968**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Mẫu B01 - CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

		Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
A.	**TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT**				
2.	Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ (VND)	002	31(a)	9.883.660.000	9.883.660.000
4.	Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	004	31(b)	523.771.059.597	536.256.334.418
5.	Ngoại tệ các loại	005	31(c)		
	USD			88	88
	JPY			780	780
6.	Cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	006	30(b)	572.782.940	437.639.552
7.	Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)	007	30(b)	30.041	30.441
8.	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSDC") của công ty chứng khoán (VND)	008	31(d)	3.038.359.070.000	541.483.010.000
9.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC của công ty chứng khoán (VND)	009		150.000	90.000
10.	Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán (VND)	010		178.000.000	6.510.000.000
12.	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của công ty chứng khoán (VND)	012	31(e)	60.545.580.000	60.545.580.000
14.	Chứng quyền (Số lượng)	014		30.392.600	22.818.800
B.	**TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG**				
1.	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư	021	31(f)	53.070.947.018.000	42.392.801.734.000
a.	*Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng*	*021.1*		*30.428.360.868.000*	*23.569.969.732.000*
b.	*Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng*	*021.2*		*737.526.900.000*	*356.113.530.000*
c.	*Tài sản tài chính giao dịch cầm cố*	*021.3*		*17.289.632.620.000*	*13.126.990.692.000*
d.	*Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ*	*021.4*		*4.040.258.200.000*	*4.497.203.630.000*
e.	*Tài sản tài chính chờ thanh toán*	*021.5*		*575.168.430.000*	*842.524.150.000*
2.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	31(g)	3.812.875.610.000	420.574.790.000
a.	*Tài sản tài chính đã lưu ký tại* VSDC *và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng*	*022.1*		*1.443.755.430.000*	*305.770.770.000*
b.	*Tài sản tài chính đã lưu ký tại* VSDC *và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng*	*022.2*		*2.369.120.180.000*	*114.804.020.000*
3	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	31(h)	506.608.860.000	1.057.676.880.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Mẫu B01 - CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

		Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
5.	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của Nhà đầu tư	024.b	31(i)	858.240.000	858.240.000
7.	Tiền gửi của khách hàng	026		3.358.932.288.854	4.232.508.528.453
7.1.	*Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý*	*027*	31(j)	*2.910.908.869.249*	*3.897.146.498.014*
7.1.a	*Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC*	*027.1*	31(j)	*270.501.223.230*	*133.652.638.234*
7.2	*Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng*	*028*	31(j)	*171.589.439.729*	*192.365.811.559*
7.4.	*Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán*	030	*31*(k)	*5.932.756.646*	*9.343.580.646*
8.	Phải trả của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	031	31(l)	3.352.999.532.208	4.223.164.947.807
8.1.	*Phải trả của Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý*	*031.1*		*3.307.745.085.493*	*4.169.044.841.594*
8.2.	*Phải trả của Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý*	*031.2*		*45.254.446.715*	*54.120.106.213*
9.	Phải trả của Tổ chức phát hành chứng khoán	032	31(m)	5.807.238.364	9.218.062.364
12.	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	31(n)	125.518.282	125.518.282

Ngày 14 tháng 2 năm 2025

Người lập:	Người kiểm soát:		Người duyệt:
Tạ Duy Chung	Nguyễn Văn Học	Phạm Thị Kim Ngân	Phan Phương Anh
Kế toán tổng hợp	*Kế toán trưởng*	*Giám đốc tài chính*	*Tổng Giám đốc*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Mẫu B02 - CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

		Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I.	**DOANH THU HOẠT ĐỘNG**				
1.1.	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) ("FVTPL")	01		983.233.565.283	140.863.659.943
a.	*Lãi từ bán các tài sản tài chính FVTPL*	*01.1*	*32*	*970.676.311.987*	*130.371.121.731*
b.	*Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*	*01.2*	*34*	*9.815.531.028*	*10.115.139.519*
c.	*Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL*	*01.3*	*35(a)*	*2.708.649.200*	*374.770.890*
d.	*Chênh lệch giảm về đánh giá lại chứng quyền*	*01.4*	*34*	*33.073.068*	*2.627.803*
1.2.	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	02	35(b)	181.719.364.918	180.795.295.137
1.3.	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	35(c)	1.056.131.145.711	664.739.708.137
1.4.	Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	04	35(d)	174.889.281.414	149.791.280.718
1.6.	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	36	628.154.571.742	614.616.030.508
1.7.	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		200.000.000	-
1.9.	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		28.817.061.958	21.420.350.180
1.10.	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	37	25.597.143.800	17.213.525.000
1.11.	Thu nhập hoạt động khác	11	38	41.625.341.201	26.518.904.285
	Cộng doanh thu hoạt động	**20**		**3.120.367.476.027**	**1.815.958.753.908**
II.	**CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG**				
2.1.	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ)	21		797.146.221.181	31.082.486.054
a.	*Lỗ từ bán các tài sản tài chính FVTPL*	*21.1*	*33*	*794.146.495.404*	*30.579.771.037*
b.	*Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*	*21.2*	*34*	*(35.991.852)*	*(711.158.025)*
c.	*Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL*	*21.3*		*2.789.095.217*	*1.204.838.699*
d.	*Chênh lệch tăng về đánh giá lại chứng quyền*	*21.4*		*246.622.412*	*9.034.343*
2.4.	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay	24	39	43.620.280.002	7.494.275.464
2.6	Chi phí hoạt động tự doanh	26	40	15.632.447.259	25.632.759.929
2.7.	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	41	517.456.606.990	479.006.017.680
2.8	Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh đại lý phát hành chứng khoán	28		1.499.988	18.571.699

Mẫu B02 - CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

		Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
2.10.	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		23.368.751.698	20.241.000.641
2.11.	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		12.359.879.599	8.087.986.418
2.12.	Chi phí hoạt động khác	32	42	211.599.987	(61.655.812)
	Cộng chi phí hoạt động	**40**		**1.409.797.286.704**	**571.501.442.073**
III	**DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**				
3.1	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		102.414	168.000.000
3.2.	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		6.138.723.594	4.674.888.649
	Cộng doanh thu hoạt động tài chính	**50**		**6.138.826.008**	**4.842.888.649**
IV.	**CHI PHÍ TÀI CHÍNH**				
4.1	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		10.553	2.827.138.486
4.2	Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phát hành	52	43	541.247.874.447	369.768.492.617
	Cộng chi phí tài chính	**60**		**541.247.885.000**	**372.595.631.103**
V.	**CHI PHÍ BÁN HÀNG**	**61**		**9.975.188.204**	**3.217.556.576**
VI.	**CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**	**62**	**44**	**239.698.440.510**	**162.451.132.158**
VII.	**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 - 40 + 50 - 60 - 61 - 62)**	**70**		**925.787.501.617**	**711.035.880.647**
VIII.	**THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**				
8.1.	Thu nhập khác	71	45	4.860.628.403	5.591.876.492
8.2.	Chi phí khác	72		4.079.085	480.967.426
	Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	**80**		**4.856.549.318**	**5.110.909.066**
IX.	**TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80) (mang sang trang sau)**	**90**		**930.644.050.935**	**716.146.789.713**

Mẫu B02 - CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

		Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
IX.	**TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80) (mang sang từ trang trước)**	**90**		**930.644.050.935**	**716.146.789.713**
9.1.	Lợi nhuận đã thực hiện	91		921.006.077.399	705.326.898.709
9.2.	Lợi nhuận chưa thực hiện	92		9.637.973.536	10.819.891.004
X.	**CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")**	**100**		**187.090.868.370**	**132.130.399.382**
10.1.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	46	188.516.830.206	141.032.750.459
10.2.	Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	100.2	46	(1.425.961.836)	(8.902.351.077)
XI.	**LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)**	**200**		**743.553.182.565**	**584.016.390.331**
XIII.	**THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG**	**500**	**47**	**698.939.991.611**	**548.975.406.911**
					(Điều chỉnh lại)
13.1.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	501	47	1.346	1.060

Ngày 14 tháng 2 năm 2025

Người lập:	Người kiểm soát:	Người duyệt:	
Tạ Duy Chung	Nguyễn Văn Học	Phạm Thị Kim Ngân	Phan Phương Anh
Kế toán tổng hợp	*Kế toán trưởng*	*Giám đốc tài chính*	*Tổng Giám đốc*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B03b – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

		Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**				
1.	**Lợi nhuận trước thuế TNDN**	**01**		***930.644.050.935***	***716.146.789.713***
2.	**Điều chỉnh cho các khoản:**	**02**		***467.806.712.026***	***203.064.654.471***
	- Khấu hao tài sản cố định	03		*60.909.312.223*	*57.668.969.763*
	- Các khoản dự phòng	04		*43.908.765.761*	*7.205.619.667*
	- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05		*(91.861)*	-
	- Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phát hành	06		*541.247.874.447*	*369.768.492.617*
	- Lãi từ hoạt động đầu tư	07		*(6.525.541.776)*	*(32.905.946)*
	- Dự thu tiền lãi	08		*(171.733.606.768)*	*(231.545.521.630)*
3.	**Tăng/(giảm) các chi phí phi tiền tệ**	**10**		***210.630.560***	***(702.123.682)***
	- Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại giá trị tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) (FVTPL)	11		*210.630.560*	*(702.123.682)*
4.	**Giảm các doanh thu phi tiền tệ**	**18**		**(9.848.604.096)**	**(10.117.767.322)**
	- Chênh lệch tăng đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) (FVTPL)	19		(9.848.604.096)	(10.117.767.322)
5.	**Thay đổi vốn lưu động**	**30**		**(5.466.242.609.056)**	**(4.660.074.733.777)**
	- (Tăng)/giảm tài sản tài chính FVTPL	31		(841.039.767.696)	1.499.400.141.383
	- Tăng các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	32		(2.344.568.960.902)	(431.330.593.151)
	- Tăng các khoản cho vay	33		(1.075.246.035.008)	(5.458.983.197.439)
	- (Tăng)/giảm tài sản tài chính sẵn sàng để bán	34		(1.444.811.830.138)	128.412.895.626
	- Giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35		680.980.900.000	-
	- Giảm các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		178.182.935.103	160.510.533.957
	- Giảm các khoản phải thu về các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	37		332.439.783	4.344.909.723
	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu khác	39		(2.149.821.068)	32.294.865.621
	- Giảm/(tăng) các tài sản khác	40		2.263.653.828	(1.053.253.490)
	- Tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		33.650.356.687	6.922.725.003
	- Tăng chi phí trả trước	42		16.709.782.051	18.417.235.222
	- Thuế TNDN đã nộp	43		(151.903.676.615)	(152.703.874.612)
	- Lãi vay đã trả	44		(494.937.451.882)	(337.806.960.611)
	- Giảm phải trả cho người bán	45		(4.756.830.945)	(15.071.979.540)
	- (Giảm)/tăng các khoản trích lập phúc lợi nhân viên	46		(103.355.800)	884.303.430
	- Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		6.984.473.980	(5.664.316.889)
	- (Giảm)/tăng phải trả người lao động	48		(3.201.721.034)	566.938.886
	- Giảm phải trả, phải nộp khác	50		(22.627.699.400)	(109.215.106.896)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***60***		***(4.077.429.819.631)***	***(3.751.683.180.597)***

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Mẫu B03b – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

		Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**				
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61		(9.801.226.425)	(73.089.860.121)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	62		386.818.182	66.462.148
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***70***		***(9.414.408.243)***	***(73.023.397.973)***
III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71		1.686.988.200.000	-
3.	Tiền vay gốc	73		38.636.046.556.035	52.639.893.836.214
3.2.	*Tiền vay khác*	*73.2*		*38.636.046.556.035*	*52.639.893.836.214*
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	74		(34.509.687.440.008)	(48.438.873.853.521)
4.3.	*Tiền chi trả gốc vay khác*	*74.3*		*(34.509.687.440.008)*	*(48.438.873.853.521)*
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	76		(524.208.536.493)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***80***		***5.289.138.779.534***	***4.201.019.982.693***
IV.	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm (90 = 60 + 70 + 80)**	**90**		**1.202.294.551.660**	**376.313.404.123**
V.	**Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm**	**101**		**571.249.283.464**	**194.935.879.341**
	Tiền	101.1		441.249.283.464	24.935.879.341
	Các khoản tương đương tiền	101.2		130.000.000.000	170.000.000.000
VI.	**Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (103 = 90 + 101)**	**103**	**6**	**1.773.543.835.124**	**571.249.283.464**
	Tiền	103.1		1.749.543.835.124	441.249.283.464
	Các khoản tương đương tiền	103.2		24.000.000.000	130.000.000.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Mẫu B03b – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

		Mã số	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I.	**Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng**			
1.	Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	243.148.294.750.444	204.883.829.405.670
2.	Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(247.997.854.109.762)	(209.033.232.369.430)
7.	Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	3.995.867.134.532	5.308.417.160.322
11.	Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	09	(16.473.190.813)	(14.475.365.969)
14.	Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14	2.576.995.057.278	8.407.492.323.656
15.	Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15	(2.580.405.881.278)	(8.398.991.492.916)
	Tăng tiền thuần trong năm	***20***	***(873.576.239.599)***	**1.153.039.661.333**
II.	**Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng**	**30**	**4.232.508.528.453**	**3.079.468.867.120**
	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31	4.232.508.528.453	3.079.468.867.120
	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	32	3.897.146.498.014	2.383.039.436.763
	- Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư	32.1	133.652.638.234	275.108.866.747
	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33	192.365.811.559	420.477.813.704
	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35	9.343.580.646	842.749.906
III.	**Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)**	**40**	**3.358.932.288.854**	**4.232.508.528.453**
	Tiền gửi ngân hàng cuối năm	41	3.358.932.288.854	4.232.508.528.453
	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	42	2.910.908.869.249	3.897.146.498.014
	- Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư	42.1	270.501.223.230	133.652.638.234
	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	171.589.439.729	192.365.811.559
	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45	5.932.756.646	9.343.580.646

Ngày 14 tháng 2 năm 2025

Người lập:	Người kiểm soát:	Người duyệt:	
Tạ Duy Chung	Nguyễn Văn Học	Phạm Thị Kim Ngân	Phan Phương Anh
Kế toán tổng hợp	*Kế toán trưởng*	*Giám đốc tài chính*	*Tổng Giám đốc*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B04 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm) Năm 2023		Số tăng/(giảm) Năm 2024		Số dư cuối năm	
		1/1/2023	1/1/2024	Tăng	(Giảm)	Tăng	(Giảm)	31/12/2023	31/12/2024
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
I.	**Biến động vốn chủ sở hữu**								
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	3.805.177.668.400	4.375.946.418.400	570.768.750.000	-	1.686.998.101.273	-	4.375.946.418.400	6.062.944.519.673
1.1.	*Cổ phiếu phổ thông*	*3.805.931.180.000*	*4.376.699.930.000*	*570.768.750.000*	-	*1.351.429.880.000*	-	*4.376.699.930.000*	*5.728.129.810.000*
1.2.	*Cổ phiếu quỹ*	*(753.511.600)*	*(753.511.600)*	-	-	*9.901.273*	-	*(753.511.600)*	*(743.610.327)*
1.3.	*Thặng dư vốn cổ phần*	-	-	-	-	*335.558.320.000*	-	-	*335.558.320.000*
3.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	69.328.039.314	-	-	69.328.039.314	-	-	-	-
4.	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	69.318.055.214	24.516.764.528	-	44.801.290.686	-	-	24.516.764.528	24.516.764.528
7.	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.625.982.305	1.625.982.305	-	-	-	-	1.625.982.305	1.625.982.305
8.	Lợi nhuận chưa phân phối	539.582.702.224	636.107.333.361	588.351.523.498	491.826.892.361	743.553.182.565	560.208.925.820	636.107.333.361	819.451.590.106
8.1.	*Lợi nhuận đã thực hiện*	*541.617.289.913*	*618.419.678.969*	*564.294.148.250*	*487.491.759.194*	*731.106.966.726*	*560.208.925.820*	*618.419.678.969*	*789.317.719.875*
8.2.	*Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện*	*(2.034.587.689)*	*17.687.654.392*	*24.057.375.248*	*4.335.133.167*	*12.446.215.839*	-	*17.687.654.392*	*30.133.870.231*
	TỔNG CỘNG	**4.485.032.447.457**	**5.038.196.498.594**	**1.159.120.273.498**	**605.956.222.361**	**2.430.551.283.838**	**560.208.925.820**	**5.038.196.498.594**	**6.908.538.856.612**

Ngày 14 tháng 2 năm 2025

Người lập:	Người kiểm soát:		Người duyệt:
Tạ Duy Chung	Nguyễn Văn Học	Phạm Thị Kim Ngân	Phan Phương Anh
Kế toán tổng hợp	*Kế toán trưởng*	*Giám đốc tài chính*	*Tổng Giám đốc*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Thông tin doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 116/GP-UBCK lần đầu vào ngày 9 tháng 12 năm 2013 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán mới nhất số 01/GPĐC-UBCK được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 3 tháng 1 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0106393583 đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 24 tháng 1 năm 2025 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Điều lệ hoạt động của Công ty được ban hành ngày 9 tháng 12 năm 2013 và được sửa đổi, bổ sung lần gần nhất vào ngày 3 tháng 10 năm 2024. Cổ phiếu của Công ty (Mã cổ phiếu: MBS) được chính thức đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 16 tháng 3 năm 2016.

(b) Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ của Công ty là 5.728.129.810.000 VND (31/12/2023: 4.376.699.930.000 VND).

(c) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán, cho vay và cung cấp dịch vụ;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán; và
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

(d) Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 636 nhân viên (31/12/2023: 615 nhân viên).

(e) Mạng lưới hoạt động

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 7 và 8, Tòa nhà MB, Số 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có một (1) trụ sở chính và sáu (6) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và Hải Phòng (31/12/2023: Công ty có một (1) trụ sở chính và sáu (6) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và Hải Phòng).

(f) Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn tài chính. Công ty hoạt động với mục tiêu trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường, đóng góp vào sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam, đem lại những lợi ích cốt lõi cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

(g) Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28 của Thông tư số 121/2020/TT-BTC ("Thông tư 121") do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán. Theo đó:

Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.

Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Thông tư 121 và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá 50% giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.

Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

- Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
- Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
- Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
- Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; và
- Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại điểm c, d và đ Khoản 4 Điều 28 của Thông tư 121. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;
- Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt 180%; và
- Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 26 của Thông tư 121 và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều 28 và Điểm e Khoản 4 Điều 28 của Thông tư 121.

Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều 28 của Thông tư 121 tối đa trong thời hạn 01 năm.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334") do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Những chính sách kế toán được công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này nhất quán với các chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong báo cáo tài chính năm gần nhất.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc, trừ các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ) (Thuyết minh 3(c)) và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (Thuyết minh 3(f)). Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Tài sản và nợ phải trả tài chính

(i) Ghi nhận

Các tài sản và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản và nợ phải trả tài chính này.

(ii) Phân loại và đo lường

- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ): Xem Thuyết minh 3(c);
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Xem Thuyết minh 3(d);
- Các khoản cho vay: Xem Thuyết minh 3(e);
- Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán: Xem Thuyết minh 3(f).

(iii) Chấm dứt ghi nhận

Công ty chấm dứt ghi nhận một tài sản tài chính khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ tài sản tài chính này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ tài sản tài chính này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản tài chính này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

(iv) Cấn trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cấn trừ và số dư thuần được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cấn trừ các khoản mục với số tiền được ghi nhận và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

(v) Xác định và đánh giá suy giảm giá trị

Các tài sản tài chính được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

Công ty đánh giá xem có bằng chứng khách quan nào cho thấy từng tài sản tài chính hoặc từng nhóm các tài sản tài chính bị suy giảm giá trị. Một tài sản tài chính hoặc một nhóm tài sản tài chính được xem là giảm giá trị nếu, và chỉ nếu, có bằng chứng khách quan về sự suy giảm, là hệ quả của một hoặc nhiều sự kiện đã xảy ra sau ghi nhận ban đầu của tài sản (một "sự kiện tổn thất" đã xảy ra) và ảnh hưởng của sự kiện tổn thất lên luồng tiền tương lai dự kiến của tài sản tài chính hoặc nhóm các tài sản tài chính có thể ước tính một cách đáng tin cậy.

Một số bằng chứng khách quan cho thấy các tài sản tài chính bị suy giảm giá trị bao gồm:

- Khó khăn trọng yếu về tài chính của tổ chức phát hành hoặc tổ chức giao ước;
- Vi phạm hợp đồng, ví dụ như mất khả năng trả nợ hoặc không thanh toán lãi hoặc gốc đúng hạn;
- Bên cho vay, vì lý do kinh tế hoặc pháp luật liên quan đến khó khăn tài chính của bên đi vay, đã đưa ra một số ưu đãi nhượng bộ cho bên đi vay mà bên cho vay không thể xem xét hơn được;
- Bên đi vay có khả năng phá sản hoặc tái cơ cấu tài chính;
- Các dữ liệu thu thập được cho thấy có sự suy giảm về dòng tiền ước tính trong tương lai phát sinh từ một nhóm các tài sản tài chính kể từ khi ghi nhận ban đầu.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục *"Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay"*.

Trong trường hợp nếu tài sản tài chính được đánh giá khôi phục mức suy giảm giá trị trước đó, Công ty sẽ hoàn nhập khoản dự phòng suy giảm giá trị đã được trích lập trước đó.

(b) Tiền và các khoản đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của Công ty, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại mục *"Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính"*.

(c) Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ)

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/(lỗ). Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm ghi nhận thông qua lãi/(lỗ), nếu:
  - Tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ).

Các chứng khoán cơ sở là tài sản đảm bảo cho các chứng quyền mua có bảo đảm, được phân loại và ghi nhận ban đầu là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ).

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) được ghi nhận ban đầu theo giá mua thực tế các tài sản tài chính (đối với chứng khoán chưa niêm yết) hoặc giá khớp lệnh tại các Sở giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết), không bao gồm các chi phí giao dịch phát sinh liên quan đến việc mua các tài sản tài chính này.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) được phản ánh theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Mọi khoản chênh lệch tăng/giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) được hạch toán vào lãi/(lỗ) của báo cáo kết quả hoạt động.

(d) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ);
- Các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; hoặc
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua các khoản đầu tư đó như chi phí môi giới, chi phí giao dịch, chi phí thông tin, lệ phí, phí ngân hàng.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được hạch toán theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực tế, trừ đi dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính.

Các tài sản tài chính sẽ không được tiếp tục phân loại là khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong năm hiện tại hoặc trong hai năm tài chính gần nhất đã được bán hoặc phân loại lại một số lượng đáng kể các tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn trước thời hạn, trừ khi việc bán hoặc phân loại lại thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Rất gần ngày đáo hạn mà việc thay đổi lãi suất thị trường không ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị của tài sản tài chính;
- Được thực hiện sau khi Công ty đã thu được phần lớn tiền gốc của các tài sản tài chính này theo tiến độ thanh toán hoặc được thanh toán trước; hoặc
- Do liên quan đến một sự kiện đặc biệt nào ngoài khả năng kiểm soát của Công ty và sự kiện này Công ty không thể dự đoán trước được.

(e) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ);
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay của Công ty bao gồm các khoản cho vay ký quỹ chứng khoán theo hợp đồng ký quỹ của khách hàng và hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng suy giảm giá trị của khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục *"Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay"*.

Lãi dự thu được ghi nhận trên khoản mục *"Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính"*.

(f) Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và phải thu;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ).

Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc là giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán so với năm trước được thể hiện trên khoản mục *"Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán"* thuộc phần Thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động và *"Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý"* trên báo cáo tình hình tài chính.

Đối với tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM") thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Đối với tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các chứng khoán vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM") hoặc không thể xác định được giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy, thì các tài sản tài chính này sẽ được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính sẵn sàng để bán bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục *"Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay"*. Các khoản dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính sẵn sàng để bán phát sinh trước ngày có hiệu lực của Thông tư 210 sẽ ghi giảm dần vào báo cáo kết quả hoạt động khi các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được thanh lý.

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu và dự thu cổ tức tiền lãi các khoản đầu tư, khoản phải thu khoản đầu tư đến hạn, các khoản cam kết mua và bán lại chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết... Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí hoạt động khác" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được tính toán theo các tỷ lệ dự phòng dưới đây:

Thời gian quá hạn	*Mức trích dự phòng*
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

• Máy móc thiết bị	3 - 6 năm
• Phương tiện vận chuyển	6 năm
• Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính. Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định vô hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

• Phần mềm máy vi tính	2 - 5 năm

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

(i) Chứng quyền mua có bảo đảm

Chứng quyền mua có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua chứng khoán cơ sở từ tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện.

Chứng quyền mua có bảo đảm được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý là giá thị trường trên khoản mục "*Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán*".

Các khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại chứng quyền mua có bảo đảm theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chênh lệch tăng về đánh giá lại chứng quyền*". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại chứng quyền mua có bảo đảm theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chênh lệch giảm về đánh giá lại chứng quyền*".

Chi phí mua và phát hành chứng quyền được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

(ii) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Các quỹ dự trữ pháp định

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ dự trữ pháp định theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ("Thông tư 146") ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ như sau:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Với hiệu lực của Thông tư số 114/2021/TT-BTC ("Thông tư 114") ngày 17 tháng 12 năm 2021 do Bộ Tài chính ban hành thay thế Thông tư 146, các quy định về trích lập các quỹ trên bị bãi bỏ. Theo đó:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã trích lập theo quy định tại Thông tư 146 được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định khác.
- Số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ có thể dùng bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định khác.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đã sử dụng hết quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và một phần nguồn quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ để phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu (Thuyết minh 30).

(m) Vốn cổ phần

(i) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỷ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế. Mức trích lập hàng năm do Đại hội đồng Cổ đông của Công ty quyết định và được ghi nhận trên khoản mục Nợ phải trả của Công ty.

(o) Doanh thu và thu nhập

(i) Lãi/(lỗ) từ bán các tài sản tài chính

Lãi/(lỗ) từ bán các TSTC được ghi nhận khi Công ty nhận được Thông báo khớp lệnh của các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ VSDC (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) Cổ tức và thu nhập tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức không được ghi nhận đối với các cổ phiếu giao dịch từ ngày không hưởng quyền.

Đối với cổ phiếu thưởng, Công ty chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được hưởng mà không ghi tăng doanh thu từ cổ tức.

Thu nhập tiền lãi bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) và từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, lãi cho vay hoạt động margin được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập tiền lãi hoạt động cho vay ứng trước tiền bán của khách hàng được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ kinh doanh chứng quyền có bảo đảm

Thu nhập từ chứng quyền mua có bảo đảm trong năm được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá mua và giá vốn bình quân của chứng quyền.

Thu nhập phát sinh khi chứng quyền có đảm bảo đáo hạn ở trạng thái có lãi được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của chứng quyền và mức chênh giữa giá thanh toán và giá thực hiện của chứng quyền tại thời điểm đáo hạn.

Thu nhập phát sinh khi chứng quyền mua có đảm bảo đáo hạn ở trạng thái lỗ hoặc hòa vốn bằng giá trị ghi sổ của các chứng quyền tương ứng.

(iv) Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ môi giới chứng khoán được ghi nhận khi giao dịch chứng khoán đã hoàn thành.

(v) Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán

Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán là các khoản phí, hoa hồng được hưởng theo thỏa thuận tại hợp đồng, thường được tính trên giá trị chứng khoán đã phát hành thành công. Các khoản doanh thu này được ghi nhận căn cứ theo thỏa thuận/biên bản thanh lý với Tổ chức phát hành chứng khoán.

(vi) Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp.

(vii) Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính

Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính được ghi nhận theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

(viii) Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và Thu nhập khác.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí lãi vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(r) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu ("EPS") cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập trong năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tại ngày báo cáo, Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm và do vậy yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(v) Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư 210 và Thông tư 334 không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Quản lý rủi ro tài chính

(a) Tổng quan

Công ty nhận định nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Các loại rủi ro chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tín dụng;
- Rủi ro thanh khoản; và
- Rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý những rủi ro này như sau.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác.

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	1.773.543.835.124	571.249.283.464
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ)	(ii)	1.746.355.135.567	989.973.830.991
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	(ii)	4.994.512.493.078	2.322.623.532.176
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	(ii)	-	327.320.000.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	(ii)	2.588.404.505.218	1.143.592.675.080
Các khoản cho vay	(iii)	10.293.729.065.183	9.218.483.030.175
Các khoản phải thu	(iii)	231.234.916.889	231.545.521.630
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	(iii)	7.852.593.150	8.185.032.933
Các khoản phải thu khác	(iii)	4.537.982.300	6.141.214.423
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	(iii)	15.090.000.000	15.090.000.000
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	(iii)	2.514.566.867	1.370.526.750
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	(iv)	20.000.000.000	20.000.000.000
Tiền nộp Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh	(iv)	10.170.880.596	10.150.580.580
		21.687.945.973.972	**14.865.725.228.202**

(i) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty được gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín. Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/(lỗ), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Công ty giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các loại chứng khoán có tính thanh khoản cao, ngoại trừ trường hợp đầu tư phục vụ mục đích chiến lược dài hạn, các đối tác có xếp hạng tín nhiệm tương đương hoặc cao hơn so với Công ty.

(iii) Các khoản cho vay và các khoản phải thu, các khoản cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn và dài hạn

Theo quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành, Công ty có thể cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán theo quy định về giao dịch ký quỹ chứng khoán theo hợp đồng ký quỹ. Công ty tuân thủ theo quy định về hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ tại Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 1 năm 2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán. Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa thu được và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ các khoản phải thu này theo đúng điều khoản trong hợp đồng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu của khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

(iv) Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán và Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (nay là Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam - VSDC) về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán ("Quyết định 45"), Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại VSDC và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của kỳ liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ hỗ trợ thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của VSDC về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng quỹ bù trừ ("Quyết định 97"), Quyết định số 145/QĐ-VSD ngày 4 tháng 8 năm 2017 của VSDC về sửa đổi quyết định 97 ("Quyết định 145"), và Quyết định số 115/QĐ-VSD ngày 9 tháng 9 năm 2022 của VSDC về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng quỹ bù trừ cho thị trường chứng khoán phái sinh tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam ("Quyết định 115") thay thế Quyết định 97 và Quyết định 145, Công ty phải đóng góp một khoản tiền tối thiểu ban đầu là 10 tỷ VND tại VSDC và hàng tháng VSDC sẽ thực hiện đánh giá lại quy mô Quỹ bù trừ và xác định nghĩa vụ đóng góp Quỹ bù trừ của từng thành viên bù trừ căn cứ vào quy mô giao dịch, mức biến động giá trên thị trường, nghĩa vụ tài chính, mức độ rủi ro và các tiêu chí khác. Khoản đóng góp của từng thành viên bù trừ do định kỳ đánh giá lại đảm bảo không thấp hơn mức đóng góp tối thiểu ban đầu.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	Trong vòng 2-5 năm VND
Vay ngắn hạn (*)	13.069.703.217.309	13.434.655.350.989	13.434.655.350.989	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	21.551.998.147	21.551.998.147	21.551.998.147	-
Phải trả người bán ngắn hạn	11.493.708.210	11.493.708.210	11.493.708.210	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	165.344.593.730	165.344.593.730	165.344.593.730	-
Trái phiếu phát hành dài hạn (*)	1.061.355.556.681	1.286.539.909.563	74.516.400.000	1.212.023.509.563
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	14.530.406.797	14.530.406.797	14.530.406.797	-
	14.343.979.480.874	**14.934.115.967.436**	**13.722.092.457.873**	**1.212.023.509.563**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	Trong vòng 2-5 năm VND
Vay ngắn hạn (*)	9.598.508.546.852	9.756.281.602.261	9.756.281.602.261	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	14.556.093.607	14.556.093.607	14.556.093.607	-
Phải trả người bán ngắn hạn	16.250.539.155	16.250.539.155	16.250.539.155	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	98.478.625.384	98.478.625.384	98.478.625.384	-
Trái phiếu phát hành dài hạn (*)	406.191.111.111	524.856.813.151	29.628.800.000	495.228.013.151
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	4.828.606.935	4.828.606.935	4.828.606.935	-
	10.138.813.523.044	**10.415.252.280.493**	**9.920.024.267.342**	**495.228.013.151**

(*) Dòng tiền theo hợp đồng của các khoản vay ngắn hạn và trái phiếu phát hành dài hạn không bao gồm dòng tiền từ dự thu lãi phải trả đến ngày kết thúc kỳ báo cáo liên quan tới các hợp đồng vay và phát hành trái phiếu, do khoản này đã bao gồm ở dòng tiền theo hợp đồng từ Chi phí phải trả ngắn hạn.

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro tỷ giá hối đoái, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2023, rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty là không trọng yếu do số dư công cụ tài chính bằng ngoại tệ là không trọng yếu.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu của khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác và các khoản vay và nợ ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Tài sản tài chính ngắn hạn		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.773.543.835.124	571.249.283.464
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ)	1.746.355.135.567	989.973.830.991
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.994.512.493.078	2.322.623.532.176
Các khoản cho vay	10.293.729.065.183	9.218.483.030.175
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.588.404.505.218	1.143.592.675.080
Tài sản tài chính dài hạn		
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	327.320.000.000
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	20.000.000.000	20.000.000.000
	21.416.545.034.170	**14.593.242.351.886**
Nợ phải trả tài chính		
Vay ngắn hạn	13.069.703.217.309	9.598.508.546.852
Trái phiếu phát hành dài hạn	1.061.355.556.681	406.191.111.111
	14.131.058.773.990	**10.004.699.657.963**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, mỗi thay đổi 1% lãi suất sẽ làm tăng 582.888.025 VND lợi nhuận sau thuế của Công ty (31/12/2023: 5.899.212.512 VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(iii) Rủi ro về giá cổ phiếu

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ. Ban Tổng Giám đốc Công ty theo dõi các chứng khoán niêm yết trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết là 167.680.023.276 VND (31/12/2023: 48.629.197.276 VND). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này tăng hoặc giảm 3% tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 với tất cả các biến số khác không thay đổi có thể làm tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế của Công ty tương ứng 4.024.320.559 VND (31/12/2023: giá trị thị trường của các chứng khoán tăng hoặc giảm 1%, tương ứng 389.033.578 VND).

5. Báo cáo bộ phận

(a) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các bộ phận kinh doanh chính: Môi giới và dịch vụ khách hàng, tự doanh, ngân hàng đầu tư và các bộ phận khác.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Tự doanh VND	Ngân hàng đầu tư VND	Các bộ phận khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	1.713.102.779.411	1.339.842.211.615	25.797.143.800	52.624.795.612	3.131.366.930.438
Các chi phí trực tiếp	(540.825.358.688)	(856.398.948.442)	(12.361.379.587)	(215.679.072)	(1.409.801.365.789)
Chi phí tài chính	(296.104.952.483)	(231.587.922.904)	(4.458.963.076)	(9.096.046.537)	(541.247.885.000)
Chi phí bán hàng	(5.457.208.630)	(4.268.161.005)	(82.178.605)	(167.639.964)	(9.975.188.204)
Chi phí quản lý công ty chứng khoán	(131.133.806.347)	(102.561.627.490)	(1.974.707.939)	(4.028.298.734)	(239.698.440.510)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế	**739.581.453.263**	**145.025.551.774**	**6.919.914.593**	**39.117.131.305**	**930.644.050.935**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Tự doanh VND	Ngân hàng đầu tư VND	Các bộ phận khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	10.293.729.065.183	9.796.247.937.199	1.617.004.951	22.142.549.167	20.113.736.556.500
Tài sản phân bổ	1.104.082.764.632	863.518.938.238	16.626.078.825	33.916.312.860	2.018.144.094.555
	11.397.811.829.815	**10.659.766.875.437**	**18.243.083.776**	**56.058.862.027**	**22.131.880.651.055**
Nợ phải trả bộ phận	21.551.998.147	683.151.902.000	-	-	704.703.900.147
Nợ phải trả phân bổ	7.942.831.192.415	6.212.201.999.339	119.608.911.335	243.995.791.207	14.518.637.894.296
	7.964.383.190.562	**6.895.353.901.339**	**119.608.911.335**	**243.995.791.207**	**15.223.341.794.443**

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Tự doanh VND	Ngân hàng đầu tư VND	Các bộ phận khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	1.300.776.088.825	471.450.235.798	17.213.525.000	36.953.669.426	1.826.393.519.049
Các chi phí trực tiếp	(499.247.018.321)	(64.209.521.447)	(8.106.558.117)	(419.311.614)	(571.982.409.499)
Chi phí tài chính	(265.366.407.997)	(96.178.778.729)	(3.511.666.103)	(7.538.778.274)	(372.595.631.103)
Chi phí bán hàng	(2.291.576.604)	(830.553.652)	(30.325.059)	(65.101.261)	(3.217.556.576)
Chi phí quản lý công ty chứng khoán	(115.699.352.910)	(41.933.802.197)	(1.531.081.115)	(3.286.895.936)	(162.451.132.158)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế	**418.171.732.993**	**268.297.579.773**	**4.033.894.606**	**25.643.582.341**	**716.146.789.713**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Tự doanh VND	Ngân hàng đầu tư VND	Các bộ phận khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	5.056.543.467.606	9.226.668.063.108	327.320.000.000	22.601.741.173	14.633.133.271.887
Tài sản phân bổ	178.625.179.847	492.843.878.663	6.521.937.557	14.001.172.014	691.992.168.081
	5.235.168.647.453	**9.719.511.941.771**	**333.841.937.557**	**36.602.913.187**	**15.325.125.439.968**
Nợ phải trả bộ phận	18.421.541.155	14.556.093.607	-	-	32.977.634.762
Nợ phải trả phân bổ	2.646.870.847.352	7.302.968.684.734	96.642.177.781	207.469.596.745	10.253.951.306.612
	2.665.292.388.507	**7.317.524.778.341**	**96.642.177.781**	**207.469.596.745**	**10.286.928.941.374**

(b) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Tất cả hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam (là một bộ phận đơn lẻ).

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	1.749.543.835.124	441.249.283.464
Các khoản tương đương tiền	24.000.000.000	130.000.000.000
	1.773.543.835.124	**571.249.283.464**

7. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	Năm 2024		Năm 2023	
	Khối lượng giao dịch thực hiện Đơn vị	Giá trị giao dịch thực hiện VND	Khối lượng giao dịch thực hiện Đơn vị	Giá trị giao dịch thực hiện VND
Của Công ty	497.285.911	46.723.622.437.449	154.984.100	10.588.836.080.000
Cổ phiếu	*83.915.186*	*2.100.748.830.320*	*57.713.300*	*1.507.128.190.000*
Trái phiếu	*400.065.625*	*44.507.454.369.129*	*86.085.000*	*9.066.453.384.000*
Chứng khoán khác	*13.305.100*	*115.419.238.000*	*11.185.800*	*15.254.506.000*
Của Nhà đầu tư	22.657.173.919	513.874.330.366.107	23.077.706.086	467.119.343.936.034
Cổ phiếu	*21.511.871.987*	*500.224.345.514.208*	*22.467.735.080*	*426.862.872.799.822*
Trái phiếu	*45.873.955*	*12.649.189.577.509*	*34.060.768*	*39.689.112.596.722*
Chứng khoán khác	*1.099.427.977*	*1.000.795.274.390*	*575.910.238*	*567.358.539.490*
		560.597.952.803.556		**477.708.180.016.034**

8. Các loại tài sản tài chính

(a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) (FVTPL)

	31/12/2024			31/12/2023		
	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND
Cổ phiếu niêm yết	157.455.739.208	167.680.023.276	167.680.023.276	46.392.093.894	48.629.197.276	48.629.197.276
Trái phiếu niêm yết	999.786.000.000	999.786.000.000	999.786.000.000	510.146.000.000	510.146.000.000	510.146.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	746.569.135.567	746.569.135.567	746.569.135.567	479.827.830.991	479.827.830.991	479.827.830.991
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	50.131.577.788	59.783.160.000	59.783.160.000	76.536.759.982	84.324.000.000	84.324.000.000
	1.953.942.452.563	**1.973.818.318.843**	**1.973.818.318.843**	**1.112.902.684.867**	**1.122.927.028.267**	**1.122.927.028.267**

(b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Ngắn hạn		
• Tiền gửi có kỳ hạn	4.344.521.451.918	1.656.623.532.176
• Chứng chỉ tiền gửi	649.991.041.160	666.000.000.000
	4.994.512.493.078	2.322.623.532.176
Dài hạn		
• Tiền gửi có kỳ hạn	-	327.320.000.000
	4.994.512.493.078	**2.649.943.532.176**

(c) Các khoản cho vay

	31/12/2024		31/12/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay hoạt động ký quỹ	10.119.783.948.884	(*)	8.519.473.810.403	(*)
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	173.945.116.299	(*)	699.009.219.772	(*)
	10.293.729.065.183		**9.218.483.030.175**	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(d) Các khoản đầu tư sẵn sàng để bán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND	Giá trị ghi sổ VND
Cổ phiếu chưa niêm yết (**)	117.975.345.153	(**)	82.554.833.496	35.420.511.657
Trái phiếu chưa niêm yết	1.987.835.612.518	1.987.835.612.518	15.845.872.480	1.971.989.740.038
Chứng chỉ tiền gửi	600.568.892.700	600.568.892.700	-	600.568.892.700
	2.706.379.850.371		**98.400.705.976**	**2.607.979.144.395**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND	Giá trị ghi sổ VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	117.975.345.153	(**)	82.554.833.496	35.420.511.657
Trái phiếu chưa niêm yết	1.037.177.490.180	1.037.177.490.180	-	1.037.177.490.180
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	106.415.184.900	106.415.184.900	-	106.415.184.900
	1.261.568.020.233		**82.554.833.496**	**1.179.013.186.737**

(*) Giá trị hợp lý không bao gồm lãi dự thu được trình bày tại Thuyết minh 9.

(**) Tài sản tài chính này là chứng khoán vốn được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị do không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và giá trị hợp lý không thể xác định được một cách đáng tin cậy.

(e) Tình hình biến động giá trị thị trường/giá trị hợp lý của tài sản tài chính

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	31/12/2024			
	Giá gốc	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại/ Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính FVTPL				
Cổ phiếu niêm yết	157.455.739.208	10.288.149.429	(63.865.361)	167.680.023.276
Trái phiếu niêm yết	999.786.000.000	-	-	999.786.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	746.569.135.567	-	-	746.569.135.567
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	50.131.577.788	9.651.582.212	-	59.783.160.000
	1.953.942.452.563	**19.939.731.641**	**(63.865.361)**	**1.973.818.318.843**
Tài sản tài chính AFS				
Trái phiếu chưa niêm yết (*)	1.987.835.612.518	-	-	1.987.835.612.518
Chứng chỉ tiền gửi	600.568.892.700	-	-	600.568.892.700
	2.588.404.505.218	**-**	**-**	**2.588.404.505.218**
Tổng cộng	**4.542.346.957.781**	**19.939.731.641**	**(63.865.361)**	**4.562.222.824.061**

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	31/12/2023			
	Giá gốc	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại/ Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính FVTPL				
Cổ phiếu niêm yết	46.392.093.894	2.336.960.595	(99.857.213)	48.629.197.276
Trái phiếu niêm yết	510.146.000.000	-	-	510.146.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	479.827.830.991	-	-	479.827.830.991
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	76.536.759.982	7.787.240.018	-	84.324.000.000
	1.112.902.684.867	**10.124.200.613**	**(99.857.213)**	**1.122.927.028.267**
Tài sản tài chính AFS				
Trái phiếu chưa niêm yết (*)	1.037.177.490.180	-	-	1.037.177.490.180
Chứng chỉ tiền gửi	106.415.184.900	-	-	106.415.184.900
	1.143.592.675.080	**-**	**-**	**1.143.592.675.080**
Tổng cộng	**2.256.495.359.947**	**10.124.200.613**	**(99.857.213)**	**2.266.519.703.347**

(*) Giá trị hợp lý không bao gồm lãi dự thu được trình bày tại Thuyết minh 9.

(f) Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp

	31/12/2024			31/12/2023		
	Số lượng Đơn vị	Giá gốc VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND	Số lượng Đơn vị	Giá gốc VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND
Tài sản tài chính AFS						
Cổ phiếu chưa niêm yết	6.355.517	117.975.345.153	(82.554.833.496)	6.355.517	117.975.345.153	(82.554.833.496)
CTCP Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	*1.710.000*	*46.768.500.000*	*(28.899.000.000)*	*1.710.000*	*46.768.500.000*	*(28.899.000.000)*
TCT Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam	*2.500.000*	*30.000.000.000*	*(16.750.000.000)*	*2.500.000*	*30.000.000.000*	*(16.750.000.000)*
CTCP Chế biến Thủy sản Út Xi	*894.705*	*26.214.856.500*	*(26.214.856.500)*	*894.705*	*26.214.856.500*	*(26.214.856.500)*
CTCP công nghiệp cao su COECCO	*492.000*	*7.380.000.000*	*(4.182.000.000)*	*492.000*	*7.380.000.000*	*(4.182.000.000)*
Công ty cổ phần Viet Lotus	*457.300*	*4.573.000.000*	*(3.508.976.996)*	*457.300*	*4.573.000.000*	*(3.508.976.996)*
Cổ phiếu chưa niêm yết khác	*301.512*	*3.038.988.653*	*(3.000.000.000)*	*301.512*	*3.038.988.653*	*(3.000.000.000)*
Trái phiếu chưa niêm yết	6.530.709	1.987.835.612.518	(15.845.872.480)	6.267.875	1.037.177.490.180	-
		2.105.810.957.671	**(98.400.705.976)**		**1.155.152.835.333**	**(82.554.833.496)**

9. Các khoản phải thu

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	29.172.766.557	18.938.175.105
Phải thu cổ tức	*227.055.000*	*164.044.000*
Phải thu lãi cho vay margin	*28.945.711.557*	*18.774.131.105*
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính chưa đến ngày nhận	202.062.150.332	212.607.346.525
Dự thu lãi trái phiếu	*142.787.895.211*	*78.772.936.410*
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	*59.274.255.121*	*133.834.410.115*
	231.234.916.889	**231.545.521.630**

10. Trả trước cho người bán

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học và Công nghệ - MITEC	3.587.892.000	3.587.892.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Tin học và Dịch vụ Goline	1.983.680.000	1.983.680.000
Công ty Cổ phần Cơ điện Nam Giang	803.634.308	507.123.408
Các công ty khác	1.854.530.208	1.165.560.173
	8.229.736.516	**7.244.255.581**

11. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Phải thu hoạt động tư vấn tài chính	7.614.000.000	7.961.500.000
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	113.204.033	112.034.535
Phải thu dịch vụ khác	125.389.117	111.498.398
	7.852.593.150	**8.185.032.933**

12. Các khoản phải thu khác

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Phí quản lý tài sản chứng khoán phái sinh	131.872.030	121.384.763
Treo phí giao dịch	2.810.082.529	5.133.758.873
Phải thu khác	1.596.027.741	886.070.787
	4.537.982.300	**6.141.214.423**

13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Dự phòng phải thu các dịch vụ do công ty chứng khoán cung cấp	6.235.588.199	5.928.988.212
Dự phòng suy giảm giá trị phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi	35.296.936.006	7.522.528.484
Dự phòng phải thu khác	-	18.114.228
	41.532.524.205	**13.469.630.924**

Biến động dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu trong năm như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Số dư đầu năm	13.469.630.924	6.235.758.253
Trích lập dự phòng trong năm	28.081.007.509	7.460.872.671
Xử lý khoản phải thu tổn thất bằng nguồn dự phòng trong năm	(18.114.228)	(227.000.000)
Số dư cuối năm	**41.532.524.205**	**13.469.630.924**

14. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng	20.182.800	20.182.800
Chi phí lắp đặt sửa chữa chờ phân bổ	818.861.055	12.528.628
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.553.775	6.960.439
Chi phí trả trước khác	1.490.262.379	1.809.320.922
	2.331.860.009	**1.848.992.789**

15. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược

(a) Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Đặt cọc khác	15.090.000.000	15.090.000.000

(b) Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Đặt cọc thuê văn phòng dài hạn	2.358.116.867	1.276.076.750
Ký cược ký quỹ dài hạn khác	156.450.000	94.450.000
	2.514.566.867	**1.370.526.750**

16. Tài sản cố định hữu hình

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	294.693.828.099	5.087.478.635	9.031.487.555	308.812.794.289
Mua trong năm	44.841.425	5.435.320.000	326.826.000	5.806.987.425
Thanh lý	-	(1.146.800.000)	-	(1.146.800.000)
Số dư cuối năm	**294.738.669.524**	**9.375.998.635**	**9.358.313.555**	**313.472.981.714**
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	135.247.163.705	3.442.509.272	7.710.453.651	146.400.126.628
Khấu hao trong năm	39.301.874.793	1.271.383.171	926.790.709	41.500.048.673
Thanh lý	-	(1.146.800.000)	-	(1.146.800.000)
Số dư cuối năm	**174.549.038.498**	**3.567.092.443**	**8.637.244.360**	**186.753.375.301**
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	**159.446.664.394**	**1.644.969.363**	**1.321.033.904**	**162.412.667.661**
Số dư cuối năm	**120.189.631.026**	**5.808.906.192**	**721.069.195**	**126.719.606.413**

Tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 72.289.168.312 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2023: 64.010.289.252 VND).

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	230.543.287.308	5.673.570.635	8.799.818.883	245.016.676.826
Mua trong năm	64.580.388.121	-	323.972.000	64.904.360.121
Thanh lý	(429.847.330)	(586.092.000)	(92.303.328)	(1.108.242.658)
Số dư cuối năm	**294.693.828.099**	**5.087.478.635**	**9.031.487.555**	**308.812.794.289**
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	100.175.293.058	3.281.522.524	6.122.075.205	109.578.890.787
Khấu hao trong năm	35.501.717.977	726.911.444	1.667.292.876	37.895.922.297
Thanh lý	(429.847.330)	(565.924.696)	(78.914.430)	(1.074.686.456)
Số dư cuối năm	**135.247.163.705**	**3.442.509.272**	**7.710.453.651**	**146.400.126.628**
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	**130.367.994.250**	**2.392.048.111**	**2.677.743.678**	**135.437.786.039**
Số dư cuối năm	**159.446.664.394**	**1.644.969.363**	**1.321.033.904**	**162.412.667.661**

17. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	
	Năm 2024	**Năm 2023**
	VND	**VND**
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	105.202.602.066	97.212.152.066
Tăng trong năm	3.994.239.000	8.185.500.000
Xóa sổ	(6.151.610.000)	(195.050.000)
Số dư cuối năm	**103.045.231.066**	**105.202.602.066**
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	60.828.362.830	41.250.365.364
Khấu hao trong năm	19.409.263.550	19.773.047.466
Xóa sổ	(6.151.610.000)	(195.050.000)
Số dư cuối năm	**74.086.016.380**	**60.828.362.830**
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	44.374.239.236	55.961.786.702
Số dư cuối năm	28.959.214.686	44.374.239.236

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 37.829.839.737 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2023: 23.119.804.361 VND).

18. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2024	**31/12/2023**
	VND	**VND**
Chi phí thuê nhà dài hạn	45.536.196.372	46.838.905.596
Chi phí lắp đặt sửa chữa chờ phân bổ dài hạn	8.004.013.237	16.209.968.721
Chi phí công cụ dụng cụ phân bổ dài hạn	2.149.989.022	4.919.386.188
Chi phí đồng phục dài hạn	25.435.523	1.602.341.317
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.751.290.714	7.088.972.317
	59.466.924.868	**76.659.574.139**

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận:

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp	14.409.141.914	11.066.329.278
Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	12.773.072	19.971.443
Chênh lệch tăng về đánh giá lại chứng quyền	43.991.177	1.281.308
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	**14.465.906.163**	**11.087.582.029**
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	(3.987.946.328)	(2.024.840.123)
Khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	(10.743.907)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	**(3.987.946.328)**	**(2.035.584.030)**
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	**10.477.959.835**	**9.051.997.999**

Biến động các chênh lệch tạm thời trong năm:

Năm 2024

	1/1/2024 VND	Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động trong năm VND	31/12/2024 VND
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp	55.331.646.387	16.714.063.180	72.045.709.567
Khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	(53.719.534)	53.719.534	-
Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	99.857.213	(35.991.852)	63.865.361
Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	(10.124.200.613)	(9.815.531.028)	(19.939.731.641)
Chênh lệch tăng về đánh giá lại chứng quyền	6.406.540	213.549.344	219.955.884
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	**45.259.989.993**	**7.129.809.178**	**52.389.799.171**

Năm 2023

	1/1/2023 VND	Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động trong năm VND	31/12/2023 VND
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp	-	55.331.646.387	55.331.646.387
Khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	(53.719.534)	-	(53.719.534)
Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	811.015.238	(711.158.025)	99.857.213
Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	(9.061.094)	(10.115.139.519)	(10.124.200.613)
Chênh lệch tăng về đánh giá lại chứng quyền	-	6.406.540	6.406.540
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	**748.234.610**	**44.511.755.383**	**45.259.989.993**

20. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại VSDC.

Theo Quyết định 45, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại VSDC và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của kỳ liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ hỗ trợ thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

Chi tiết tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán như sau:

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000

21. Tài sản dài hạn khác

Theo Quyết định 97, Quyết định 145 và Quyết định 115, Công ty phải đóng góp một khoản tiền tối thiểu ban đầu là 10 tỷ VND tại VSDC và hàng tháng VSDC sẽ thực hiện đánh giá lại quy mô Quỹ bù trừ và xác định nghĩa vụ đóng góp Quỹ bù trừ của từng thành viên bù trừ căn cứ vào quy mô giao dịch, mức biến động giá trên thị trường, nghĩa vụ tài chính, mức độ rủi ro và các tiêu chí khác. Khoản đóng góp của từng thành viên bù trừ do định kỳ đánh giá lại đảm bảo không thấp hơn mức đóng góp tối thiểu ban đầu.

Chi tiết tiền nộp Quỹ bù trừ cho giao dịch phái sinh như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Số dư đầu năm	10.150.580.580	10.130.180.734
Lãi trong năm	20.300.016	20.399.846
Số dư cuối năm	**10.170.880.596**	**10.150.580.580**

22. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2024 Giá trị ghi sổ	Biến động trong năm		31/12/2024 Giá trị ghi sổ
		Tăng	Giảm	
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn tổ chức tín dụng (*)	6.901.145.700.000	24.497.250.000.000	(21.048.845.700.000)	10.349.550.000.000
Vay ngắn hạn các đối tượng khác (**)	2.697.362.846.852	13.483.632.110.465	(13.460.841.740.008)	2.720.153.217.309
	9.598.508.546.852	**37.980.882.110.465**	**(34.509.687.440.008)**	**13.069.703.217.309**

(*) Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng có thời hạn từ 1 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 2,4%/năm đến 6,5%/năm (năm 2023: 2,4%/năm đến 6,5%/năm) cho mục đích bổ sung vốn lưu động cho Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2023, các khoản vay được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại ngân hàng.

(**) Các khoản vay ngắn hạn các đối tượng khác là các khoản vay ngắn hạn của các cá nhân, các tổ chức kinh tế thông qua hợp đồng vay tài sản có thời hạn từ 1 đến 6 tháng với lãi suất từ 2,6%/năm đến 6,0%/năm (năm 2023: 2,0%/năm đến 9,5%/năm). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2023, các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

23. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán	11.545.045.408	12.614.087.776
Phải trả VSDC	1.980.399.739	1.725.977.831
Phải trả chứng quyền	8.026.553.000	216.028.000
	21.551.998.147	**14.556.093.607**

24. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Phải trả hoa hồng dịch vụ phát triển kinh doanh	6.131.036.806	6.117.224.218
Phải trả nhà cung cấp khác	5.362.671.404	10.133.314.937
	11.493.708.210	**16.250.539.155**

25. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Khách hàng ứng trước tiền mua giấy tờ có giá	680.980.900.000	-
Các khoản ứng trước khác	2.171.002.000	2.171.002.000
	683.151.902.000	**2.171.002.000**

26. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	665.817.542	179.119.059
Thuế TNDN	87.275.739.781	50.662.586.190
Thuế thu nhập cá nhân	31.262.078.584	25.681.797.442
Các loại thuế khác	1.106.875.338	189.380.983
	120.310.511.245	**76.712.883.674**

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	1/1/2024		Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2024	
	Phải thu VND	Phải trả VND	VND	VND	Phải thu VND	Phải trả VND
Thuế giá trị gia tăng	-	179.119.059	4.609.215.001	4.122.516.518	-	665.817.542
Thuế TNDN	-	50.662.586.190	188.516.830.206	151.903.676.615	-	87.275.739.781
Thuế thu nhập cá nhân	17.529.222	25.681.797.442	396.381.199.258	390.800.918.116	17.529.222	31.262.078.584
Các loại thuế khác	-	189.380.983	7.317.580.675	6.400.086.320	-	1.106.875.338
	17.529.222	**76.712.883.674**	**596.824.825.140**	**553.227.197.569**	**17.529.222**	**120.310.511.245**

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	1/1/2023		Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2023	
	Phải thu VND	Phải trả VND	VND	VND	Phải thu VND	Phải trả VND
Thuế giá trị gia tăng	-	228.202.561	2.813.362.926	2.862.446.428	-	179.119.059
Thuế TNDN	-	62.333.710.343	141.032.750.459	152.703.874.612	-	50.662.586.190
Thuế thu nhập cá nhân	508.217.215	31.074.482.482	327.237.980.270	332.139.977.317	17.529.222	25.681.797.442
Các loại thuế khác	-	411.929.330	6.373.922.918	6.596.471.265	-	189.380.983
	508.217.215	**94.048.324.716**	**477.458.016.573**	**494.302.769.622**	**17.529.222**	**76.712.883.674**

27. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Dự trả lãi trái phiếu phát hành	9.305.139.783	1.781.070.688
Dự trả lãi vay các tổ chức tín dụng	30.562.443.076	8.970.692.056
Dự trả lãi vay các khách hàng cá nhân và tổ chức khác	36.156.506.192	32.056.714.648
Dự chi lương doanh thu cho cán bộ nhân viên hỗ trợ	72.580.968.056	42.226.582.190
Chi phí phải trả khác	16.739.536.623	13.443.565.802
	165.344.593.730	**98.478.625.384**

28. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Phải trả cổ tức	3.438.378.157	-
Phải trả lãi cho vay margin	2.472.912.217	-
Phải trả thưởng kinh doanh Ban Điều hành	5.893.826.546	-
Các khoản phải trả khác	2.725.289.877	4.828.606.935
	14.530.406.797	**4.828.606.935**

29. Trái phiếu phát hành dài hạn

Năm phát hành	Lô	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
2023	Lô 1	7,60%	2027	156.300.000.000	156.300.000.000
2023	Lô 2	7,10%	2027	250.000.000.000	250.000.000.000
Chi phí phát hành				(42.138.889)	(108.888.889)
2024	Lô 1	6,80%	2028	355.700.000.000	-
2024	Lô 2	6,90%	2027	300.000.000.000	-
Chi phí phát hành				(602.304.430)	-
Trái phiếu phát hành dài hạn (*)				**1.061.355.556.681**	**406.191.111.111**

(*) Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm.

30. Vốn chủ sở hữu

(a) Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 1/1/2023	**3.805.931.180.000**	**-**	**(753.511.600)**	**69.328.039.314**	**69.318.055.214**	**1.625.982.305**	**539.582.702.224**	**4.485.032.447.457**
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	584.016.390.331	584.016.390.331
Phát hành cổ phiếu thưởng	570.768.750.000	-	-	(69.328.039.314)	(44.801.290.686)	-	(456.639.420.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(30.852.339.194)	(30.852.339.194)
Số dư tại ngày 31/12/2023	**4.376.699.930.000**	**-**	**(753.511.600)**	**-**	**24.516.764.528**	**1.625.982.305**	**636.107.333.361**	**5.038.196.498.594**
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	743.553.182.565	743.553.182.565
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	9.901.273	-	-	-	-	9.901.273
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(525.167.942.400)	(525.167.942.400)
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	1.094.099.880.000	-	-	-	-	-	-	1.094.099.880.000
Phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	257.330.000.000	335.558.320.000	-	-	-	-	-	592.888.320.000
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	-	-	(35.040.983.420)	(35.040.983.420)
Số dư tại ngày 31/12/2024	**5.728.129.810.000**	**335.558.320.000**	**(743.610.327)**	**-**	**24.516.764.528**	**1.625.982.305**	**819.451.590.106**	**6.908.538.856.612**

(*) Theo Nghị quyết số 01/NQ-MBS-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông ngày 28 tháng 3 năm 2024, Công ty đã thực hiện trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2023 với số tiền là 35.040.983.420 VND (2023: 30.852.339.194 VND).

(b) Cổ phiếu

	31/12/2024	31/12/2023
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	**572.812.981**	**437.669.993**
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	**572.812.981**	**437.669.993**
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	572.812.981	437.669.993
Cổ phiếu phổ thông	*572.812.981*	*437.669.993*
Số lượng cổ phiếu quỹ	**(30.041)**	**(30.441)**
Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ	(30.041)	(30.441)
Cổ phiếu phổ thông	*(30.041)*	*(30.441)*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**572.782.940**	**437.639.552**
Cổ phiếu phổ thông	*572.782.940*	*437.639.552*

31. Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính

(a) Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	9.883.660.000	9.883.660.000

(b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Nợ khó đòi từ các hợp đồng có cam kết mua bán lại	41.316.603.188	42.037.522.648
Nợ khó đòi cho dịch vụ tài chính niêm yết	144.197.266.707	146.141.148.243
Nợ khó đòi cho dịch vụ tài chính khác	168.105.846.645	168.499.244.421
Nợ khó đòi đã xử lý khác	170.151.343.057	179.578.419.106
	523.771.059.597	**536.256.334.418**

(c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Ngoại tệ bằng JPY		
Nguyên tệ	*780*	*780*
Giá trị quy đổi	*129.574*	*123.243*
Ngoại tệ bằng USD		
Nguyên tệ	*88*	*88*
Giá trị quy đổi	*2.248.488*	*2.148.960*

(d) Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của công ty chứng khoán

	31/12/2024 Mệnh giá VND	31/12/2023 Mệnh giá VND
Tài sản tài chính		
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	2.025.228.020.000	528.405.960.000
Tài sản tài chính ký quỹ đảm bảo khoản vay	13.063.050.000	13.063.050.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	1.000.068.000.000	14.000.000
	3.038.359.070.000	**541.483.010.000**

(e) Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của công ty chứng khoán

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của công ty chứng khoán	60.545.580.000	60.545.580.000

(f) Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch VSDC của nhà đầu tư

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	30.428.360.868.000	23.569.969.732.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	737.526.900.000	356.113.530.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	17.289.632.620.000	13.126.990.692.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	4.040.258.200.000	4.497.203.630.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	575.168.430.000	842.524.150.000
	53.070.947.018.000	**42.392.801.734.000**

(g) Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	1.443.755.430.000	305.770.770.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	2.369.120.180.000	114.804.020.000
	3.812.875.610.000	**420.574.790.000**

(h) Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư trong nước	506.403.860.000	1.057.546.880.000
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư nước ngoài	205.000.000	130.000.000
	506.608.860.000	**1.057.676.880.000**

(i) Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của Nhà đầu tư

	31/12/2024 Số lượng chứng khoán	31/12/2023 Số lượng chứng khoán
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của Nhà đầu tư trong nước	858.240.000	858.240.000

(j) Tiền gửi của Nhà đầu tư

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	2.910.908.869.249	3.897.146.498.014
Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	*2.749.604.003.759*	*3.727.723.023.205*
Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	*42.126.099.377*	*54.344.057.111*
Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư để theo dõi tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư	*119.178.766.113*	*115.079.417.698*
Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC	270.501.223.230	133.652.638.234
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của khách hàng	171.589.439.729	192.365.811.559
	3.352.999.532.208	**4.223.164.947.807**

(k) Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh, đại lý phát hành	5.807.238.364	9.218.062.364
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	125.518.282	125.518.282
	5.932.756.646	**9.343.580.646**

(l) Phải trả của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		
Của Nhà đầu tư trong nước	*3.307.745.085.493*	*4.169.044.841.594*
Của Nhà đầu tư nước ngoài	*45.254.446.715*	*54.120.106.213*
	3.352.999.532.208	**4.223.164.947.807**

(m) Phải trả của Tổ chức phát hành chứng khoán

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	-	9.202.476.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	10.953.000	10.953.000
Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên	488.085	488.085
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán khác	5.795.797.279	4.145.279
	5.807.238.364	**9.218.062.364**

(n) Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	125.518.282	125.518.282

32. Lãi từ bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) (FVTPL)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi bán chứng khoán trong năm VND
Cổ phiếu niêm yết	36.642.015	890.171.230.750	832.243.113.512	57.928.117.238
Chứng chỉ tiền gửi	584.184.800	69.178.095.341.109	68.279.875.985.069	898.219.356.040
Trái phiếu niêm yết	58.899.000	6.382.619.221.000	6.380.483.644.327	2.135.576.673
Trái phiếu chưa niêm yết	9.695	384.042.652.455	376.619.254.216	7.423.398.239
Chứng quyền có bảo đảm	3.281.100	2.439.900.910	1.900.369.000	539.531.910
Đáo hạn chứng quyền	4.685.600	-	-	670.544.081
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	2.070.000	30.164.970.000	26.405.182.194	3.759.787.806
	689.772.210	**76.867.533.316.224**	**75.897.527.548.318**	**970.676.311.987**

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi bán chứng khoán trong năm VND
Cổ phiếu niêm yết	15.750.212	389.433.357.600	373.222.200.034	16.211.157.566
Chứng chỉ tiền gửi	572.177.881	75.898.880.495.456	75.810.844.395.859	88.036.099.597
Trái phiếu niêm yết	5.680.000	579.241.060.000	574.685.053.334	4.556.006.666
Trái phiếu chưa niêm yết	5.118.072	1.751.131.921.606	1.731.937.864.062	19.194.057.544
Chứng quyền có bảo đảm	2.540.200	3.512.875.856	3.184.358.000	328.517.856
Đáo hạn chứng quyền	403.200	-	-	263.985.527
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	1.839.370	25.244.536.993	23.463.240.018	1.781.296.975
	603.508.935	**78.647.444.247.511**	**78.517.337.111.307**	**130.371.121.731**

33. Lỗ từ bán các tài sản tài chính FVTPL

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Tổng giá vốn	Lỗ bán chứng khoán trong năm
	Đơn vị	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	4.199.226	147.461.018.461	152.967.957.535	5.506.939.074
Chứng chỉ tiền gửi	522.486.317	52.128.948.808.579	52.912.622.243.666	783.673.435.087
Trái phiếu niêm yết	134.000.000	15.056.824.510.000	15.061.672.182.673	4.847.672.673
Trái phiếu chưa niêm yết	26	2.628.725.480	2.664.210.603	35.485.123
Chứng quyền có bảo đảm	1.103.000	1.323.844.802	1.399.879.000	76.034.198
Đáo hạn chứng quyền	231.400	-	-	6.929.249
	662.019.969	**67.337.186.907.322**	**68.131.326.473.477**	**794.146.495.404**

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Tổng giá vốn	Lỗ bán chứng khoán trong năm
	Đơn vị	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	11.812.500	329.650.540.000	341.587.534.193	11.936.994.193
Chứng chỉ tiền gửi	18.995.287	3.241.553.093.892	3.249.923.237.503	8.370.143.611
Trái phiếu niêm yết	34.860.000	3.698.374.560.000	3.703.488.526.666	5.113.966.666
Trái phiếu chưa niêm yết	1.700.085	173.983.642.321	178.767.757.545	4.784.115.224
Chứng quyền có bảo đảm khác	2.717.800	3.647.389.762	3.978.615.000	331.225.238
Đáo hạn chứng quyền	52.100	-	-	43.326.105
	70.137.772	**7.447.209.225.975**	**7.477.745.670.907**	**30.579.771.037**

34. Chênh lệch từ đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) (FVTPL)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Giá gốc	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại cuối năm	Chênh lệch đánh giá lại đầu năm	Chênh lệch đánh giá lại	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) (FVTPL)							
Cổ phiếu niêm yết	157.455.739.208	167.680.023.276	10.224.284.068	2.237.103.382	7.987.180.686	7.951.188.834	35.991.852
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	50.131.577.788	59.783.160.000	9.651.582.212	7.787.240.018	1.864.342.194	1.864.342.194	-
Chứng chỉ tiền gửi	746.569.135.567	746.569.135.567	-	-	-	-	-
Trái phiếu niêm yết	999.786.000.000	999.786.000.000	-	-	-	-	-
	1.953.942.452.563	**1.973.818.318.843**	**19.875.866.280**	**10.024.343.400**	**9.851.522.880**	**9.815.531.028**	**35.991.852**

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Giá gốc	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại cuối năm	Chênh lệch đánh giá lại đầu năm	Chênh lệch đánh giá lại	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) (FVTPL)							
Cổ phiếu niêm yết	46.392.093.894	48.629.197.276	2.237.103.382	(40.542.265)	2.277.645.647	2.327.899.501	(50.253.854)
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	76.536.759.982	84.324.000.000	7.787.240.018	(761.411.879)	8.548.651.897	7.787.240.018	761.411.879
Chứng chỉ tiền gửi	479.827.830.991	479.827.830.991	-	-	-	-	-
Trái phiếu niêm yết	510.146.000.000	510.146.000.000	-	-	-	-	-
	1.112.902.684.867	**1.122.927.028.267**	**10.024.343.400**	**(801.954.144)**	**10.826.297.544**	**10.115.139.519**	**711.158.025**

35. Lãi từ các tài sản tài chính

(a) Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Cổ tức	2.708.649.200	374.770.890

(b) Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập lãi tiền gửi có kỳ hạn	146.315.985.194	130.740.500.606
Thu nhập lãi chứng chỉ tiền gửi	35.403.379.724	50.054.794.531
	181.719.364.918	**180.795.295.137**

(c) Lãi từ các khoản cho vay và phải thu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập lãi cho vay giao dịch ký quỹ	1.009.283.368.263	629.017.028.677
Thu nhập lãi ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng	46.847.777.448	35.722.679.460
	1.056.131.145.711	**664.739.708.137**

(d) Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập từ cổ tức	5.752.396.232	2.090.553.055
Thu nhập lãi trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi	169.136.885.182	144.805.790.950
Lãi bán trái phiếu	-	2.894.936.713
	174.889.281.414	**149.791.280.718**

36. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu phí môi giới chứng khoán	609.443.022.042	600.647.888.508
Doanh thu phí môi giới chứng khoán phái sinh	18.711.549.700	13.968.142.000
	628.154.571.742	**614.616.030.508**

37. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	4.185.000.000	4.527.500.000
Doanh thu thu xếp phát hành trái phiếu	21.412.143.800	12.686.025.000
	25.597.143.800	**17.213.525.000**

38. Thu nhập hoạt động khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập từ cho thuê sử dụng tài sản	-	1.409.404.049
Thu nhập phí chuyển nhượng	267.672.566	1.010.123.693
Thu nhập từ hợp đồng hợp tác cho vay thanh toán tiền mua chứng khoán đã khớp lệnh và/hoặc cho vay ứng trước tiền bán	34.722.025.948	15.952.797.751
Doanh thu dịch vụ khác	6.635.642.687	8.146.578.792
	41.625.341.201	**26.518.904.285**

39. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí dự phòng phải thu và dự thu khó đòi về cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính AFS	27.774.407.522	7.494.275.464
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính	15.845.872.480	-
	43.620.280.002	**7.494.275.464**

40. Chi phí hoạt động tự doanh

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí tiền lương và chi phí khác cho nhân viên	7.005.618.678	7.963.011.803
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.853.664.964	3.026.959.417
Chi phí khác	6.773.163.617	14.642.788.709
	15.632.447.259	**25.632.759.929**

41. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Phí giao dịch chứng khoán môi giới	145.710.823.602	123.930.915.299
Chi phí tiền lương và các chi phí khác cho nhân viên	177.298.339.694	200.469.106.903
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.417.710.573	43.956.352.151
Chi phí lương kinh doanh cộng tác viên kinh doanh và các khoản chi khác	145.015.088.331	110.599.575.140
Chi phí sửa lỗi giao dịch, lỗi khác hoạt động môi giới	14.644.790	50.068.187
	517.456.606.990	**479.006.017.680**

42. Chi phí các hoạt động khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ kinh doanh chứng khoán	211.599.987	(61.655.812)

43. Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phát hành

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí lãi vay	468.655.656.501	351.427.750.587
Chi phí lãi trái phiếu phát hành	59.497.407.040	12.160.304.114
Chi phí hoa hồng bán trái phiếu và huy động vốn	13.094.810.906	6.180.437.916
	541.247.874.447	**369.768.492.617**

44. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lương và các khoản phúc lợi	155.469.741.557	69.343.773.419
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp	3.746.172.500	3.532.321.500
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.187.232.889	2.242.538.538
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.609.079.972	30.109.251.766
Chi phí thuế, phí, lệ phí	83.209.740	57.872.506
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.246.234.914	27.561.244.006
Chi phí dự phòng	95.000.000	-
Chi phí khác	39.261.768.938	29.604.130.423
	239.698.440.510	**162.451.132.158**

45. Thu nhập khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý, xoá sổ	4.057.148.560	4.044.176.036
Thu tiền được phạt vi phạm hợp đồng	-	363.048.979
Thu về nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	386.818.182	247.886.942
Thu nhập khác	416.661.661	936.764.535
	4.860.628.403	**5.591.876.492**

46. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**188.516.830.206**	**141.032.750.459**
Năm hiện hành	188.516.830.206	141.019.690.459
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	13.060.000
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại		
Hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(1.425.961.836)	(8.902.351.077)
	187.090.868.370	**132.130.399.382**

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	930.644.050.935	716.146.789.713
Điều chỉnh cho các khoản		
Chi phí không được khấu trừ thuế	13.325.158.296	7.383.738.344
Thu nhập từ cổ tức	(8.461.045.432)	(2.465.323.945)
Sử dụng tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	-	(60.478.507.209)
Điều chỉnh khác	(53.821.950)	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	935.454.341.849	660.586.696.903
Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm	187.090.868.370	132.117.339.382
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	13.060.000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	**187.090.868.370**	**132.130.399.382**

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự xem xét và chấp thuận của cơ quan thuế.

47. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	**743.553.182.565**	**584.016.390.331**
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(44.613.190.954)	(35.040.983.420)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	**698.939.991.611**	**548.975.406.911**

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty ước tính rằng số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm hiện hành bằng 6% lợi nhuận sau thuế năm 2024.

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Năm 2024 Số cổ phiếu	Năm 2023 (Điều chỉnh lại) Số cổ phiếu	Năm 2023 (Theo báo cáo trước đây) Số cổ phiếu
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	437.639.552	380.562.677	380.562.677
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng	-	57.076.875	57.076.875
Ảnh hưởng của việc mua lại cổ phiếu quỹ	298	-	-
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu trong năm 2024	80.071.253	80.071.253	-
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong năm 2024	1.617.101	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	519.328.204	517.710.805	437.639.552

(c) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024	Năm 2023 (Điều chỉnh lại)	Năm 2023 (Theo báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.346	1.060	1.254

(d) Điều chỉnh lại số cổ phiếu bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2023

Trong năm 2024, Công ty đã phát hành 109.409.988 cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện hữu của Công ty với giá là 10.000 VND/cổ phiếu, thấp hơn giá thị trường của cổ phiếu đang lưu hành. Do đó, đây được coi là có yếu tố thưởng trong việc phát hành cổ phiếu. Theo đó, số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền của năm 2023 được điều chỉnh lại để tính toán lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2023.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2023 được điều chỉnh lại như sau:

	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số báo cáo trước đây	437.639.552	1.254
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu trong năm 2024	80.071.253	(194)
	517.710.805	1.060

48. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có thực hiện các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Danh sách bên liên quan	Mối quan hệ
Ngân hàng TMCP Quân đội	Ngân hàng mẹ
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB	Công ty có cùng Ngân hàng mẹ
Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội	Công ty có cùng Ngân hàng mẹ
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ MB Ageas	Công ty có cùng Ngân hàng mẹ
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	Công ty có cùng Ngân hàng mẹ
Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei	Công ty có cùng Ngân hàng mẹ
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, và giá trị các giao dịch trong cho ngày 31 tháng 12 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
	Phải thu/(Phải trả)	
Ngân hàng TMCP Quân đội		
Tiền gửi thanh toán	1.636.801.278.124	423.778.302.158
Tiền gửi có kỳ hạn	757.000.000.000	942.320.000.000
Lãi dự thu tiền gửi	3.223.553.428	53.880.051.717
Tiền gửi giao dịch của Nhà đầu tư	242.856.386.672	1.347.587.784.445
Phải thu phí quản lý tài sản trên tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng	91.132.325	91.132.325
Phải trả liên quan đến hợp đồng hợp tác cho vay thanh toán tiền mua chứng khoán đã khớp lệnh và/hoặc cho vay ứng trước tiền bán	(1.030.637.741)	(506.994.460)
Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội		
Đặt cọc thuê văn phòng	1.951.096.628	909.270.500
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội		
Phải trả phí tư vấn	(100.000.000)	-
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ MB Ageas		
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	9.977.300	16.532.040
Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei		
Phải trả tiền vay	(133.000.000.000)	-
Lãi dự trả tiền vay	(2.960.616.439)	-
Phải trả khác	(52.272.737)	-
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB		
Phải thu phí duy trì tài khoản	42.427	-
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	753.100	-

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
	Giao dịch	
Ngân hàng TMCP Quân đội		
Thu lãi tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn	38.897.109.037	58.983.428.818
Thu nhập phí quản lý cổ đông	604.838.709	450.000.000
Thu nhập từ hợp đồng hợp tác cho vay thanh toán tiền mua chứng khoán đã khớp lệnh và/hoặc cho vay ứng trước tiền bán	34.722.025.948	15.952.797.751
Thu nhập cho thuê văn phòng	-	923.967.931
Thu nhập phí giao dịch	1.220.298.286	183.587.400
Thu nhập phí tư vấn phát hành trái phiếu	1.827.276.800	-
Trả cổ tức bằng tiền	418.754.654.400	-
Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội		
Chi phí tiền điện và thuê văn phòng	(24.085.386.433)	(18.839.015.005)
Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei		
Thu nhập phí đại lý lưu ký và thanh toán trái phiếu	27.272.724	-
Chi phí lãi chứng chỉ tiền gửi	(113.013.699)	-
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB		
Thu nhập phí dịch vụ lưu ký, phí duy trì tài khoản và phí chuyển khoản giao dịch chứng khoán	317.447.107	74.203.884
Thu nhập phí duy trì tài khoản	147.657	-
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội		
Chi phí bảo hiểm sức khoẻ và bảo hiểm xe	(1.751.123.494)	(1.028.165.457)
Thù lao và tiền lương của người quản lý chủ chốt		
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Thù lao	1.884.000.000	1.924.000.000
Ông Lê Viết Hải – Chủ tịch	780.000.000	780.000.000
Ông Phan Phương Anh – Phó chủ tịch	312.000.000	280.000.000
Ông Vũ Thành Trung – Phó chủ tịch	-	104.000.000
Ông Phạm Thế Anh – Thành viên HĐQT độc lập	360.000.000	240.000.000
Bà Trần Thị Kim Thanh – Thành viên HĐQT độc lập	-	160.000.000
Bà Nguyễn Minh Hằng – Thành viên	216.000.000	216.000.000
Ông Phạm Xuân Thanh – Thành viên	216.000.000	144.000.000
Tổng Giám đốc và các Thành viên Ban điều hành		
Tiền lương	8.621.150.455	9.375.568.000
Ban Kiểm soát		
Tiền lương	1.368.000.000	1.368.000.000

49. Cam kết thuê hoạt động

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Đến 1 năm	22.422.348.443	24.734.229.014
Từ 1 đến 5 năm	15.663.879.343	20.993.486.402
	38.086.227.786	**45.727.715.416**

50. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính của Công ty.

51. Phê duyệt báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt vào ngày 14 tháng 2 năm 2025.

Ngày 14 tháng 2 năm 2025

Người lập:	Người kiểm soát:		Người duyệt:
Tạ Duy Chung	Nguyễn Văn Học	Phạm Thị Kim Ngân	Phan Phương Anh
Kế toán tổng hợp	*Kế toán trưởng*	*Giám đốc tài chính*	*Tổng Giám đốc*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB
Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 24 7304 5688 Website: www.mbs.com.vn

Số: 10/TTr-MBS-HĐQT *Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2025*

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB

(V/v: Thông qua báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán, phương án phân phối lợi nhuận đến năm 2024, kế hoạch năm 2025)

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;*
- *Căn cứ Thông tư số 114/2021/TT-BTC được Bộ Tài Chính thông qua ngày 17/12/2021;*
- *Căn cứ các văn bản pháp luật có liên quan;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Chứng khoán MB;*
- *Xét tình hình hoạt động thực tế.*

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2025 thông qua một số nội dung như sau:

I. Thông qua báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán

HĐQT xin báo cáo và kính trình ĐHĐCĐ thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam. Báo cáo tài chính năm 2024 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời đã được đăng tải trên website của Công ty (www.mbs.com.vn).

II. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
1	**Lợi nhuận sau thuế năm 2024**	**743,55**	**100,0%**
2	**Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024**	**732,00**	**98,4%**
	Trích Quỹ phúc lợi (tương đương năm 2023)	*22,31*	*3,0%*
	Trích Quỹ khen thưởng (tương đương năm 2023)	*22,31*	*3,0%*
	Lợi nhuận chia cổ tức 2024 (12% bằng tiền mặt)	*687,38*	*92,4%*
3	**Lợi nhuận sau thuế năm 2024 còn lại**	**11,55**	**1,6%**
4	**Lợi nhuận lũy kế còn lại sau khi trích lập các quỹ và chia cổ tức**	**87,45**	

III. Kế hoạch năm 2025

Căn cứ vào dự báo về tình hình thị trường chứng khoán năm 2025, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua kế hoạch năm 2025 được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Ban Điều hành, đồng thời:

- Giao HĐQT chủ động chỉ đạo thực hiện kế hoạch, điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế.
- Giao HĐQT chủ động chỉ đạo, quyết định trong việc theo dõi, quản lý công nợ, thu hồi và xử lý tổn thất tài sản đối với các khoản nợ phải thu khó đòi đảm bảo đúng quy định trong các thông tư, nghị định liên quan đến chế độ kế toán của Công ty Chứng khoán nhằm đảm bảo kế hoạch kinh doanh của Công ty.
- Giao HĐQT chủ động chỉ đạo, quyết định trong việc sử dụng Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ còn lại để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh đảm bảo đúng quy định về việc sử dụng Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

Nơi nhận:
- *ĐHĐCĐ;*
- *Lưu VP HĐQT.*

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

LÊ VIẾT HẢI

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB
Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 24 7304 5688 Website: www.mbs.com.vn

Số: 11/TTr-MBS-HĐQT *Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2025*

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

(V/v: Thông qua điều chỉnh Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2024)

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH11, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 03/2022/QH15; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 56/2024/QH15; các quy định pháp luật khác có liên quan và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Chứng khoán MB (MBS);*
- *Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-MBS-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Chứng khoán MB;*
- *Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-MBS-HĐQT ngày 15/05/2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chứng khoán MB về việc triển khai phương án phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ;*
- *Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 116/UBCK-GCN do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31/07/2024;*
- *Căn cứ Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng số 165/MBS-BC ngày 24/09/2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB;*
- *Căn cứ Công văn số 6307/UBCK-QLKD của Ủy ban chứng khoán về việc kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng ký ngày 26/09/2024;*
- *Căn cứ tình hình sử dụng vốn năm 2024 và nhu cầu vốn năm 2025,*

Hội đồng quản trị MBS kính báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2024 và kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua nội dung như sau:

1. Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2024

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-MBS-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Chứng khoán MB thông qua phương án phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ năm 2024, Hội đồng quản trị đã triển khai hoàn

thành đợt chào bán thêm ra công chúng (phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu) 109.417.498 cổ phiếu thu được số tiền 1.094.174.980.000 đồng.

Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2024 như sau:

STT	Nội dung sử dụng	Phương án sử dụng tiền thu được đã được ĐHĐCĐ thông qua (VND)	Số tiền thực tế đã sử dụng tính đến ngày 28/02/2025 (VND)	Số tiền chưa sử dụng từ đợt chào bán tính đến ngày 28/02/2025 (VND)
1	**Đầu tư phát triển hệ thống công nghệ thông tin**	**50.000.000.000**	**0 (*)**	**50.000.000.000**
2	**Bổ sung vốn cho hoạt động tự doanh và bảo lãnh phát hành**	**450.000.000.000**	**400.000.000.000**	**50.000.000.000**
22.1	Bổ sung vốn cho hoạt động tự doanh	400.000.000.000	400.000.000.000	0
22.2	Bổ sung vốn cho hoạt động bảo lãnh phát hành	50.000.000.000	0	50.000.000.000
3	**Bổ sung và cung cấp vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ (margin)**	**594.174.980.000**	**594.174.980.000**	**0**
	Tổng cộng	**1.094.174.980.000**	**994.174.980.000**	**100.000.000.000**

Để đảm bảo tính linh hoạt, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn, đảm bảo lợi ích của cổ đông và lợi ích của Công ty, trong lúc các dự án CNTT chưa có tiến độ giải ngân phù hợp và chưa có giao dịch bảo lãnh phát hành được triển khai, Công ty đã gửi tiền tại ngân hàng. Để tối ưu lãi suất tiền gửi, công ty đã gửi kỳ hạn 6 tháng và linh hoạt sử dụng nguồn vốn khác để thanh toán cho các dự án CNTT phát sinh Quý 4 năm 2024 như dự án SOC, chi phí core cơ sở..., do vậy đến 28/02/2025 số tiền 100 tỷ chưa sử dụng hiện đang gửi tại ngân hàng.

2. Nội dung điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2024

Căn cứ tình hình thị trường và nhu cầu của hoạt động kinh doanh thực tế tại MBS, để tối ưu nguồn vốn của Công ty và lợi ích của cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chứng Khoán MB kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2024 như sau:

STT	Nội dung sử dụng	Phương án trước điều chỉnh (VND)	Phương án điều chỉnh (VND)	Ghi chú
1	**Đầu tư phát triển hệ thống công nghệ thông tin**	**50.000.000.000**	0 (*)	

2	**Bổ sung vốn cho hoạt động tự doanh và bảo lãnh phát hành**	**450.000.000.000**	**400.000.000.000**	Trong năm 2024 theo Kế hoạch kinh doanh của công ty
22.1	Bổ sung vốn cho hoạt động tự doanh	400.000.000.000	400.000.000.000	
22.2	Bổ sung vốn cho hoạt động bảo lãnh phát hành	50.000.000.000	0 (*)	
3	**Bổ sung và cung cấp vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ (margin)**	**594.174.980.000**	**694.174.980.000**	**Trong năm 2024 – năm 2025** theo Kế hoạch kinh doanh của công ty
	Tổng cộng	**1.094.174.980.000**	**1.094.174.980.000**	

(*) Chuyển đổi phương án sử dụng vốn sang bổ sung và cung cấp vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ (margin) trong năm 2025.

Hội đồng quản trị MBS kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- *ĐHĐCĐ;*
- *Lưu VP HĐQT.*

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Lê Viết Hải

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB
Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 24 7304 5688 Website: www.mbs.com.vn

Số : 12/TTr-MBS-HĐQT *Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2025*

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB
(V/v: Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ năm 2025)

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Chứng khoán MB;*
- *Căn cứ kế hoạch và nhu cầu vốn của Công ty cổ phần Chứng khoán MB,*

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chứng khoán MB (MBS) kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét, thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của MBS năm 2025 như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC TĂNG VỐN

Việc MBS tăng vốn điều lệ là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng, nhằm nâng cao năng lực tài chính, năng lực hoạt động, khả năng cạnh tranh của MBS, cụ thể như sau:

- Nâng cao năng lực tài chính, tăng quy mô vốn cho hoạt động kinh doanh, cho vay giao dịch ký quỹ, đầu tư tài chính, bảo lãnh phát hành…
- Cung cấp nhiều sản phẩm dịch vụ tài chính mới cho khách hàng, nhằm đáp ứng yêu cầu cạnh tranh trong bối cảnh hoạt động hiện nay của ngành tài chính, chứng khoán.
- Nâng cao năng lực cạnh tranh và sẵn sàng nguồn lực tài chính để thực thi kế hoạch kinh doanh Công ty.
- Tạo sự gắn kết người lao động với Công ty và là động lực cho người lao động làm việc hiệu quả hơn.

II. PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

- Công ty sẽ thực hiện phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 5.728.129.810.000 đồng lên 6.673.271.210.000 đồng, tương ứng việc phát hành thêm cổ phiếu với tổng mệnh giá 945.141.400.000 đồng, tương đương 94.514.140 cổ phiếu.
- Phương án tăng vốn điều lệ lên 6.673.271.210.000 đồng bao gồm: Phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu; Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

- Công ty sẽ thực hiện đồng thời phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu trước khi thực hiện phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.
- Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động sẽ được triển khai sau ngày chốt danh sách cổ đông hiện hữu để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm và nhận thêm cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- Tổng hợp phương án phát hành:

STT	Phương án phát hành	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm (cổ phiếu)
1	Phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu	68.737.557
2	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	17.184.389
3	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	8.592.194
	Tổng cộng	**94.514.140**

Cụ thể phương án phát hành như sau:

2.1. Phương án phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ

i.	Tổ chức phát hành:	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
ii.	Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
iii.	Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
iv.	Mệnh giá cổ phiếu:	10.000 VND (Mười nghìn đồng Việt Nam)/cổ phiếu
v.	Số lượng cổ phiếu trước khi phát hành:	572.812.981 cổ phiếu
vi.	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành trước phát hành:	572.782.940 cổ phiếu
vii.	Số lượng cổ phiếu quỹ tại 31/12/2024:	30.041 cổ phiếu
viii.	Số lượng cổ phiếu chào bán thêm:	68.737.557 cổ phiếu phổ thông
ix.	Tổng giá trị chào bán (tính theo mệnh giá):	687.375.570.000 VND (Sáu trăm tám mươi bảy tỷ ba trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng)

x.	Đối tượng chào bán:	Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông chốt tại ngày đăng ký cuối cùng được phân bổ quyền mua cổ phiếu phát hành thêm do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp. Cổ phiếu quỹ không được thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu.
xi.	Tỷ lệ thực hiện quyền dự kiến:	Theo tỷ lệ thực hiện quyền là 100:12 (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu tương ứng với 1 quyền, 100 quyền được mua 12 cổ phần mới). Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tỷ lệ thực hiện quyền phù hợp, căn cứ vào số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán thêm và số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty tại thời điểm phát hành.
xii.	Nguyên tắc làm tròn:	Đối với phần lẻ cổ phần (nếu có) phát sinh khi cổ đông thực hiện quyền, để đảm bảo số lượng cổ phiếu phát hành không vượt quá số lượng chào bán, số lượng cổ phiếu cổ đông được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
xiii.	Điều kiện hạn chế chuyển nhượng	Cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu được tự do chuyển nhượng.
xiv.	Chuyển nhượng quyền mua:	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông được phân bổ quyền mua có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho các đối tượng khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần. Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng và thanh toán tiền chuyển nhượng.
xv.	Nguyên tắc xác định giá phát hành cho cổ đông hiện hữu:	Đối với cổ phiếu của Công ty được chào bán cho cho cổ đông hiện hữu, do tính chất ưu tiên của đối tượng phân phối, đồng thời căn cứ vào tình hình thị trường chứng khoán, nhu cầu sử dụng vốn, giá trị thị trường và giá trị sổ sách của cổ phiếu, cũng như trên cơ sở phân tích mức độ pha loãng giá, giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu được Công ty xác định bằng 10.000 đồng/cổ phiếu.
xvi.	Giá phát hành:	10.000 VND (mười nghìn đồng Việt Nam)/cổ phiếu
xvii.	Số tiền dự kiến thu được	687.375.570.000 VND (Sáu trăm tám mươi bảy tỷ ba trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng)
xviii.	Thời gian chào bán dự kiến:	Dự kiến trong năm 2025, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.
xix.	Phương thức xử lý cổ phiếu còn lại chưa phân	- Số cổ phiếu chênh lệch phát sinh giữa tổng số lượng cổ phiếu đã xin phép chào bán (68.737.557 cổ phiếu) và tổng số lượng cổ phiếu thực tế chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ

phối hết:	thực hiện quyền 100: 12 sẽ bị hủy bỏ. - Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết gồm: (1) Số cổ phiếu còn dư do cổ đông không thực hiện quyền mua; (2) Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống khi tính toán cổ phiếu được mua của cổ đông hiện hữu; Số cổ phiếu còn lại này, Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền Hội đồng quản trị quyết định chào bán cho Ngân hàng TMCP Quân Đội và/hoặc các Nhà đầu tư khác với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu, bằng mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Đại hội đồng cổ đông thông qua tiêu chí lựa chọn các Nhà đầu tư khác để chào bán số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết, đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị tìm kiếm và lựa chọn các Nhà đầu tư này, cụ thể như sau: Tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư để chào bán cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết: • Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài bày tỏ quan tâm, mong muốn và đủ năng lực tài chính để đầu tư cổ phiếu MBS; • Các nhà đầu tư có khả năng đóng góp cho sự phát triển của MBS; • Các nhà đầu tư không có hoạt động kinh doanh ảnh hưởng tới lợi ích của MBS. Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết nói trên khi chào bán tiếp cho Ngân hàng TMCP Quân Đội và/hoặc đối tượng khác theo quyết định của Hội đồng quản trị sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán. Việc phân phối số cổ phiếu không chào bán hết cho các nhà đầu tư khác phải đáp ứng các điều kiện theo Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và các quy định pháp luật liên quan, bao gồm nhưng không hạn chế ở các điều kiện sau: • Tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp 2020: "Công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau." • Đảm bảo các điều kiện chào bán quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP do Chính Phủ ban hành ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.
xx. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu	Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

	nước ngoài:	
xxi.	Lưu ký và niêm yết bổ sung	Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định của pháp luật.
xxii.	Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu	0%
xxiii.	Phương án huy động vốn trong trường hợp cổ phiếu không chào bán hết theo dự kiến	Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán nốt số cổ phiếu chưa chào bán hết nếu cần. Trong trường hợp cổ phần không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, Hội đồng quản trị sẽ cân nhắc huy động các nguồn vốn vay ngân hàng hoặc các giải pháp khác phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty để thực hiện các kế hoạch đã đặt ra.
xxiv.	Thay đổi điều lệ:	Thông qua tăng vốn điều lệ và sửa đổi mức vốn điều lệ quy định tại Điều lệ của Công ty theo kết quả thực tế phát hành
xxv.	Thay đổi giấy phép thành lập và hoạt động; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	Thông qua việc thay đổi giấy phép thành lập và hoạt động và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mức vốn điều lệ mới theo kết quả thực tế phát hành.

2.2. Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

i.	Tổ chức phát hành:	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
ii.	Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
iii.	Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
iv.	Mệnh giá cổ phiếu:	10.000 VND (Mười nghìn đồng Việt Nam)/cổ phiếu
v.	Số lượng cổ phiếu trước khi phát hành:	572.812.981 cổ phiếu
vi.	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành trước phát hành:	572.782.940 cổ phiếu
vii.	Số lượng cổ phiếu quỹ tại	30.041 cổ phiếu

	31/12/2024:	
viii.	Số lượng cổ phiếu phát hành dự kiến:	17.184.389 cổ phiếu phổ thông
ix.	Tổng giá trị phát hành (tính theo mệnh giá):	171.843.890.000 VND (Một trăm bảy mươi mốt tỷ tám trăm bốn mươi ba triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng)
x.	Đối tượng phát hành:	Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông chốt tại ngày đăng ký cuối cùng được phân bổ quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp. Cổ phiếu quỹ không được thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
xi.	Nguồn vốn sử dụng để phát hành	Nguồn từ thặng dư vốn cổ phần căn cứ trên Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.
xii.	Tỷ lệ thực hiện quyền dự kiến:	Theo tỷ lệ thực hiện quyền là 100:03 (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu tương ứng với 1 quyền, 100 quyền nhận được thêm 03 cổ phiếu mới). Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tỷ lệ thực hiện quyền phù hợp, căn cứ vào số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm và số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty tại thời điểm phát hành.
xiii.	Phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ	Số lượng cổ phiếu phát hành sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) sẽ được Công ty hủy bỏ. Giá trị theo mệnh giá của số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống bị hủy bỏ sẽ được giữ lại tại nguồn thặng dư vốn cổ phần của Công ty.
xiv.	Điều kiện hạn chế chuyển nhượng	Cổ phiếu phát hành thêm để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.
xv.	Chuyển nhượng quyền:	Quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu không được chuyển nhượng.
xvi.	Thời gian phát hành dự kiến:	Dự kiến trong năm 2025, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) có thông báo nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành.
xvii.	Kế hoạch sử dụng vốn tăng thêm	Bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty trên nguyên tắc an toàn, hiệu quả và mang lại lợi ích cho cổ đông
xviii.	Lưu ký và niêm	Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và niêm yết

yết bổ sung	bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định của pháp luật.
xix. Thay đổi điều lệ:	Thông qua tăng vốn điều lệ và sửa đổi mức vốn điều lệ quy định tại Điều lệ của Công ty theo kết quả thực tế phát hành
xx. Thay đổi giấy phép thành lập và hoạt động; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	Thông qua việc thay đổi giấy phép thành lập và hoạt động và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mức vốn điều lệ mới theo kết quả thực tế phát hành.

2.3. Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)

i. Tổ chức phát hành:	Công ty cổ phần Chứng khoán MB
ii. Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty cổ phần Chứng khoán MB
iii. Loại cổ phiếu:	Cổ phần phổ thông
iv. Mệnh giá cổ phiếu:	10.000 đồng (Mười nghìn đồng)/cổ phần
v. Số lượng cổ phiếu phát hành dự kiến:	8.592.194 cổ phiếu
vi. Tổng giá trị chào bán (tính theo mệnh giá):	85.921.940.000 đồng
vii. Phương thức phát hành	Phát hành cổ phiếu cho CBCNV theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)
viii. Đối tượng chào bán, Tiêu chuẩn:	Đối tượng, Tiêu chuẩn người lao động được tham gia chương trình: Các thành viên trong Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và người lao động đã ký hợp đồng lao động với Công ty tại thời điểm lập danh sách theo nguyên tắc và tiêu chí phân bổ về thâm niên, vị trí chức danh, kết quả thực hiện công việc, đóng góp cho công ty và các tiêu chí khác. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền và giao cho Hội đồng Quản trị phê duyệt tiêu chí cụ thể và danh sách chi tiết đối tượng được mua cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động, phê duyệt nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng, thời gian thực hiện, phù hợp quy định pháp luật.
ix. Giá phát hành	10.000 đồng (Mười nghìn đồng)/cổ phiếu
x. Số tiền dự kiến thu được	85.921.940.000 đồng (Tám mươi lăm tỷ chín trăm hai mươi mốt triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng)

xi. Nguyên tắc xác định giá bán	Do tính chất ưu tiên của đối tượng phân phối, đồng thời căn cứ vào tình hình thị trường chứng khoán, nhu cầu sử dụng vốn, giá trị thị trường và giá trị sổ sách của cổ phiếu, cũng như trên cơ sở phân tích mức độ pha loãng giá, giá chào bán cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên được Công ty xác định bằng 10.000 đồng/cổ phiếu.
xii. Điều kiện hạn chế chuyển nhượng	Cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 05 năm kể từ thời điểm kết thúc đợt phát hành, thời gian giải tỏa hạn chế chuyển nhượng như sau: -Kết thúc năm thứ 3: giải tỏa 50% số lượng cổ phiếu; -Kết thúc năm thứ 5: giải tỏa 100% số lượng cổ phiếu. Trường hợp số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng mỗi năm khi quy đổi ra số lẻ thì số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng đối với từng năm được tính theo số nguyên, phần thập phân sẽ được cộng dồn vào năm cuối, phù hợp quy định pháp luật.
xiii. Thời gian chào bán dự kiến:	Dự kiến trong năm 2025, sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành của MBS và sau ngày chốt danh sách cổ đông hiện hữu để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm và nhận thêm cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
xiv. Phương thức xử lý cổ phần còn lại chưa phân phối hết:	Số lượng cổ phần do người lao động không đăng ký mua hết được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị phân phối cho một số người lao động khác trong Công ty với mức giá chào bán 10.000 đồng/cổ phần. Số lượng cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng theo đúng điều kiện hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động nêu tại mục xii. trên đây. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt tiêu chí cụ thể và danh sách chi tiết đối tượng được mua số cổ phiếu còn dư khi phát hành ESOP; phê duyệt nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và thời gian thực hiện. Việc phân phối số cổ phiếu chưa phân phối hết cho người lao động khác phải đảm bảo đáp ứng quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán
xv. Phương án xử lý trong các trường hợp Cán bộ nhân viên không còn đủ tiêu chuẩn nắm giữ cổ phiếu mua theo chương trình lựa chọn cho	Đại hội đồng cổ đông ủy quyền và giao Hội đồng Quản trị quyết định nội dung cụ thể về phương án xử lý trong các trường hợp cán bộ nhân viên không còn đủ tiêu chuẩn nắm giữ cổ phiếu được mua theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

	người lao động:	
xvi.	Lưu ký và niêm yết bổ sung	Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán theo đúng quy định của pháp luật.
xvii.	Thay đổi điều lệ:	Thông qua tăng vốn điều lệ và sửa đổi vốn điều lệ trên Điều lệ của Công ty theo kết quả thực tế phát hành
xviii.	Thay đổi giấy phép thành lập và hoạt động; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	Thông qua việc thay đổi giấy phép thành lập và hoạt động và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mức vốn điều lệ mới theo kết quả thực tế phát hành.

III. Phương án sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành

1. Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành:

STT	Phương án phát hành	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm (cổ phiếu)	Giá bán (VND/cổ phiếu)	Số tiền dự kiến thu được (VND)
1	Phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu	68.737.557	10.000	687.375.570.000
2	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	17.184.389	-	0
3	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	8.592.194	10.000	85.921.940.000
	Tổng cộng	**94.514.140**		**773.297.510.000**

2. Phương án sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành:

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành dự kiến là 773.297.510.000 đồng Việt Nam, Công ty sẽ bổ sung nguồn lực cho các hoạt động kinh doanh nhằm gia tăng thị phần.

Dự kiến số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu sẽ được sử dụng cho các mục đích như sau:

STT	Phương án sử dụng tiền thu được	Số tiền đầu tư dự kiến (VND)	Thời gian sử dụng dự kiến
I	**Số tiền thu được từ phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu**	**687.375.570.000**	
1.	Bổ sung vốn cho hoạt động tự doanh và bảo lãnh phát hành	150.000.000.000	Từ năm 2025, theo kế hoạch của Công ty
2.	Bổ sung và cung ứng vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ (margin)	537.375.570.000	Từ năm 2025, theo kế hoạch của Công ty
II	**Số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa**	**85.921.940.000**	

STT	Phương án sử dụng tiền thu được	Số tiền đầu tư dự kiến (VND)	Thời gian sử dụng dự kiến
	chọn cho người lao động		
	Bổ sung và cung ứng vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ (margin)	85.921.940.000	Từ năm 2025, theo kế hoạch của Công ty
	Tổng cộng	**773.297.510.000**	

Trường hợp số tiền thu được từ đợt phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích nêu trên thì thứ tự mục đích ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:

- Ưu tiên 1: Bổ sung vốn cho hoạt động tự doanh và bảo lãnh phát hành; tiếp đến
- Ưu tiên 2: Bổ sung và cung ứng vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ (margin).

Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền Hội đồng quản trị quyết định điều chỉnh việc phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán cho các mục đích sử dụng vốn đã được thông qua và/hoặc thay đổi mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất về các nội dung điều chỉnh liên quan đến phương án sử dụng vốn này.

Để đảm bảo tính linh hoạt, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn, đảm bảo lợi ích của cổ đông và lợi ích của Công ty, Công ty sẽ gửi tiền tại ngân hàng và/hoặc mua chứng chỉ tiền gửi của ngân hàng trong thời gian chưa dùng vốn vào các mục đích đã được thông qua.

Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo quy định, Công ty không chào bán hết số cổ phiếu như đăng ký, số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ như dự kiến, tuỳ vào tình hình thực tế, Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các giải pháp như sau:

- Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán toàn bộ số cổ phiếu còn lại đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật;
- Ngoài ra, nếu không thu đủ số tiền huy động dự kiến của đợt chào bán, Công ty sẽ sử dụng nguồn vốn khác như vay ngân hàng và/hoặc các giải pháp khác phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty để thực hiện các kế hoạch đã đặt ra.

IV. THÔNG QUA VIỆC ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THỰC HIỆN

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền và giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc sau:

- Quyết định, thông qua các vấn đề chi tiết để thực hiện các phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt nêu trên và/hoặc sửa đổi một (một số) nội dung của các phương án phát hành đảm bảo phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ Công ty khi cần thiết để đảm bảo đợt phát hành được thành công;
- Lựa chọn thời điểm chào bán thích hợp để thực hiện chào bán cổ phiếu sau khi Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng và có thông báo bằng văn bản về việc nhận được hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu; hoặc có thông báo bằng văn bản về việc nhận được hồ sơ báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty, đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật, quy định của MBS;
- Quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành

thêm và quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm từ nguồn vốn chủ sở hữu, các mốc thời gian liên quan đến việc triển khai phát hành và thực hiện các thủ tục chốt danh sách cổ đông theo quy định; Quyết định phương thức xử lý cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu: Xây dựng tiêu chí và lựa chọn, đàm phán với Nhà đầu tư, quyết định giá bán cổ phiếu chưa phân phối hết cho các đối tượng khác phù hợp với các quy định tại Phương án phát hành và quy định của pháp luật;

- Phê duyệt tiêu chí cụ thể và danh sách cán bộ nhân viên được phân phối cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động; phê duyệt nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng cán bộ nhân viên; phê duyệt và ban hành quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động và thời gian thực hiện;
- Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
- Quyết định, thông qua việc tiến hành các thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty để ghi nhận phần vốn điều lệ mới tăng thêm từ kết quả chào bán thực tế của các phương án phát hành và ban hành Điều lệ theo vốn điều lệ mới;
- Quyết định, thông qua việc triển khai các công việc và thủ tục pháp lý cần thiết để điều chỉnh/thay đổi Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo vốn điều lệ mới sau khi kết thúc các đợt phát hành;
- Quyết định, thông qua việc thực hiện các công việc liên quan và phê duyệt Hồ sơ để đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm tại Sở Giao dịch chứng khoán theo đúng quy định của Pháp luật;
- Điều chỉnh việc phân bổ số tiền thu được từ đợt phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu và từ đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động cho các mục đích sử dụng vốn đã được thông qua và/hoặc thay đổi mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất về các nội dung điều chỉnh liên quan đến phương án sử dụng vốn này;
- Trong quá trình thực hiện các nội dung nêu trên, Hội đồng Quản trị có quyền: (i) Quyết định các nội dung trong phạm vi nhiệm vụ được giao, ủy quyền; (ii) thực hiện và/hoặc chỉ đạo, phân công, giao nhiệm vụ cho các Đơn vị, cá nhân tại MBS: Thực hiện các công việc cần thiết theo quy định; Hoàn chỉnh, hoàn thiện và ký các văn bản, tài liệu có liên quan; Thực hiện công việc và thủ tục cần thiết để triển khai nhiệm vụ được giao và ủy quyền, phù hợp quy định pháp luật.

Hội đồng quản trị MBS kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

Nơi nhận:
- *ĐHĐCĐ;*
- *Lưu VP HĐQT.*

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

LÊ VIẾT HẢI

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB
Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 24 7304 5688 Website: www.mbs.com.vn

Số: 01/TTr-MBS-BKS *Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2025*

TỜ TRÌNH CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

(V/v: Lựa chọn công ty kiểm toán năm 2025)

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 ("Luật Doanh nghiệp 2020");*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 ("Luật Chứng khoán 2019");*
- *Căn cứ Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động của Công ty chứng khoán;*
- *Căn cứ các văn bản pháp luật khác có liên quan;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Chứng khoán MB;*
- *Xét tình hình hoạt động thực tế.*

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo kiểm toán năm, soát xét báo cáo tài chính quý, bán niên cho năm 2025 như sau:

- ĐHĐCĐ chấp thuận/thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập:

Stt	Tên công ty kiểm toán
1	Công ty TNHH KPMG
2	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

- ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị: (i) Quyết định lựa chọn một công ty kiểm toán cụ thể trong danh sách trên để thực hiện kiểm toán/soát xét báo cáo tài chính năm, báo cáo tài chính quý và bán niên; (ii) Quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật để thực hiện kiểm toán các hoạt động khác của công ty phù hợp với quy định pháp luật, điều lệ của MBS. Hội đồng quản trị được ủy quyền lại cho người khác thực hiện các công việc nêu trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

Nơi nhận:
- *ĐHĐCĐ;*
- *Lưu BKS.*

T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Phạm Thị Hoa

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB
Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 24 7304 5688 Website: www.mbs.com.vn

Số: 13/TTr-MBS-HĐQT *Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2025*

TỜ TRÌNH

(V/v: Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025)

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 ("Luật Doanh nghiệp 2020");*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 ("Luật Chứng khoán 2019");*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động của Công ty chứng khoán;*
- *Căn cứ các văn bản pháp luật khác có liên quan;*
- *Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Chứng khoán MB số 01/NQ-MBS-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2024;*
- *Xét tình hình hoạt động thực tế.*

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán MB báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông về thù lao của Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 như sau:

1. Báo cáo Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát năm 2024:

Tổng Thù lao của HĐQT, BKS năm 2024 được sử dụng nằm trong hạn mức đã được ĐHĐCĐ phê duyệt (1.2% lợi nhuận sau thuế thực đạt năm 2024). Tổng thù lao năm 2024 được áp dụng đối với các thành viên HĐQT, BKS chuyên trách và không chuyên trách. Thành viên HĐQT, BKS được hưởng thù lao, lương, thưởng và các khoản lợi ích khác theo kết quả kinh doanh hàng năm của Công ty, đảm bảo phù hợp quy định hiện hành.

2. Đề xuất thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2025:

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán MB kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động của HĐQT và BKS năm 2025 là: 1.2% lợi nhuận sau thuế thực đạt năm 2025. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định nguyên tắc, cơ chế chi trả thù lao, lương, thưởng, chi hoạt động và các lợi ích khác đối với các thành viên HĐQT, BKS theo phân công nhiệm vụ và kết quả thực hiện công việc, kết quả kinh doanh của công ty, phù hợp với các quy định về lương, đãi ngộ của MBS và các quy định hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

Nơi nhận:
- *ĐHĐCĐ;*
- *Lưu VP HĐQT.*

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

LÊ VIẾT HẢI

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB
Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 24 7304 5688 Website: www.mbs.com.vn

Số: 14/TTr-MBS-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

(V/v: Niêm yết các trái phiếu MBS chào bán ra công chúng)

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ("Luật Doanh nghiệp") và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, đã sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân,Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính ("Luật Chứng khoán") và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Chứng Khoán MB;*
- *Căn cứ Chiến lược kinh doanh và nhu cầu vốn của Công ty cổ phần Chứng Khoán MB giai đoạn 2022-2026.*

Căn cứ Chiến lược kinh doanh và nhu cầu vốn của Công ty cổ phần Chứng Khoán MB ("Công ty") giai đoạn 2022- 2026, Công ty dự kiến sẽ phát hành trái phiếu doanh nghiệp phù hợp với quy định pháp luật và điều kiện thị trường thực tế ("Trái phiếu"). Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chứng Khoán MB kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua việc niêm yết các Trái phiếu do Công ty chào bán ra công chúng theo phương án phát hành được Hội đồng quản trị thông qua theo Điều lệ và quy định của pháp luật hiện hành trong khoảng thời gian từ ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 cho đến ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026. Chi tiết như sau:

1. Thông qua việc niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán các Trái phiếu chào bán ra công chúng theo phương án phát hành được Hội đồng quản trị thông qua trong khoảng thời gian từ ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 cho đến ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm

2026, đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định của MBS.

2. ĐHĐCĐ ủy quyền, giao cho HĐQT tổ chức thực hiện và quyết định toàn bộ các công việc để niêm yết Trái phiếu theo nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và đảm bảo phù hợp quy định pháp luật, Điều lệ và quy định của MBS. HĐQT được phép ủy quyền cho người khác thực hiện các công việc để niêm yết Trái phiếu MBS chào bán ra công chúng.

Hội đồng quản trị MBS kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

Nơi nhận:
- *ĐHĐCĐ;*
- *Lưu VP HĐQT.*

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

LÊ VIẾT HẢI

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB
Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 24 7304 5688 Website: www.mbs.com.vn

Số: 15/TTr-MBS-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

(V/v: Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025)

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH11, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp số 03/2022/QH15; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 56/2024/QH15; các quy định pháp luật khác có liên quan và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Điều lệ và quy định của Công ty cổ phần Chứng Khoán MB;*
- *Căn cứ nhu cầu thực tiễn hoạt động của Công ty cổ phần Chứng Khoán MB,*

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chứng Khoán MB (MBS) kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 như sau:

1. Thông qua Báo cáo số 09/BC-MBS-HĐQT ngày 24/03/2025 của Hội đồng quản trị về tổng kết hoạt động của HĐQT năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025; Báo cáo số 01/BC-MBS-BĐH ngày 24/03/2025 của Ban Điều hành về Kết quả kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch kinh doanh năm 2025;
2. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau đây:
   a. Mức cổ tức tiền mặt chi trả từ kết quả kinh doanh năm 2024 tối thiểu khoảng 12%. Ủy quyền và giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, hình thức, mức chi trả/tạm ứng cổ tức cụ thể và các nội dung khác có liên quan để chi trả/tạm ứng cổ tức phù hợp với định hướng của Đại hội đồng cổ đông và tình hình hoạt động thực tế của MBS.
   b. Các hợp đồng, giao dịch cung cấp sản phẩm, dịch vụ mà MBS được phép cung cấp phù hợp quy định pháp luật (như huy động vốn, phát hành chứng khoán, dịch vụ tài chính khác) liên quan đến hoạt động của MBS theo chấp thuận của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; các hợp đồng, giao dịch phù hợp chủ trương, yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền; và các hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa MBS với cổ đông lớn, các bên/người có liên quan của MBS theo quy định pháp luật; hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa MBS và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó; trên cơ sở hài hòa quyền lợi của cổ đông và của MBS.

c. Việc miễn, giảm gốc tiền vay; việc xuất toán nợ đã xử lý rủi ro ra khỏi ngoại bảng đối với các khoản nợ đáp ứng điều kiện theo quy định của Bộ tài chính; việc góp vốn, mua cổ phần, nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp trong các trường hợp xử lý nợ đối với khách hàng, phù hợp quy định pháp luật và hướng dẫn của Cơ quan có thẩm quyền.

d. Việc sửa đổi, bổ sung các ngành nghề kinh doanh (phù hợp nhu cầu thực tế triển khai) theo quy định Luật Chứng khoán, Nghị định của Chính phủ, Thông tư của Bộ Tài chính và các ngành nghề phù hợp quy định pháp luật: bù trừ và thanh toán chứng khoán; hoạt động chào bán các sản phẩm tài chính; hoạt động quản lý tài sản bảo đảm là tiền và chứng khoán trên tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng; hoạt động đại diện người sở hữu trái phiếu; các hoạt động đầu tư; hoạt động đại lý khác; phân phối và/hoặc liên kết, hợp tác với công ty có chức năng khác phân phối sản phẩm chứng khoán, tài chính và các hoạt động hợp tác, kinh doanh có liên quan đến hoạt động của MBS và các ngành nghề khác phù hợp quy định pháp luật, chấp thuận của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

   Việc sửa đổi/cập nhật vào Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ và các văn bản có liên quan về vốn điều lệ (phù hợp kết quả phương án tăng vốn thực tế), ngành nghề kinh doanh, nội dung, phạm vi hoạt động và thay đổi khác (nếu có) phù hợp quy định pháp luật.

e. Việc đầu tư, nâng cấp, thay đổi trụ sở của MBS tại các địa bàn (bao gồm khu vực thành phố Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh/Khu vực phía nam và/hoặc các địa bàn trọng điểm về kinh tế, giao thông thuận tiện, tăng cường nhận diện thương hiệu), góp phần phát triển kinh doanh theo định hướng chiến lược MBS giai đoạn 2023-2028.

Đại hội đồng cổ đông thông qua, ủy quyền và giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh nội dung cụ thể, quyết định và tổ chức thực hiện các công việc trên, phù hợp với nhu cầu thực tiễn hoạt động của MBS, trên cơ sở hài hòa quyền lợi của cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ nêu trên, Hội đồng quản trị có quyền: (i) Quyết định các nội dung trong phạm vi nhiệm vụ được ủy quyền và giao nhiệm vụ; (ii) Thực hiện và/hoặc chỉ đạo, phân công, giao nhiệm vụ và ủy quyền cho các Đơn vị, cá nhân tại MBS: Thực hiện các công việc cần thiết phù hợp quy định pháp luật; Hoàn chỉnh và ký các văn bản, giấy tờ, tài liệu có liên quan; làm việc với các cơ quan có thẩm quyền và các bên liên quan; thực hiện mọi công việc và thủ tục cần thiết khác để triển khai nhiệm vụ được giao và ủy quyền, phù hợp quy định pháp luật.

3. Thông qua Báo cáo số 10/BC-MBS-BKS ngày 24/03/2025 của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;

4. Thông qua Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2024 tại Báo cáo số 02/BC-MBS-HĐQT ngày 17/01/2025 của Hội đồng quản trị;

5. Thông qua việc điều chỉnh Phương án sử dụng số vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2024 tại Tờ trình số 11/TTr-MBS-HĐQT ngày 24/03/2025;

6. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và Kế hoạch năm 2025 tại Tờ trình số 10/TTr-MBS-HĐQT ngày 24/03/2025;

7. Thông qua Danh sách công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm, soát xét Báo cáo tài chính quý, bán niên và các hoạt động theo quy định pháp luật cho năm 2025, nội dung ủy quyền và giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập cụ thể tại Tờ trình số 01/TTr-MBS-BKS ngày 24/03/2025;

8. Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ năm 2025, nội dung ủy quyền và giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị tại Tờ trình số 12/TTr-MBS-HĐQT ngày 24/03/2025;

9. Thông qua việc niêm yết các trái phiếu chào bán ra công chúng theo phương án phát hành được Hội đồng quản trị thông qua trong khoảng thời gian từ ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 cho đến ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 tại Tờ trình số 14/TTr-MBS-HĐQT ngày 24/03/2025;

10. Thông qua Mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025 tối đa 1,2% lợi nhuận sau thuế theo Báo cáo tài chính năm 2025 tại Tờ trình số 13/TTr-MBS-HĐQT ngày 24/03/2025; Đại hội đồng cổ đông thông qua, ủy quyền và giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị quyết định nguyên tắc, cơ chế chi thù lao, lương, thưởng, chi phí hoạt động và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát theo phân công nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát (bao gồm việc nhận chuyển nhượng, thưởng, tham gia phương án phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên MBS – nếu có), kết quả thực hiện công việc và kết quả kinh doanh của MBS, phù hợp với Điều lệ MBS, các quy định về lương, đãi ngộ của MBS và các quy định hiện hành có liên quan.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua!

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:
- *Quý vi cổ đông;*
- *HĐQT, BKS, TGĐ;*
- *Lưu VP HĐQT.*

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Lê Viết Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Đống Đa, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0106393583
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2025.04.18 15:29:23+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.2.1